BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NGỮ VĂN 7

TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGỮ VĂN 7

TẬP MỘT

(Bản in thử)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

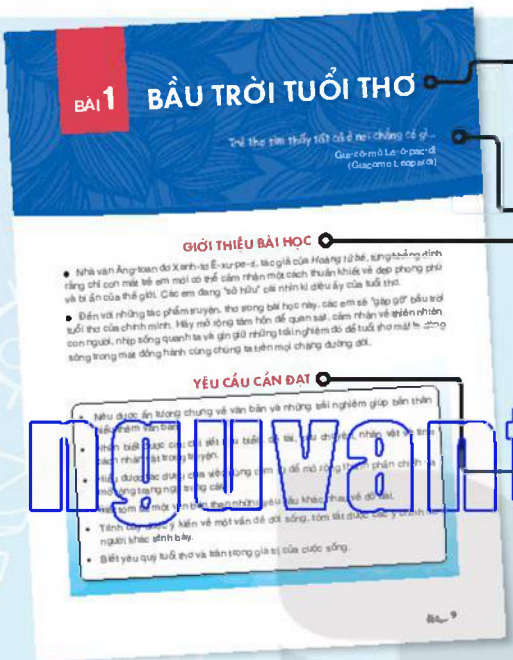

Tên bài giúp em định hướng được chủ đề của bài học, các văn bản đọc trong bài đều có nội dung xoay quanh chủ đề này.

Đề từ là phần gợi liên tưởng, suy nghĩ về chủ đề của bài học.

Giới thiệu bài học giúp em hình dung được bao quát về chủ đề của bài học cũng như thể loại, loại văn bản được học trong bài.

Yêu cầu cần đạt là mục tiêu của mỗi bài học. Các hoạt động học tập của em theo hướng dẫn của bài học đều phải hướng đến những yêu cầu cần đạt này.

Tri thức ngữ văn cung cấp các kiến thức về thể loại hoặc loại văn bản và kiến thức tiếng Việt. Em cần nắm vững các kiến thức này để đọc hiểu văn bản tốt hơn và vận dụng trong viết, nói và nghe.

Việc viết hoa trong sách *Ngữ văn 7* được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

Trước khi đọc là phần tạo cho em cơ hội huy động kiến thức và trải nghiệm của bản thân có liên quan đến nội dung văn bản, chuẩn bị cho việc đọc hiểu văn bản.

Ở phần **Đọc văn bản**, em đọc thầm hoặc đọc thành tiếng văn bản tuỳ vào mục đích đọc ở từng thời điểm. Mỗi bài học thường có hai văn bản đọc chính thuộc loại, thể loại văn bản được học trong bài và một văn bản đọc bổ trợ, chủ yếu kết nối về chủ đề với các văn bản đọc chính.

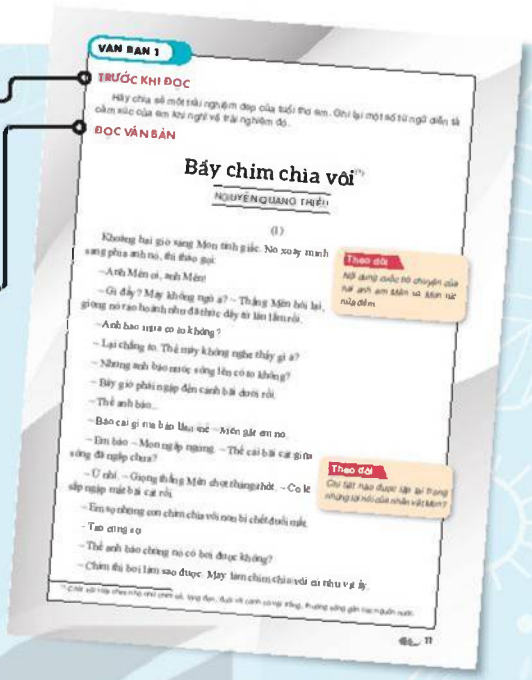
VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ em. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.

ĐỌC VĂN BẢN

Bầy chim chìa vôi

NGUYỄN QUANG THIỀU

(1)

Không hai giờ sáng. Mèn tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

– Anh Mến ơi, anh Mến!

– Gì đấy? Mày không ngủ à? – Thằng Mến bỏ lại, giọng nó rao hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

– Anh bảo ngựa có ác không?

– Lại chẳng ác. Thế mày không nghe thấy gì à?

– Nhưng anh bảo nước sông lên có ác không?

– Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.

– Thế anh bảo...

– Bảo cái gì mà bảo lâu thế! – Mến giật em nó.

– Em bảo – Mèn ngập ngừng. – Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa?

– Ừ nhỉ. – Giọng thằng Mến chợt thảng hốt. – Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi.

– Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.

– Tao cũng sợ.

– Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?

– Chim thì bơi làm sao được. Mày làm chim chìa vôi có phải vụ lý.

Theo dõi

Nội dung cuộc nói chuyện của hai anh em Mến và Mèn từ nửa đêm

Theo dõi

Chi tiết nào được tập trung những lời nói của nhân vật Mèn?

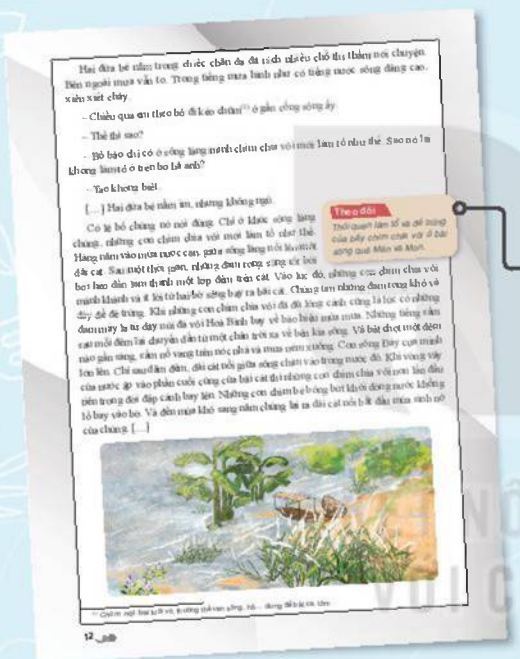
Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn đã đi tích chiếc chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa lình như có tiếng nước sông đang cao, xiết xuất chảy.

– Chiều qua em thấy bố đi kéo thuyền[1] ở gần cồng sông ấy.

– Thế thì sao?

– Bố bảo chỉ có ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở bến bo bố anh?

– Tao không biết.

[...] Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.

Có lẽ bố chúng nó nói đúng. Chỉ ở khúc sông làng chúng, những con chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông lòng hồ khuyết đất cát. Sau một thời gian, những đám rong sông xử bờ bơi bao dần lan thành một lớp đầm trên cát. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mình khảnh và ít lông từ bãi bờ sông bay ra bãi cát. Chúng tìm những đám rong khô và đẩy để đẻ trứng. Khi những con chim chìa vôi đã đi khỏi cánh cồng là lúc có những cơn mưa đêm. Tai dưyên dẫn từ một chân trời xa về bên kia sông. Và bắt chợt một đêm nào giữa rừng, cơn mưa vang trên mọc chìa và mưa cơm xuống. Con sông Đáy cực mình lớn lên. Chỉ sau đêm đêm, đôi cát tối giữa sông chạm vào trong nước đã. Khi vòng xây của nước áp vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên. Những con đàn bỏ bông bơi khỏi dòng nước không hề bay vào bờ. Và đến mọi khó sang năm chúng lại ra đây cát nơi bắt đầu mùa sinh nở của chúng. [...]

Theo dõi

Thời gian làm lỗ và đẻ trứng của bầy chim chìa vôi ở bãi sông quê Mến và Mèn.

Câu hỏi trong khi đọc định hướng cho em cách đọc hiểu văn bản thông qua các chiến lược **theo dõi**, **suy luận**, **hình dung**, **dự đoán**,... về nội dung hoặc đặc điểm nghệ thuật của văn bản. Các câu hỏi trong khi đọc chỉ là những gợi ý, hướng dẫn để em đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.

Phần tìm hiểu **tác giả** cung cấp một số thông tin ngắn gọn, góp phần giúp em đọc hiểu văn bản tốt hơn. Thông tin về tác giả chỉ được đưa vào sách khi nó thực sự cần thiết đối với việc đọc hiểu văn bản. Em chỉ nên tìm hiểu những thông tin này sau khi đọc xong văn bản.

Trả lời câu hỏi là hoạt động **sau khi đọc**, qua đó thể hiện khả năng đọc hiểu văn bản của em. Lưu ý: Em cần chuẩn bị nội dung này trước khi học trên lớp.

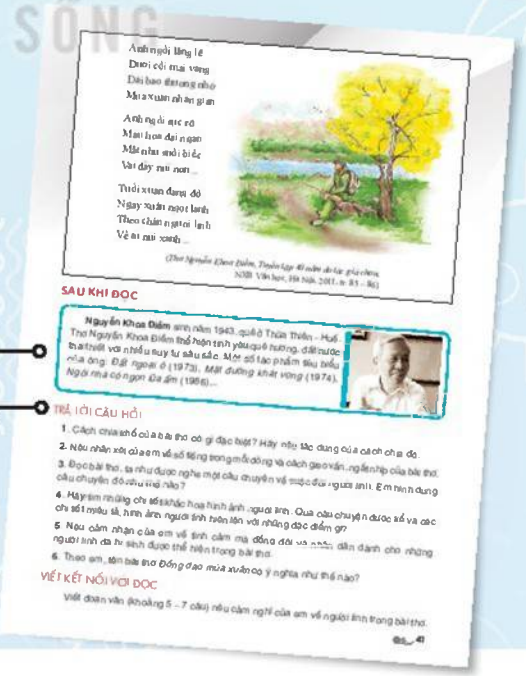
Anh ngồi lặng lẽ
Dưới cội mai vàng
Dịu hao thương nhớ
Mùa xuân nhớ người

Anh ngồi dịu mắt
Mơ hoa đại ngàn
Mắt nhìn mỏi bỏ ốc
Vai đầy mưa nắng...

Trời xuân đượm đó
Ngày xuân một lạnh
Theo chân người lính
Về ăn mai xanh...

(Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm ấy lại gần em, NXB Văn học, Hà Nội, 2017, tr. 85 – 86)

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên – Huế. Thơ Nguyễn Khoa Điềm thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Đất ngoại ô (1973), Mặt đường khát vọng (1974), Ngôi nhà có ngọn lửa ấm (1986)...

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cách chia khổ của bài thơ có gì đặc biệt? Hãy nêu tác dụng của cách chia đó.
2. Nêu nhận xét của em về số tiếng trong mỗi dòng và cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.
3. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện về cuộc đời người lính. Em hình dung câu chuyện đó như thế nào?
4. Hãy tìm những chi tiết khắc hoạ hình ảnh người lính. Qua câu chuyện được kể và các chi tiết miêu tả, hình ảnh người lính hiện lên với những đặc điểm gì?
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm mà đồng đội và nhân dân dành cho những người lính đã hi sinh được thể hiện trong bài thơ.
6. Theo em, tên bài thơ Đồng đạo mùa xuân có ý nghĩa như thế nào?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về người lính trong bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

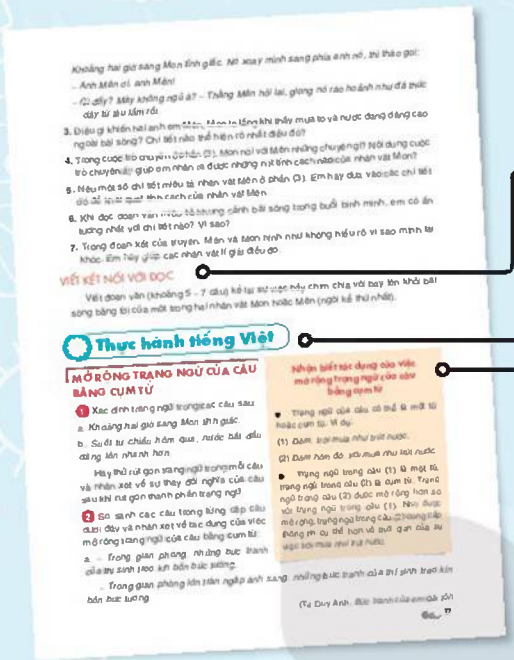

Viết kết nối với đọc yêu cầu viết đoạn văn dựa trên ý tưởng mà em có được từ việc đọc văn bản.

Thực hành tiếng Việt dành cho em cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nhận biết và phân tích các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt trong văn bản đọc.

Trong phần *Thực hành tiếng Việt*, ở những bài có kiến thức tiếng Việt mới được nêu trong **Tri thức ngữ văn**, có mục "nhận biết" được đặt trong khung bên phải, giúp em củng cố kiến thức và trả lời câu hỏi hay làm bài tập tốt hơn.

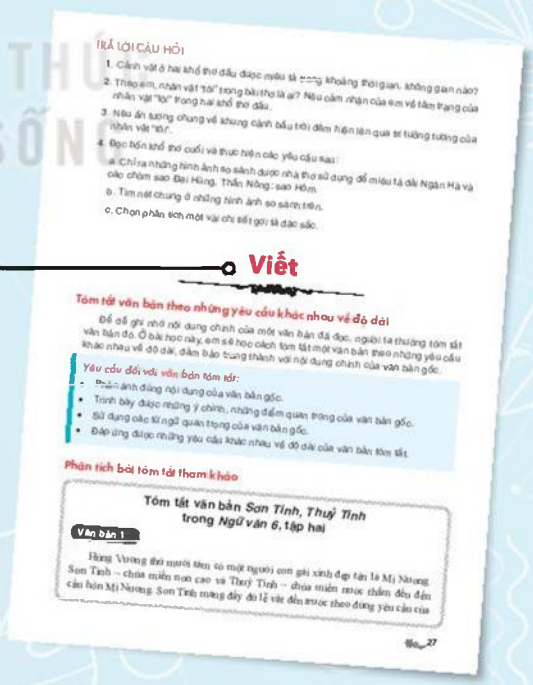

Phần **Viết** bao gồm yêu cầu của kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và hướng dẫn thực hành viết theo các bước. Em cần thực hiện các bước theo hướng dẫn của sách và của thầy cô để viết được bài văn theo yêu cầu.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nói và nghe là hoạt động tiếp nối đọc và viết. Em cần tìm hiểu kĩ quy trình và thực hiện theo hướng dẫn. Hãy tự tin trao đổi, thảo luận cùng các bạn và tích cực thể hiện ý kiến về các vấn đề được nêu ra.

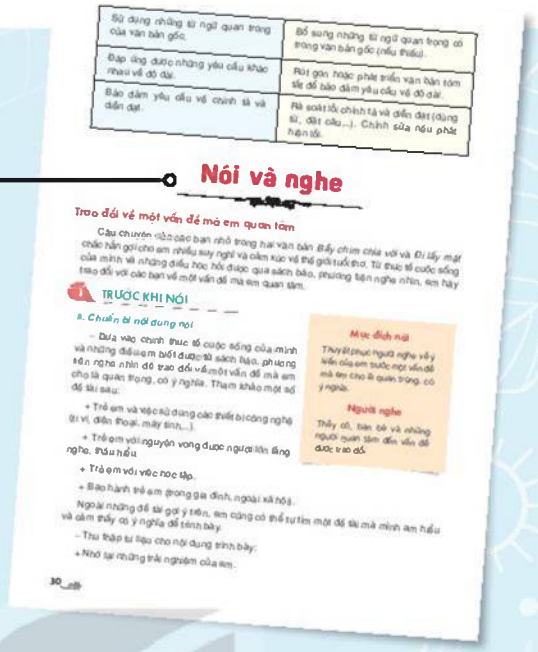

Nói và nghe

Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm

TRƯỚC KHI NÓI

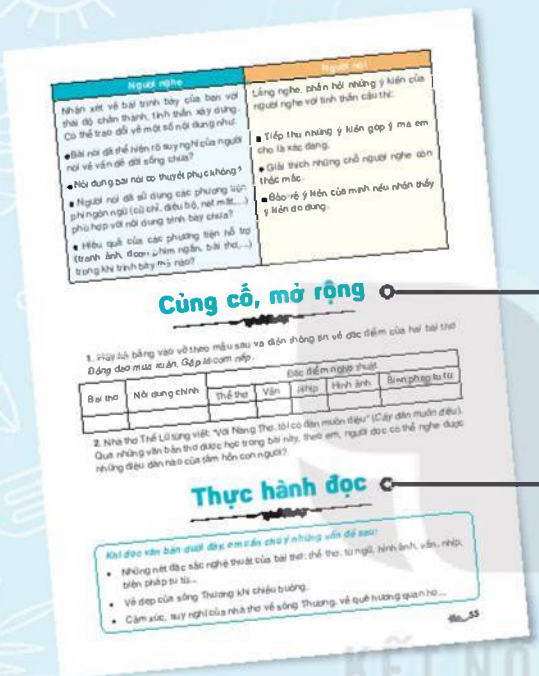

Củng cố, mở rộng

Thực hành đọc

Củng cố, mở rộng ở cuối mỗi bài học là phần luyện tập tổng hợp một số kĩ năng và ôn lại những kiến thức cơ bản đã học. Phần này em có thể thực hiện ở nhà và trao đổi với thầy cô cùng các bạn sau khi đã tự hoàn thành nội dung học tập mà sách thiết kế.

Thực hành đọc là phần tạo cho em cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng được học trong bài để tự đọc một văn bản mới. Trước mỗi văn bản thực hành đọc có một số định hướng và gợi ý giúp em đọc hiểu văn bản tốt hơn.

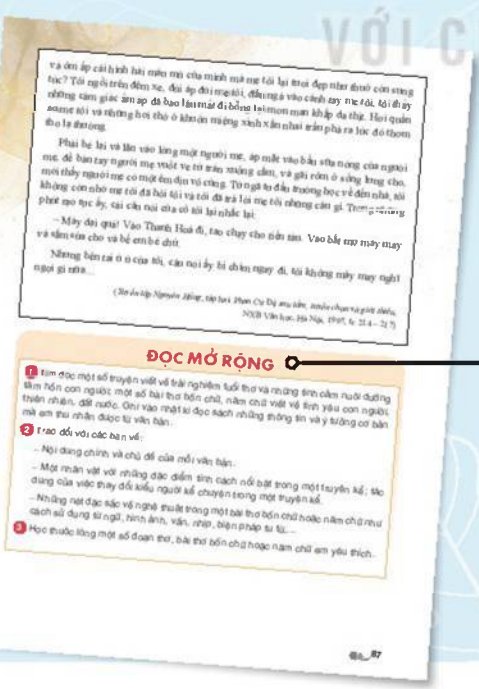

ĐỌC MỞ RỘNG

Đọc mở rộng là phần em tự tìm văn bản để đọc. Sách *Ngữ văn 7* thiết kế những mục riêng, có một số yêu cầu và gợi ý giúp em tìm được văn bản phù hợp và biết tự đọc một cách hiệu quả.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ	9
ĐỌC	10
Bầy chim chìa vôi (Nguyễn Quang Thiều)	11
Thực hành tiếng Việt	17
Đi lấy mật (trích *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi)	18
Thực hành tiếng Việt	24
Ngàn sao làm việc (Võ Quảng)	25
VIẾT	27
Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài	27
NÓI VÀ NGHE	30
Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm	30
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	32
THỰC HÀNH ĐỌC	33
Ngôi nhà trên cây (trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô)	33
BÀI 2. KHÚC NHẠC TÂM HỒN	38
ĐỌC	39
Đồng dao mùa xuân (Nguyễn Khoa Điềm)	40
Thực hành tiếng Việt	42
Gặp lá cơm nếp (Thanh Thảo)	43
Trở gió (Nguyễn Ngọc Tư)	44
Thực hành tiếng Việt	47
VIẾT	48
Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	48
Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	50
NÓI VÀ NGHE	53
Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc)	53
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	55
THỰC HÀNH ĐỌC	55
Chiều sông Thương (Hữu Thỉnh)	56
BÀI 3. CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG	57
ĐỌC	58
Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (trích, Nguyễn Ngọc Thuần)	59
Thực hành tiếng Việt	64
Người thầy đầu tiên (trích, Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp)	65
Thực hành tiếng Việt	72
Quê hương (Tế Hanh)	73
VIẾT	74
Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	74

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE 81
Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học) 81
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 83
THỰC HÀNH ĐỌC 84
Trong lòng mẹ (trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng) 84
ĐỌC MỞ RỘNG 87

BÀI 4. GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC 88
ĐỌC 89
Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải) 90
Thực hành tiếng Việt 92
Gò Me (trích, Hoàng Tố Nguyên) 93
Thực hành tiếng Việt 95
Bài thơ "Đường núi" của Nguyễn Đình Thi, Vũ Quần Phương 96
VIẾT 98
Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc 98
NÓI VÀ NGHE 101
Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng 101
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 103
THỰC HÀNH ĐỌC 104
Chiều biên giới (Lò Ngân Sủn) 104

BÀI 5. MÀU SẮC TRĂM MIỀN 105
ĐỌC 106
Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt (trích, Vũ Bằng) 107
Thực hành tiếng Việt 110
Chuyện cơm hến (Hoàng Phủ Ngọc Tường) 111
Thực hành tiếng Việt 116
Hội lồng tồng (Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ) 117
VIẾT 120
Viết văn bản tường trình 120
NÓI VÀ NGHE 123
Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại 123
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG 126
THỰC HÀNH ĐỌC 126
Những khuôn cửa dấu yêu (Trương Anh Ngọc) 126
ĐỌC MỞ RỘNG 129
ÔN TẬP HỌC KÌ I 130
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ 135
Phụ lục 2: Bảng giải thích thuật ngữ 136
Phụ lục 3: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài 139

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Tiếp nối *Ngữ văn 6*, sách giáo khoa *Ngữ văn 7* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sẽ cùng các em tiếp tục hành trình khám phá thế giới phong phú của văn học và ngôn ngữ, giúp các em có được những trải nghiệm mới, đầy thú vị về con người và cuộc sống để từng bước trưởng thành.

Các bài học trong *Ngữ văn 7* được tổ chức theo cách lồng ghép hệ thống chủ đề với hệ thống loại, thể loại văn bản. Ở tập một, qua những văn bản truyện, thơ, tuỳ bút, tản văn trong các bài *Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước, Màu sắc trăm miền,* các em được đọc những câu chuyện về cuộc sống xung quanh với nhiều nhân vật đa dạng, trong đó có những nhân vật ở độ tuổi các em, lắng nghe tiếng nói yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người, cảm nhận những cung bậc khác nhau của tình cảm thiêng liêng đối với Tổ quốc, trải nghiệm cuộc sống muôn màu ở những vùng miền khác nhau.

Ở tập hai, qua những truyện ngụ ngôn, tục ngữ, truyện khoa học viễn tưởng, văn bản nghị luận, văn bản thông tin trong các bài *Bài học cuộc sống*, *Thế giới viễn tưởng*, *Trải nghiệm để trưởng thành*, *Hoà điệu với tự nhiên*, các em sẽ có dịp suy ngẫm về những bài học từ kinh nghiệm và trí tuệ dân gian; đến với những câu chuyện kì thú của thế giới viễn tưởng được xây dựng bằng trí tưởng tượng kết hợp với tư duy khoa học, nuôi dưỡng ở các em khát vọng biến ước mơ thành hiện thực; tiếp nhận, đánh giá những ý tưởng, thông tin về các vấn đề của con người và thế giới tự nhiên để không ngừng trưởng thành, chọn con đường tương lai cho bản thân, góp phần vào sự phát triển của xã hội. Ở cuối sách có bài *Trang sách và cuộc sống* được thiết kế dưới dạng "dự án đọc sách", gợi ý cho các em những cách chinh phục thế giới sách đầy sáng tạo như đọc cùng nhà phê bình, trải nghiệm cùng nhân vật, chuyện trò cùng tác giả và tạo ra những sản phẩm mang đậm cá tính của người học.

Tương tự *Ngữ văn 6*, nội dung của mỗi bài học trong *Ngữ văn 7* được thiết kế xoay quanh các hoạt động chính đọc, viết, nói và nghe. Những hoạt động này được tích hợp, kết nối chặt chẽ với nhau. So với *Ngữ văn 6*, các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe trong *Ngữ văn 7* được nâng cao hơn. Ngữ liệu, kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học cũng có độ khó tương ứng với những yêu cầu cần đạt đó nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của các em. Với sách giáo khoa Ngữ văn của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, chắc hẳn sau mỗi năm học, các em sẽ cảm thấy tự tin hơn khi đọc, viết, nói, nghe và yêu thích hơn môn học Ngữ văn.

Chúc các em có nhiều niềm vui trong học tập và thành công!

CÁC TÁC GIẢ

BÀI 1 BẦU TRỜI TUỔI THƠ

Trẻ thơ tìm thấy tất cả ở nơi chẳng có gì...

Gia-cô-mô Lê-ô-pác-đi
(Giacomo Leopardi)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, tác giả của *Hoàng tử bé*, từng khẳng định rằng chỉ con mắt trẻ em mới có thể cảm nhận một cách thuần khiết vẻ đẹp phong phú và bí ẩn của thế giới. Các em đang "sở hữu" cái nhìn kì diệu ấy của tuổi thơ.
- Đến với những tác phẩm truyện, thơ trong bài học này, các em sẽ "gặp gỡ" bầu trời tuổi thơ của chính mình. Hãy mở rộng tâm hồn để quan sát, cảm nhận về thiên nhiên, con người, nhịp sống quanh ta và gìn giữ những trải nghiệm đó để tuổi thơ mãi là dòng sông trong mát đồng hành cùng chúng ta trên mọi chặng đường đời.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.
- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.
- Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.
- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Đề tài và chi tiết

- Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học. Để xác định và gọi được tên đề tài, có thể dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả (đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh, đề tài gia đình,...) hoặc loại nhân vật được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm (đề tài trẻ em, đề tài người nông dân, đề tài người lính,...). Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.
- Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện,...) nhưng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học.

Tính cách nhân vật

Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,... Tính cách nhân vật còn được thể hiện qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.

Văn bản tóm tắt

Văn bản tóm tắt là một dạng rút gọn của văn bản gốc (có thể do tác giả hay người đọc, người ghi chép thực hiện), tuy có dung lượng nhỏ nhưng vẫn phản ánh trung thành nội dung cơ bản của văn bản gốc.

Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ

Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Bầy chim chìa vôi*, Nguyễn Quang Thiều

VĂN BẢN 2. *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam*), Đoàn Giỏi

VĂN BẢN 3. *Ngàn sao làm việc*, Võ Quảng

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ em. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.

ĐỌC VĂN BẢN

Bầy chim chìa vôi[1]

NGUYỄN QUANG THIỀU

(1)

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

– Anh Mên ơi, anh Mên!

– Gì đấy? Mày không ngủ à? – Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

– Anh bảo mưa có to không?

– Lại chẳng to. Thế mày không nghe thấy gì à?

– Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?

– Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.

– Thế anh bảo...

– Bảo cái gì mà bảo lắm thế – Mên gắt em nó.

– Em bảo – Mon ngập ngừng. – Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa?

– Ừ nhỉ. – Giọng thằng Mên chợt thảng thốt. – Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi.

– Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.

– Tao cũng sợ.

– Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?

– Chim thì bơi làm sao được. Mày làm chim chìa vôi cứ như vịt ấy.

Theo dõi

Nội dung cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon lúc nửa đêm.

Theo dõi

Chi tiết nào được lặp lại trong những lời nói của nhân vật Mon?

[1] *Chia vôi*: loài chim nhỏ như chim sẻ, lông đen, đuôi và cánh có vệt trắng, thường sống gần các nguồn nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.

– Chiều qua em theo bố đi kéo chũm[1] ở gần cống sông ấy.

– Thế thì sao?

– Bố bảo chỉ có ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả anh?

– Tao không biết.

[...] Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.

Có lẽ bố chúng nó nói đúng. Chỉ ở khúc sông làng chúng, những con chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Hằng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát. Sau một thời gian, những đám rong sông tốt bời bời héo dần làm thành một lớp đệm trên cát. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ hai bờ sông bay ra bãi cát. Chúng tìm những đám rong khô và dày để đẻ trứng. Khi những con chim chìa vôi đã đủ lông cánh cũng là lúc có những đám mây lạ từ dãy núi đá vôi Hoà Bình bay về báo hiệu mùa mưa. Những tiếng sấm sau mỗi đêm lại chuyển dần từ một chân trời xa về bên kia sông. Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống. Con sông Đáy cựa mình lớn lên. Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên. Những con chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ. Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng. [...]

nguvanthcs.com

Theo dõi

Thói quen làm tổ và đẻ trứng của bầy chim chìa vôi ở bãi sông quê Mên và Mon.

[1] *Chũm*: một loại lưới vó, thường thả ven sông, hồ,... dùng để bắt cá, tôm.

(2)

Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.

– Anh ơi! – Thằng Mon lại thì thào gọi.

– Gì?

– Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?

Dự đoán

Bầy chim chìa vôi non có bay được vào bờ không?

– Chưa.

– Tổ chim sẽ bị chìm mất.

Thằng Mên nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:

– Thế làm thế nào bây giờ?

– Hay mình mang chúng nó vào bờ.

– Bây giờ nước to lắm, làn sao mà lội ra đấy được.

– Em không biết.

Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phên cửa liếp cành cạch.

– Chiều qua bố kéo chũm được một con cá măng.

– Thế mà cũng khoe, ai mà chẳng biết.

– Cả một con cá bống rất to và đẹp. Em lấy trộm con cá bống.

– Thế để đâu rồi? – Thằng Mên quay sang phía em nó hỏi.

– Em thả vào chỗ cống sông rồi. Anh bảo đấy có phải là con bống ở hốc cắm sào đò dưới bến không?

– Mày có nhìn thấy cái chấm đen to ở vây nó không?

– Em không nhìn. Chiều về đổ giỏ cá ra chậu, bố kêu mất con bống. Bố bảo có khi con cá măng ăn con bống rồi. Bố bảo mẹ mổ con măng ra xem có con bống trong bụng nó không.

– Hí hí. – Thằng Mên bật cười khoái chí.

– Cái hốc cắm sào đò ngập bủm[1] rồi anh nhỉ?

– Ngập từ chiều hôm kia rồi. Ngập đến mái nhà con bống cũng chẳng sợ.

– Anh ơi...

[1] *Ngập bủm*: ngập hết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Gì?

– Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.

– Đi bây giờ à? – Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.

– Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi. [...]

(3)

Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.

– Vào bờ rồi anh ơi. – Thằng Mon kêu lên sung sướng.

– Chứ còn sao. – Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn. – Nào xuống đò được rồi đấy.

Theo dõi

Chú ý cử chỉ, lời nói của nhân vật Mên.

Hai anh em thằng Mên lập cập tụt khỏi đò.

– Mình để đò lại đây hả anh?

– Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đẩy.

Thằng Mên quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo. Phía sau, thằng Mon lội bì bõm đẩy.

– Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ?

– Chắc là chưa.

Khi hai đứa bé đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng sáng. Chúng vội vã tìm cách buộc đò lại. Rồi ngay sau đó, cả hai đứa bé không nói gì và cùng chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với dải cát.

– Anh có nhìn thấy gì không?

– Tao chưa nhìn thấy, còn tối lắm.

– Thế anh bảo đã ngập hết chưa?

– Để tao nhìn xem. – Thằng Mên nói và ngồi thụp xuống. Nó căng mắt nhìn sát mặt sông.

– Ướt cánh, chim nó có bay được không?

– Mày lội ra đấy mà hỏi.

– Anh ơi, có khi bố dậy rồi đấy.

Sau câu nói của thằng Mon, cả hai đứa trẻ bắt đầu thấy sợ. Từ phía ngôi nhà của chúng ở chân đê vọng lại tiếng người lớn gắt gỏng điều gì đấy. Hai đứa trẻ vẫn căng mắt nhìn ra giữa dòng sông. Trời đã sáng.

– Anh ơi, kìa kìa, bãi cát. – Thằng Mon chợt kêu lên.

– Ừ, đúng rồi. Vẫn chưa ngập hết. Còn bằng cái mũ thôi.

– Anh bảo bầy chim còn ở đó không?

– Không biết. Nhưng bố bảo khi nước vừa ngập hết thì chim mới bay lên.

– Sao chúng lại không bay trước?

– Làm sao mà tao biết được.

Hình dung

Khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh.

Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt mưa trên mặt sông thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát. Và trong mắt hai đứa trẻ, một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên. Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt toả hơi nóng.

Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non tránh nước lên theo đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến phần cao nhất của dải cát. Và cứ thế bầy chim non nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp và đập cánh suốt đêm. Chim bố và chim mẹ vừa đập cánh theo đàn con vừa dẫn chúng đi. Hình như chúng biết chính xác khi nào thì đàn con chúng mới đủ sức để nâng mình lên khỏi mặt đất một cách đảm bảo. Nếu bầy chim con cất cánh sớm hơn, chúng sẽ bị rơi xuống dòng nước trên đường từ bãi cát vào bờ. Và nếu chúng cất cánh chậm một giây thôi, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm.

Đối chiếu

Cuộc "cất cánh" của bầy chim chìa vôi non ở đây có đúng như dự đoán của em không?

Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Bỗng một con chim như đuối sức. Đôi cánh của nó chợt như dừng lại, nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ

xoè rộng đôi cánh lượn quanh đứa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

Quanh hai đứa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim hối hả nhưng đều đặn. Cuối cùng bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.

Theo dõi

Cảm xúc của hai nhân vật Mên và Mon khi quan sát bầy chim chìa vôi non bay lên.

Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích.

Trên gương mặt tái nhợt vì nước mưa của chúng bừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đứa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.

– Tại sao mày lại khóc? – Thằng Mên hỏi.

– Em không biết, thế anh?

Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng nghịu. Rồi bỗng cả hai đứa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Được một đoạn, thằng Mon đứng lại thở và gọi:

– Anh Mên, anh Mên. Đợi em với. Không em ứ chơi với anh nữa.

(Nguyễn Quang Thiều, *Mùa hoa cải bên sông*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012, tr.136 – 146)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Hà Nội. Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,... và từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế. Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều rất chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật: *Bí mật hồ cá thần* (1998), *Con quỷ gỗ* (2000), *Ngọn núi bà già mù* (2001),...

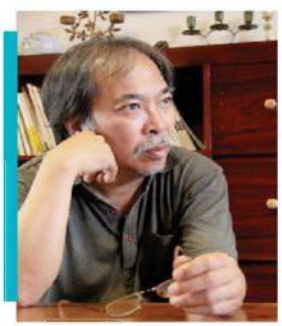

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em hãy xác định đề tài và ngôi kể của truyện *Bầy chim chìa vôi*.

2. Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật trong đoạn văn sau:

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

– Anh Mên ơi, anh Mên!

– Gì đấy? Mày không ngủ à? – Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

3. Điều gì khiến hai anh em Mên, Mon lo lắng khi thấy mưa to và nước đang dâng cao ngoài bãi sông? Chi tiết nào thể hiện rõ nhất điều đó?
4. Trong cuộc trò chuyện ở phần (2), Mon nói với Mên những chuyện gì? Nội dung cuộc trò chuyện ấy giúp em nhận ra được những nét tính cách nào của nhân vật Mon?
5. Nêu một số chi tiết miêu tả nhân vật Mên ở phần (3). Em hãy dựa vào các chi tiết đó để khái quát tính cách của nhân vật Mên.
6. Khi đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em có ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?
7. Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp các nhân vật lí giải điều đó.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).

Thực hành tiếng Việt

MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

1 Xác định trạng ngữ trong các câu sau:

a. *Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.*

b. *Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.*

Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.

2 So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:

a. – *Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.*

– *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.*

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ

- Trạng ngữ của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. Ví dụ:

(1) *Đêm, trời mưa như trút nước.*

(2) *Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.*

- Trạng ngữ trong câu (1) là một từ, trạng ngữ trong câu (2) là cụm từ. Trạng ngữ trong câu (2) được mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1). Nhờ được mở rộng, trạng ngữ trong câu (2) cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc *trời mưa như trút nước*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. – *Thế mà qua một đêm, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.*

– *Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.*

(Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)

c. – *Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.*

– *Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.*

(Trần Hoài Dương, *Miền xanh thẳm*)

3 Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu.

TỪ LÁY

4 Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các câu sau:

a. *Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.*

b. *Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*

c. *Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.*

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy kể tên một số miền quê của Việt Nam mà em từng đến thăm hoặc biết tới qua tác phẩm nghệ thuật (tranh ảnh, phim, thơ văn,...). Nơi nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?

ĐỌC VĂN BẢN

Đi lấy mật

Trích *Đất rừng phương Nam*[1], ĐOÀN GIỎI

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí

Hình dung

Khung cảnh thiên nhiên qua cái nhìn của nhân vật An.

[1] *Đất rừng phương Nam* là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi. Tác phẩm gồm 20 chương, đã được dựng thành phim *Đất phương Nam* (1997). *Đất rừng phương Nam* kể về cuộc sống của cậu bé An, lấy bối cảnh là miền Tây Nam Bộ những năm 50 của thế kỉ XX. Vì chiến tranh, An bị lạc mất gia đình và trở thành một đứa trẻ lang thang. Cậu được bố mẹ Cò cưu mang và trở thành con nuôi của họ. Sống với gia đình Cò, An được yêu thương như con đẻ và cũng học hỏi được nhiều điều mới lạ, thú vị. Đoạn trích *Đi lấy mật* là tên chương 9, kể lại một lần An theo tía nuôi (cha nuôi) và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh.

thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút ông ánh trên những đầu hoa tràm[1] rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh.

Theo dõi

Chú ý những chi tiết miêu tả ngoại hình và cử chỉ của các nhân vật.

Tía nuôi tôi đi trước, bên hông lủng lẳng chiếc túi [...], lưng mang cái gùi[2] bằng tre đan đã trát chai[3], tay cầm chà gạc[4]. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc[5] ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường vứt ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng[6] đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

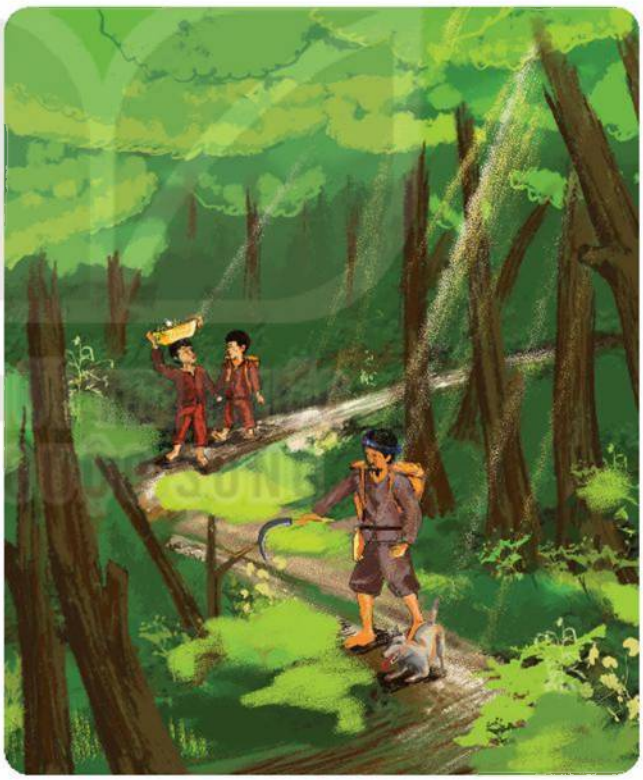

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi "ăn ong"[7] đây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

---

(1) *Tràm*: cây thân gỗ, vỏ cây dùng để trám thuyền, lá được sử dụng để làm dược liệu và tinh dầu.
(2) *Gùi*: đồ vật đan bằng mây, tre; được người dân vùng núi dùng để đựng đồ đạc, thường mang trên lưng.
(3) *Chai*: một loại nhựa cây, thường được dùng để trám vào các kẽ hở; quét, trát lên các đồ vật bằng tre, gỗ cho bền, không thấm nước.
(4) *Chà gạc*: dao đi rừng của người dân tộc thiểu số ở một số vùng.
(5) *Tấc*: đơn vị đo độ dài cũ, bằng một phần mười thước mộc (0,0425 m) hoặc bằng một phần mười thước đo vải (0,0645 m).
(6) *Xuồng*: thuyền nhỏ không có mái che.
(7) *Ăn ong*: nuôi và lấy mật ong rừng.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.

– Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! – Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuống đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Theo dõi

Chú ý những suy nghĩ của nhân vật An về tía nuôi, về Cò.

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bưng vò nước ra, ngửa cổ kề miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

– Đố mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trỏ lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng?

Cao quá đầu tôi một với tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Ông ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lắc lư lắc lư từ đất nhoi lên và đáp vào một cành ngái khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mối cánh.

– Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vênh mặt lên cười, quay sang tôi:

– Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng cách giữa hai nhánh tràm cao kia! Ờ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.

Theo dõi

Cò giảng giải cho An những gì?

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trỏ lên:

– Đó, con thấy nó chưa?

– Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ờ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái

chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràm cao, đang lướt qua một đàn li ti như nắm trấu bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nào nghe được.

Hình dung

Vẻ đẹp phong phú, sống động của rừng.

Chúng tôi giở những nắm cơm vắt[1] ra. Ăn xong, bấy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rao rao theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhè nhẹ toả lên, phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhè nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh,... Con Luốc động đậy cánh mũi, rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loại bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Rừng tràm, Đồng Tháp

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng[2] rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

– Chim đẹp quá, Cò ơi! – Tôi tặc lưỡi, kêu lên.

– Thứ chim cỏ này mà đẹp gì!

– Ở đây chim nhiều quá. [...]

[1] *Cơm vắt*: cơm nắm.

[2] *Trảng*: khoảng đất rộng không có cây hoặc ít cây giữa rừng hay giữa hai khu rừng.

– Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp "sân chim" thì mày sẽ biết...

Nó nói một cách lơ là như vậy rồi cứ cắm cúi đội cái thúng đi. Tôi muốn hỏi về cái "sân chim", nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới.

[...] Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thèm chú ý đến vẻ mặt khó đăm đăm của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phắt cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

– Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

– Thằng mau quên hé! Vậy chớ mấy bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó? – Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

nguvanthcs.com

Tôi ngước nhìn tổ ong như cái thúng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể.

– ... Rừng thì mênh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gởi mật đâu! Nhưng làm nghề nào rồi khắc phải thạo nghề ấy con ạ! – Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những cánh rừng tràm lờ mờ khuất sau những bụi cây bình bát dại mọc quanh hè, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: – Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân tràm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ "ấm", cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đốn củi lội đến...

Tóm tắt

Nội dung câu chuyện của má nuôi An.

– Kèo là gì, hở má?

– Ờ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quãng giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rợp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ẩm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải "rửa" bớt[1] những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa tháng Mười một. Những cơn mưa muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rựa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa kị, nó không bao giờ đóng tổ đâu...

[1] *Rửa bớt*: tỉa, chặt bớt (nghĩa trong văn bản).

– Coi bộ cũng không khó lắm hở má?

Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành. Tôi cũng cười theo. Bà đằng hắng, nói:

– Chẳng dễ đâu, con ạ! Nhiều người trở thành "dân ăn ong" đã năm mười năm trong nghề, vậy mà gác kèo xong tới mùa mật, mang gùi lên lưng vào rừng, lại mang gùi không trở về.

Theo dõi

Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

– Ủa! Tại sao vậy, má?

– Định không đúng chỗ, đoán sai hướng gió chứ sao!

Mắt tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.

So sánh

Sự khác biệt trong cách "thuần hoá" ong rừng của người dân vùng U Minh.

[...] Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó. Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy. Người Mễ Tây Cơ[1] làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi châu người ta đục ruỗng một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nho nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có mấu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả.

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

[...] Chúng tôi ngồi ăn cơm dưới một bụi cây tràm râm mát. Bóng nắng nghiêng nghiêng rọi chếch xuống chỗ tôi ngồi. Mấy con gầm ghì[2] sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp bộp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2015, tr.148 – 159)

---

(1) *Mễ Tây Cơ*: Mê-xi-cô (Mexico).
(2) *Gầm ghì*: một loài chim thuộc họ bồ câu.

SAU KHI ĐỌC

Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở Tiền Giang. Ông là nhà văn của miền đất phương Nam. Hầu hết sáng tác của Đoàn Giỏi đều viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống nơi đây. Nhà văn đã tái hiện thành công vẻ đẹp của vùng đất phương Nam trù phú và những người dân Nam Bộ chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình. Lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình và ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương cũng góp phần quan trọng làm nên sức cuốn hút cho tác phẩm. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Đường về gia hương* (1948), *Cá bống mú* (1956), *Đất rừng phương Nam* (1957),...

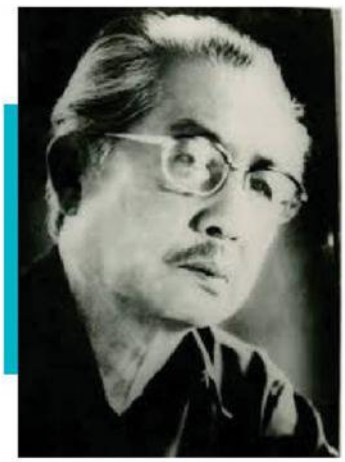

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đoạn trích có mấy nhân vật? Em hãy chỉ ra mối quan hệ của các nhân vật đó.
2. Nêu cảm nhận về nhân vật tía nuôi của An. Cảm nhận của em dựa trên những chi tiết tiêu biểu nào?
3. Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai? Em hãy nhận xét khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật ấy.
4. Theo em, nhân vật Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở đâu? Điều gì khiến em khẳng định như vậy?
5. Nhân vật An đã được nhà văn miêu tả qua những chi tiết nào (ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác,...)? Em hãy dựa vào một số chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách của nhân vật An.
6. Đọc đoạn trích, em có ấn tượng như thế nào về con người và rừng phương Nam?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích *Đi lấy mật*.

Thực hành tiếng Việt

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

1 Chủ ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.

a. ***Một tiếng lá rơi lúc này*** *cũng có thể khiến người ta giật mình.*

b. ***Phút yên tĩnh của rừng ban mai*** *dần dần biến đi.*

c. ***Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh*** *đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề.*

2 Vị ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn.

a. *Con Luốc* ***chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây****.*

b. *Rừng cây* ***im lặng quá****.*

c. *Ở xứ Tây Âu, tổ ong* ***lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau****...*

3 Trong đoạn văn sau, Đoàn Giỏi đã sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ bằng cụm từ để miêu tả cảnh vật ở rừng U Minh. Hãy chỉ ra tác dụng của việc mở rộng thành phần vị ngữ.

Chim ***hót líu lo****. Nắng* ***bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất****. Gió* ***đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng****. Mấy con kì nhông* ***nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục****, sắc da lưng* ***luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh,...***

4 Các câu sau có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ.

a. *Gió thổi.*

b. *Không khí trong lành.*

c. *Ong bay.*

VĂN BẢN 3

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC VĂN BẢN

Ngàn sao làm việc

VÕ QUẢNG

Bóng chiều toả ra nhanh
Trên các bờ bụi rậm
Đồng quê đang xanh thẫm
Bỗng chốc trở tối mò

Trâu tôi đã ăn no
Bước giữa trời yên tĩnh
Trâu tôi đi đủng đỉnh
Như bước giữa ngàn sao

Sông Ngân Hà[1] nao nao
Chảy giữa trời lồng lộng.
Sao Thần Nông[2] toả rộng
Một chiếc vó[3] bằng vàng,
Đón những sao dọc ngang
Như tôm cua bơi lội.

Phía đông nam rời rợi
Ai đặt một chiếc nơm[4]
Rờ rỡ ngôi sao Hôm[5]
Như đuốc đèn soi cá.

Bên trời thêm rộn rã
Cả nhóm Đại Hùng tinh[6]
Buông gàu bên sông Ngân
Suốt đêm lo tát nước...

Ngàn sao vui làm việc
Mãi đến lúc hừng đông
Phe phẩy chiếc quạt hồng
Báo ngày lên về nghỉ.

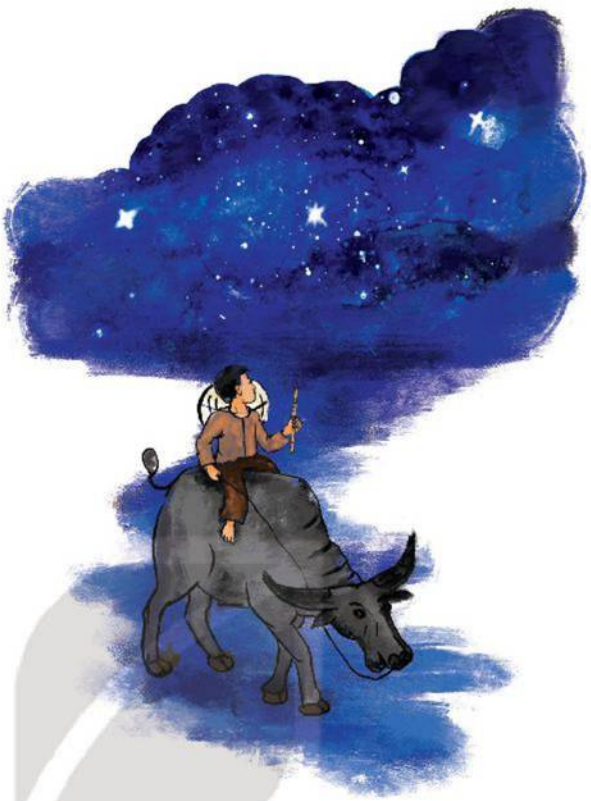

(*Tuyển tập Võ Quảng*, tập II,
NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 170 – 171)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC

Võ Quảng (1920 – 2007) quê ở Quảng Nam. Ông sáng tác thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm văn học nổi tiếng của thế giới. Một đời cầm bút, Võ Quảng đã dành trọn tình yêu, tài năng và tâm huyết cho trẻ em. Thơ viết cho thiếu nhi của Võ Quảng giản dị, trong sáng; gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo. Ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh, tươi vui. Nhiều tác phẩm của ông được các thế hệ người đọc yêu thích: *Nắng sớm* (1965), *Anh đom đóm* (1970), *Quê nội* (1974),...

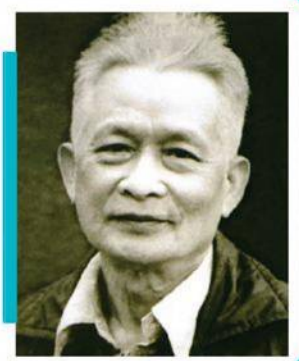

[1] *Ngân Hà*: tên gọi của dải thiên hà, gồm rất nhiều ngôi sao tạo thành, còn gọi là sông Ngân. Vào những đêm trời quang, Ngân Hà hiện lên thành một dải trắng bạc nổi bật trên nền trời.
[2] *Thần Nông*: chòm sao gồm 10 ngôi sao, một phần được sắp xếp như hình chữ M.
[3] *Vó*: dụng cụ gồm có một mảnh lưới bốn góc mắc vào bốn gọng tre để kéo, dùng để bắt tôm, cá.
[4] *Nơm*: dụng cụ đan bằng tre, hình chuông, dùng để bắt cá.
[5] *Sao Hôm*: tên gọi thông thường của sao Kim khi được nhìn thấy vào chiều tối.
[6] *Đại Hùng tinh*: còn được gọi là chòm sao Gấu Lớn, gồm 7 ngôi sao, có hình dáng như một chiếc gàu múc nước.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào?
2. Theo em, nhân vật "tôi" trong bài thơ là ai? Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật "tôi" trong hai khổ thơ đầu.
3. Nêu ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật "tôi".
4. Đọc bốn khổ thơ cuối và thực hiện các yêu cầu sau:

   a. Chỉ ra những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các chòm sao Đại Hùng, Thần Nông; sao Hôm.

   b. Tìm nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.

   c. Chọn phân tích một vài chi tiết gợi tả đặc sắc.

Viết

Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài

Để dễ ghi nhớ nội dung chính của một văn bản đã đọc, người ta thường tóm tắt văn bản đó. Ở bài học này, em sẽ học cách tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài, đảm bảo trung thành với nội dung chính của văn bản gốc.

Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt:

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.
- Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.
- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.
- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

Phân tích bài tóm tắt tham khảo

Tóm tắt văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* trong *Ngữ văn 6*, tập hai

Văn bản 1

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái xinh đẹp tên là Mị Nương. Sơn Tinh – chúa miền non cao và Thuỷ Tinh – chúa miền nước thẳm đều đến cầu hôn Mị Nương. Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến trước theo đúng yêu cầu của

nhà vua và rước được Mị Nương về. Thuỷ Tinh nổi giận, dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng năm nào cũng bị thua.

(Nhóm biên soạn)

Văn bản 2

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái xinh đẹp tên là Mị Nương. Nhà vua muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng. Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn: một người là Sơn Tinh – chúa miền non cao, một người là Thuỷ Tinh – chúa miền nước thẳm. Cả hai tài giỏi ngang nhau nên nhà vua không biết lựa chọn ai. Nhà vua bèn phán rằng hôm sau ai đem lễ vật đến trước sẽ được cưới Mị Nương. Lễ vật gồm: một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi. Hôm sau, Sơn Tinh đem đầy đủ lễ vật đến trước, rước được Mị Nương về. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đùng đùng đem quân đuổi đánh để cướp Mị Nương. Thuỷ Tinh hô mưa gọi gió, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nhưng Sơn Tinh không hề nao núng mà bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng, sức của Thuỷ Tinh đã đuối nên đành chịu thua. Hằng năm, Thuỷ Tinh vẫn dâng nước lũ đánh Sơn Tinh nhưng đều thất bại.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI TÓM TẮT

Mục đích viết

Trình bày ngắn gọn nội dung chính của một văn bản để lưu giữ làm tài liệu hoặc chia sẻ với người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản.

a. *Đọc kĩ văn bản gốc*

Muốn tóm tắt một văn bản, cần đọc kĩ để hiểu đúng nội dung, chủ đề của văn bản.

b. *Xác định nội dung chính cần tóm tắt*

– Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản.

– Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác định quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn trong văn bản.

– Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản.

– Có thể đánh dấu vào văn bản hoặc ghi ra giấy những ý chính của văn bản.

Ví dụ: Khi tóm tắt văn bản *Bầy chim chìa vôi*, em cần thực hiện các bước sau:

– Xác định đúng nội dung khái quát, cốt lõi của văn bản: chuyện hai anh em Mên và Mon đi đò ra bãi cát giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng "bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên".

– Xác định các phần trong văn bản: theo dõi các phần của văn bản trong sách giáo khoa (đã được đánh số thứ tự).

– Tìm ý chính của từng phần: có thể dùng sơ đồ truyện để ghi lại ý chính của văn bản. Khi tóm tắt văn bản tự sự, cần quan tâm đến nhân vật và sự việc tiêu biểu. Tham khảo sơ đồ sau:

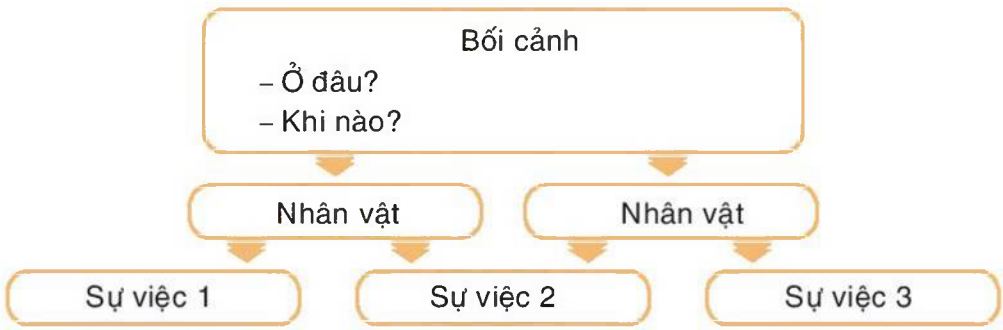

c. *Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt*

– Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc.

– Tuỳ theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc. Chẳng hạn, khi tóm tắt văn bản tự sự, để có văn bản tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để văn bản tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong văn bản gốc.

2 VIẾT VĂN BẢN TÓM TẮT

– Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.

– Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.

– Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 CHỈNH SỬA

Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nội dung đúng với văn bản gốc.	Lược bỏ các thông tin không có trong văn bản gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt (nếu có).
Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những ý chính, điểm quan trọng của văn bản gốc (nếu thiếu); lược bớt các chi tiết thừa, không quan trọng (nếu có).

Sử dụng những từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những từ ngữ quan trọng có trong văn bản gốc (nếu thiếu).
Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài.	Rút gọn hoặc phát triển văn bản tóm tắt để bảo đảm yêu cầu về độ dài.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm

Câu chuyện của các bạn nhỏ trong hai văn bản *Bầy chim chìa vôi* và *Đi lấy mật* chắc hẳn gợi cho em nhiều suy nghĩ và cảm xúc về thế giới tuổi thơ. Từ thực tế cuộc sống của mình và những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Dựa vào chính thực tế cuộc sống của mình và những điều em biết được từ sách báo, phương tiện nghe nhìn để trao đổi về một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa. Tham khảo một số đề tài sau:

+ Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ (ti vi, điện thoại, máy tính,...).

+ Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

+ Trẻ em với việc học tập.

+ Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội).

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được trao đổi.

Ngoài những đề tài gợi ý trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy có ý nghĩa để trình bày.

– Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

+ Nhớ lại những trải nghiệm của em.

+ Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói.

– Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng khi trình bày như: vấn đề trao đổi và các biểu hiện của nó, ý kiến của em, tác động của vấn đề đối với trẻ em và bài học rút ra sau khi bàn luận.

Ví dụ: Trao đổi về vấn đề trẻ em cần được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

Em có thể tìm ý cho nội dung trao đổi bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Theo em, người lớn đã thực sự lắng nghe, thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của trẻ em chưa? Những biểu hiện nào cho thấy nhiều người lớn chưa thực sự lắng nghe và thấu hiểu trẻ?

+ Trẻ em mong muốn được người lớn lắng nghe, thấu hiểu những điều gì?

+ Chuyện gì có thể xảy ra khi người lớn không lắng nghe, thấu hiểu trẻ? Em có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc từ sách báo và các phương tiện nghe nhìn để thuyết phục người nghe.

+ Trẻ em cần phải làm gì khi chưa được người lớn lắng nghe, thấu hiểu?

– Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

b. *Tập luyện*

Để trình bày tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp. Em có thể tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Với tư cách người trình bày bài nói, em cần lưu ý:

– Trình bày bài nói theo các nội dung đã được chuẩn bị. Em có thể sử dụng các ghi chú để không bỏ sót những nội dung quan trọng:

+ Nêu vấn đề mà em quan tâm, quan điểm của em về vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với trẻ em và cả xã hội. Có thể thu hút người nghe bằng cách kể lại một câu chuyện ngắn gắn với trải nghiệm của em để giới thiệu vấn đề.

+ Trình bày các khía cạnh của vấn đề với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; kích thích sự trao đổi, đối thoại của người nghe.

+ Chú ý sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như: *trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy,...* giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

– Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe.

– Có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ, bài hát,...) để bài nói thuyết phục hơn.

Với tư cách người nghe, em cần lưu ý:

– Tập trung lắng nghe nội dung trình bày của bạn.

– Ghi chép lại các ý quan trọng để nắm được nội dung chính của bài trình bày. Tóm tắt ý chính của bài nói cũng giống như tóm tắt một bài viết. Vì thế, em có thể vận dụng cách tóm tắt văn bản ở hoạt động viết vào việc nghe và tóm tắt ý chính của người nói.

– Chú ý thái độ và cách trình bày vấn đề của người nói.

– Ghi lại một số nội dung sẽ trao đổi với người nói.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày. • Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi. • Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ. • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

ngvanthcs.com

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền nội dung phù hợp:

STT	Văn bản	Đề tài	Ấn tượng chung về văn bản
1	*Bầy chim chìa vôi*		
2	*Đi lấy mật*		
3	*Ngàn sao làm việc*		

2. Chủ đề chung của ba văn bản đọc là *Bầu trời tuổi thơ*. Em thích chi tiết hoặc nhân vật nào trong ba văn bản đó? Hãy cho biết trải nghiệm nào của bản thân giúp em hiểu thêm về chi tiết hoặc nhân vật.

3. Hãy chọn một tác phẩm truyện mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định đề tài của truyện.

b. Kể tên các nhân vật và nêu đặc điểm tính cách của nhân vật chính.

c. Liệt kê các sự việc tiêu biểu của cốt truyện. Dựa vào các sự việc đó để tóm tắt nội dung cốt truyện.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài của đoạn trích.
- Những chi tiết miêu tả suy nghĩ của nhân vật Tốt-tô-chan (Tottochan) về Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki (Yamamoto Yasuaki).
- Đặc điểm tính cách của hai nhân vật Tốt-tô-chan và Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki.
- Bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện.

Ngôi nhà trên cây[1]

Trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*[2], CU-RÔ-YA-NA-GI TÊ-SU-CÔ[3]
(Kuroyanagi Tetsuko)

[...] Khi ấy, một bạn nam ngồi phía sau Tốt-tô-chan đứng dậy đi lên bảng. Trên tay bạn cầm quyển vở. Có vẻ như bạn định đến chỗ cô giáo, cô đang giảng bài cho một bạn khác ở bàn bên cạnh bảng đen. Khi thấy bạn đi qua trước mặt, Tốt-tô-chan bèn thôi không nhìn ngang nhìn ngửa nữa, mà ngồi chống cằm, dán mắt vào nhìn bạn đi. Mỗi lần bạn bước đi, cái chân lại bị kéo lê theo. Người bạn lắc lư rất mạnh. Ban đầu Tốt-tô-chan còn tưởng bạn cố tình làm thế. Nhưng khi nhìn được một lúc, Tốt-tô-chan hiểu ra không phải bạn cố tình mà nó là như thế.

[1] Nhan đề do người biên soạn đặt.
[2] *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* là tự truyện của Cu-rô-ya-na-gi Tê-su-cô. Tác phẩm kể về cuộc sống của cô bé Tốt-tô-chan (*chan* là hậu tố trong tiếng Nhật dùng để cấu tạo tên gọi theo cách thân mật) với những trải nghiệm phong phú, thú vị ở trường Tô-mô-e (Tomoe). Thầy hiệu trưởng trường Tô-mô-e đã có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đối với cuộc đời của Tốt-tô-chan và nhiều học trò khác.
[3] Cu-rô-ya-na-gi Tê-su-cô sinh năm 1933 ở Tô-ki-ô (Tokyo), là diễn viên, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Nhật Bản. Bà từng được bổ nhiệm làm Sứ giả thiện chí của UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc).

Khi bạn nam đó quay về chỗ ngồi, ánh mắt bạn bắt gặp ánh mắt Tốt-tô-chan, cô bé vẫn còn đang chống cằm nhìn. Bạn nhìn Tốt-tô-chan và mỉm cười. Tốt-tô-chan cũng vội mỉm cười đáp lại. Khi bạn ngồi vào ghế, bạn ngồi được vào ghế cũng lâu hơn các bạn khác, Tốt-tô-chan quay hẳn người xuống, hỏi:

– Sao cậu lại đi như thế?

Bạn nam nhẹ nhàng trả lời Tốt-tô-chan bằng giọng hiền lành. Tuy vậy giọng bạn nghe rất lanh lợi:

– Mình bị bại liệt.

– Bại liệt?

Tốt-tô-chan hỏi lại vì chưa nghe thấy từ đó bao giờ. Bạn nam lại hạ thấp giọng hơn:

– Đúng rồi, bại liệt. Không chỉ có chân đâu. Cả tay nữa...

Nói xong, bạn ấy chìa tay ra, bàn tay với những ngón dài co quắp như dính cả vào nhau. Tốt-tô-chan nhìn bàn tay trái đó của bạn, lo lắng hỏi:

– Không chữa được à?

Bạn nam không nói gì. Tốt-tô-chan thấy buồn vì nghĩ mình đã hỏi điều không phải. Nhưng ngay lập tức, bạn ấy đã cất giọng hồ hởi:

– Mình tên là Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki. Còn cậu?

Tốt-tô-chan rất vui khi nghe thấy giọng nói khoẻ khoắn đó, liền nói thật to:

– Tốt-tô-chan!

Tình bạn của Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki và Tốt-tô-chan đã bắt đầu như thế đó.

[...] Ngày tiếp theo của ngày tiếp theo của buổi "dã ngoại" ở hội trường là ngày Tốt-tô-chan có một cuộc phiêu lưu mạo hiểm. Đó là cuộc hẹn với Ya-sư-a-ki-chan. Một cuộc hẹn hoàn toàn bí mật với bố, mẹ và cả người nhà Ya-sư-a-ki-chan nữa. Hẹn gì mà ghê vậy? À, chả là Tốt-tô-chan hẹn Ya-sư-a-ki-chan đến thăm cây của mình ấy mà. Gọi là cây của Tốt-tô-chan nhưng thật ra đó là một cái cây ở trường Tô-mô-e, mỗi học sinh trường Tô-mô-e được chọn riêng cho mình một cái cây để leo trèo. Cây của Tốt-tô-chan mọc ở góc sân trường, cạnh hàng rào, quay ra con đường nhỏ dẫn đến Cư-hôn-bút-sư (Kuhonbutsu). Cây đó khá to, lúc trèo tuy hơi trơn nhưng nếu trèo được lên rồi thì chỗ cách mặt đất khoảng hai mét sẽ có một cái chạc đôi, cái chạc này lại hơi trũng xuống trông giống như cái võng. Vào giờ ra chơi hoặc sau khi tan học, Tốt-tô-chan thường leo lên đó, ngồi ngắm nhìn cảnh vật ở xa, ngắm bầu trời hoặc mọi người qua lại. [...]

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuy nhiên, Ya-sư-a-ki-chan bị liệt nên chưa bao giờ trèo cây cũng như không có cây riêng. Tốt-tô-chan quyết định sẽ mời Ya-sư-a-ki-chan lên cây của mình nên đã hẹn với Ya-sư-a-ki-chan hôm nay. Tốt-tô-chan phải giữ bí mật vì sợ thế nào mọi người cũng phản đối.

[...] Khi Tốt-tô-chan đến trường với tấm vé tháng xe điện vẫn còn lúc lắc trên cổ thì đã thấy Ya-sư-a-ki-chan đứng cạnh luống hoa trong sân trường không có bóng người. Ya-sư-a-ki-chan chỉ hơn Tốt-tô-chan có một tuổi thôi nhưng lúc nào cũng nói năng như thể lớn hơn nhiều lắm.

Trông thấy Tốt-tô-chan, Ya-sư-a-ki-chan kéo lê đôi chân, tay vươn ra đằng trước, chạy lại phía Tốt-tô-chan. Nghĩ đây là một cuộc phiêu lưu hoàn toàn bí mật, Tốt-tô-chan càng thấy phấn chấn hơn, cứ nhìn mặt Ya-sư-a-ki-chan rồi cười "hi hi". Ya-sư-a-ki-chan cũng cười theo. Sau đó, Tốt-tô-chan dẫn Ya-sư-a-ki-chan lại cái cây của mình. Như đã tính toán từ tối hôm trước, Tốt-tô-chan chạy đến kho đồ của bác quản trường, khệ nệ kéo ra một cái thang, dựng vào chỗ chạc đôi, nhanh chóng leo lên, giữ chặt đầu thang ở bên trên và nói vọng xuống:

– Được rồi đấy, cậu leo lên đi!

Nhưng cả chân và tay Ya-sư-a-ki-chan đều rất yếu, không tài nào trèo lên được, dù chỉ là bậc đầu tiên. Thấy thế, Tốt-tô-chan lại thoăn thoắt leo xuống, lần này, Tốt-tô-chan đứng bên dưới, đỡ mông của Ya-sư-a-ki-chan và đẩy lên. Nhưng Tốt-tô-chan vừa nhỏ vừa gầy nên chỉ đỡ mông của Ya-sư-a-ki-chan thôi cũng hết sức rồi, chẳng còn sức đâu mà giữ cái thang đang đung đưa đung đưa nữa. Ya-sư-a-ki-chan bỏ chân ra khỏi bậc thang, im lặng, đứng cạnh cái thang, mắt nhìn xuống dưới. Lần đầu tiên Tốt-tô-chan cảm thấy việc này khó hơn mình tưởng. *Làm thế nào bây giờ*...

Nhưng dù thế nào thì Tốt-tô-chan cũng muốn Ya-sư-a-ki-chan trèo lên cây của mình vì Ya-sư-a-ki-chan đang rất háo hức. Tốt-tô-chan đi một vòng rồi dừng lại trước mặt Ya-sư-a-ki-chan, lúc này đang trông có vẻ buồn buồn. Tốt-tô-chan phồng má ra làm trò và dõng dạc tuyên bố:

– Cậu đợi nhé! Tớ vừa nghĩ ra cái này hay cực!

Sau đó, Tốt-tô-chan lại chạy đến kho đồ, lôi hết cái này tới cái khác ra để xem đây có phải *là cái hay cực* không. Cuối cùng, Tốt-tô-chan phát hiện ra một cái thang gấp.

– Cái này thì không sợ rung nên chẳng cần phải giữ.

Tốt-tô-chan kéo cái thang ra chỗ cái cây. Tốt-tô-chan không ngờ là mình lại khoẻ

đến thế. Lúc dựng cái thang lên thì nó cũng vừa gần đến chỗ chạc đôi. Tốt-tô-chan bảo Ya-sư-a-ki-chan, giọng như chị nói với em trai:

– Được chưa? Đừng sợ! Nó không rung nữa đâu.

Ya-sư-a-ki-chan nhìn cái thang với ánh mắt e dè rồi quay sang nhìn Tốt-tô-chan đang đầm đìa mồ hôi. Ya-sư-a-ki-chan cũng đầm đìa mồ hôi. Ya-sư-a-ki-chan ngước nhìn lên cái cây, sau đó, đặt bàn chân lên bậc thang đầu tiên với vẻ rất quyết tâm.

Cả Tốt-tô-chan và Ya-sư-a-ki-chan đều không rõ phải mất bao lâu để Ya-sư-a-ki-chan leo lên được bậc trên cùng. Dưới cái nắng hè gay gắt, cả hai chẳng nghĩ ngợi gì hết. Giờ chỉ cần Ya-sư-a-ki-chan leo được lên trên thôi. Tốt-tô-chan đứng bên dưới, tay nâng chân Ya-sư-a-ki-chan, còn đầu thì đỡ mông của Ya-sư-a-ki-chan. Ya-sư-a-ki-chan cũng hết sức cố gắng, cuối cùng cũng đã leo được lên bậc trên cùng.

– Hoan hô!

Nhưng giờ mới gọi là giây phút tuyệt vọng. Lúc này, Tốt-tô-chan đã leo lên chỗ chạc đôi. Ya-sư-a-ki-chan ở bậc trên cùng của cái thang, nhưng Tốt-tô-chan có kéo thế nào cũng không thể đưa Ya-sư-a-ki-chan từ trên cái thang sang bên cái cây được. Ya-sư-a-ki-chan vẫn bám vào cái thang, đưa mắt nhìn Tốt-tô-chan. Đột nhiên, Tốt-tô-chan muốn oà lên khóc.

Không thể thế này được. Mình mời Ya-sư-a-ki-chan lên cây của mình để chỉ cho Ya-sư-a-ki-chan xem rất nhiều thứ cơ mà…

Nhưng Tốt-tô-chan không khóc. Tốt-tô-chan mà khóc thì thế nào Ya-sư-a-ki-chan cũng sẽ khóc theo.

Tốt-tô-chan cầm bàn tay có các ngón đang dính chặt vào nhau vì bại liệt của Ya-sư-a-ki-chan. Bàn tay có các ngón tay to và dài hơn nhiều ngón tay của Tốt-tô-chan. Tốt-tô-chan cứ nắm bàn tay đó một lúc lâu, rồi nói:

– Cậu hãy nằm xuống đi, giống như lúc ngủ ấy. Mình sẽ thử kéo sang.

Chắc chắn người lớn sẽ hét toáng lên khi trông thấy cảnh tượng lúc này: Ya-sư-a-ki-chan nằm sấp trên cái thang còn Tốt-tô-chan đứng trên chạc đôi, với tay sang. Hai bạn đã ở trong một tư thế nguy hiểm như thế đó.

[…] Bàn tay nhỏ bé của Tốt-tô-chan nắm chặt bàn tay của Ya-sư-a-ki-chan, cố gắng kéo bạn sang bên cái cây với tất cả sức lực của mình.

Thì thoảng, những đám mây lớn kéo tới che cho hai bạn khỏi cái nắng đang thiêu đốt.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cuối cùng, hai bạn cũng có thể ngồi đối diện nhau trên cùng một cái cây. Tốt-tô-chan đưa tay vuốt mái tóc rẽ ngôi, cúi chào Ya-sư-a-ki-chan:

– Chào mừng cậu đến nhà tớ!

Ya-sư-a-ki-chan dựa vào thân cây, cười e thẹn:

– Xin phép cậu.

Đây là lần đầu tiên Ya-sư-a-ki-chan được nhìn thấy những cảnh vật như thế trong đời. Ya-sư-a-ki-chan sung sướng nói:

– Trèo lên cây là thế này hả, giờ tớ mới biết.

Sau đó hai bạn ngồi trên cây và nói rất nhiều chuyện.

(Cu-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô, *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Trương Thuỳ Lan *dịch*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr. 45 – 47, 96 – 102)

BÀI 2 KHÚC NHẠC TÂM HỒN

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh.
Lưu Quang Vũ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thuở ấu thơ, em đã được nghe những giai điệu yêu thương từ trái tim của ông bà, cha mẹ và những người thân yêu. Những giai điệu ấy gieo vào tâm hồn em những tình cảm tốt đẹp và qua năm tháng sẽ lớn lên thành tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,...
- Các bài thơ thể bốn chữ, năm chữ và một văn bản kết nối về chủ đề trong bài học này là những cung bậc, những giai điệu khác nhau trong khúc nhạc tâm hồn, góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp lòng nhân ái trong mỗi con người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ và thơ năm chữ

- Thơ bốn chữ và thơ năm chữ là những thể thơ được gọi tên theo số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ. Số lượng dòng trong mỗi bài không hạn chế. Bài thơ bốn chữ và năm chữ có thể chia khổ hoặc không.
- Cách gieo vần trong thơ bốn chữ và thơ năm chữ: vần thường được đặt ở cuối dòng, gọi là vần chân. Vần có thể gieo liên tiếp (vần liền) hoặc cách quãng (vần cách), cũng có thể phối hợp nhiều kiểu gieo vần trong một bài thơ (vần hỗn hợp),...
- Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp 2/2; thơ năm chữ thường ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. Tuy nhiên, nhịp thơ cũng có thể được ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ.
- Thơ bốn chữ và thơ năm chữ gần gũi với đồng dao[1], vè[2], thích hợp với việc kể chuyện; hình ảnh thơ thường dung dị, gần gũi.

Nói giảm nói tránh

Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách nói làm giảm nhẹ mức độ, quy mô, tính chất,... của đối tượng, hoặc tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Đồng dao mùa xuân*, Nguyễn Khoa Điềm

VĂN BẢN 2. *Gặp lá cơm nếp*, Thanh Thảo

VĂN BẢN 3. *Trở gió*, Nguyễn Ngọc Tư

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khi nghe nói đến cụm từ *thơ bốn chữ*, ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong tâm trí em là gì? Em biết những bài thơ bốn chữ nào? Hãy chia sẻ cảm xúc của em về một bài thơ bốn chữ.

[1] *Đồng dao*: thơ ca dân gian dành cho trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: lời hát trong các trò chơi, bài hát ru em,... Thường gặp nhất là các bài đồng dao gắn liền với các trò chơi trẻ em. Đồng dao thường được làm theo thể bốn chữ hoặc năm chữ.

[2] *Vè*: một thể loại tự sự dân gian, có hình thức văn vần, phổ biến mỗi dòng bốn hoặc năm chữ.

2. Chia sẻ cảm nhận của em về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.

ĐỌC VĂN BẢN

Đồng dao mùa xuân

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Có một người lính
Đi vào núi xanh
Những năm máu lửa.

Một ngày hoà bình
Anh không về nữa.

Có một người lính
Chưa một lần yêu
Cà phê chưa uống
Còn mê thả diều

Một lần bom nổ
Khói đen rừng chiều
Anh thành ngọn lửa
Bạn bè mang theo

Mười, hai mươi năm
Anh không về nữa
Anh vẫn một mình
Trường Sơn núi cũ

Ba lô con cóc
Tấm áo màu xanh
Làn da sốt rét
Cái cười hiền lành

Theo dõi

Số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần thơ, nhịp thơ.

Hình dung

Hình ảnh người lính trong "những năm máu lửa".

Hình dung

Hình ảnh người lính ở lại nơi chiến trường xưa trong tưởng tượng của tác giả.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Anh ngồi lặng lẽ
Dưới cội mai vàng
Dài bao thương nhớ
Mùa xuân nhân gian

Anh ngồi rực rỡ
Màu hoa đại ngàn
Mắt như suối biếc
Vai đầy núi non...

Tuổi xuân đang độ
Ngày xuân ngọt lành
Theo chân người lính
Về từ núi xanh...

(*Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2011, tr. 85 – 86)

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên – Huế. Thơ Nguyễn Khoa Điềm thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Đất ngoại ô* (1973), *Mặt đường khát vọng* (1974), *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (1986),...

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cách chia khổ của bài thơ có gì đặc biệt? Hãy nêu tác dụng của cách chia đó.

2. Nêu nhận xét của em về số tiếng trong mỗi dòng và cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.

3. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện về cuộc đời người lính. Em hình dung câu chuyện đó như thế nào?

4. Hãy tìm những chi tiết khắc hoạ hình ảnh người lính. Qua câu chuyện được kể và các chi tiết miêu tả, hình ảnh người lính hiện lên với những đặc điểm gì?

5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm mà đồng đội và nhân dân dành cho những người lính đã hi sinh được thể hiện trong bài thơ.

6. Theo em, tên bài thơ *Đồng dao mùa xuân* có ý nghĩa như thế nào?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về người lính trong bài thơ.

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1 Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ nào trong những dòng thơ sau đây? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Một ngày hoà bình
Anh ***không về*** *nữa.*

2 Hãy tìm thêm một số ví dụ ngoài bài thơ *Đồng dao mùa xuân* có sử dụng biện pháp tu từ được dùng trong hai dòng thơ *Một ngày hoà bình/ Anh không về nữa.*

ngữvănthcs.com

3 Xác định biện pháp tu từ trong những câu văn sau và nêu tác dụng.

a. *Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

b. *Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm như thế nào.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

4 Xác định biện pháp tu từ điệp ngữ trong bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và nêu tác dụng.

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

5 Xác định nghĩa của các từ ngữ *núi xanh* và *máu lửa* trong khổ thơ:

Có một người lính
Đi vào núi xanh
Những năm máu lửa.

Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?

6 Cho biết sự khác biệt về nghĩa của từ *xuân* trong các cụm từ *ngày xuân, tuổi xuân, đồng dao mùa xuân.*

Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh

Đọc những câu sau và chú ý các từ ngữ được in đậm:

(1) *Anh bạn dãi dầu* ***không bước nữa***
Gục lên súng mũ ***bỏ quên đời****.*
[...]
Áo bào thay chiếu anh ***về đất***
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

Không bước nữa, bỏ quên đời, về đất là biện pháp tu từ nói giảm nói tránh được sử dụng thay cho từ *chết* để tránh cảm giác đau thương, mất mát.

(2) *Thấy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: "Phải cái nhà nó* ***khí thanh bạch****" thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: "Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẩn thẩn sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiềm tiệm như mình".*

(Tô Hoài, *Khách nợ*)

Khí thanh bạch là biện pháp tu từ nói giảm nói tránh được sử dụng thay cho từ *nghèo* để giữ phép lịch sự.

Những cách nói giảm nói tránh thông dụng:

- Dùng các từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt

Ví dụ: Cụ ấy *chết* rồi. => Cụ ấy *quy tiên* rồi.

- Dùng cách nói vòng

Ví dụ: Kết quả học tập của con dạo này *kém* lắm. => Con *cần phải cố gắng nhiều hơn nữa* trong học tập.

- Dùng cách nói phủ định

Ví dụ: Bông hoa này *xấu* lắm. => Bông hoa này *không đẹp.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Xác định bài thơ thuộc thể năm chữ trong số những bài thơ sau đây: *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ), *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (R. Ta-go), *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông).

2. Xôi là một món ăn quen thuộc của người Việt. Chia sẻ cảm nhận của em về hương vị của món ăn đó.

ĐỌC VĂN BẢN

Gặp lá cơm nếp

THANH THẢO

Xa nhà đã mấy năm
Thèm bát xôi mùa gặt
Khói bay ngang tầm mắt
Mùi xôi sao lạ lùng.

Mẹ ở đâu, chiều nay
Nhặt lá về đun bếp
Phải mẹ thổi cơm nếp
Mà thơm suốt đường con.

Ôi mùi vị quê hương
Con quên làm sao được
Mẹ già và đất nước
Chia đều nỗi nhớ thương.

Cây nhỏ rừng Trường Sơn
Hiểu lòng nên thơm mãi...

(Thanh Thảo, *Dấu chân qua trảng cỏ*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 38 – 39)

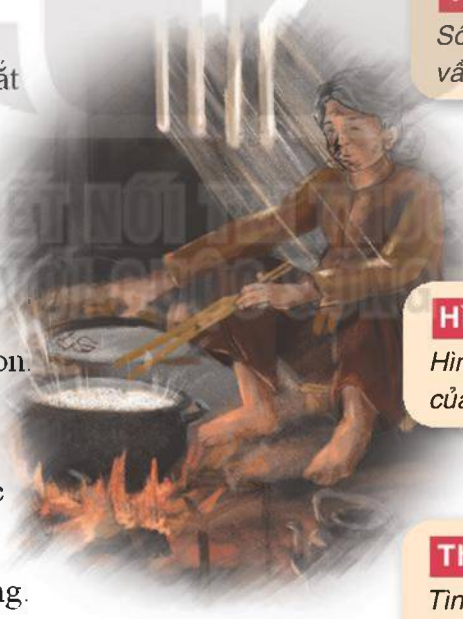

Theo dõi
Số lượng tiếng trong mỗi dòng, vần và nhịp thơ.

Hình dung
Hình ảnh người mẹ trong kí ức của người con.

Theo dõi
Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương, đất nước.

SAU KHI ĐỌC

Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi. Ông là một nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988),...

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Số tiếng trong một dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp và chia khổ của bài thơ *Gặp lá cơm nếp* có gì khác với bài thơ *Đồng dao mùa xuân*?

2. Hãy nêu nhận xét về hoàn cảnh đã gợi nhắc người con nhớ về mẹ của mình. Trong kí ức của người con, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào?

3. Trong khổ thơ thứ ba, người con thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi "gặp lá cơm nếp"?

4. Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ?

5. Theo em, thể thơ năm chữ có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ về tình yêu của người con đối với mẹ trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Trở gió

NGUYỄN NGỌC TƯ [1]

Cuộc hẹn của chúng tôi không rõ ràng, mỗi năm gió lại đến bằng một ngày khác nhau. Nên vừa bước qua tháng Chín, tôi bắt đầu dời chiếc chuông gió sang cửa sổ phía đông. Cuộc chờ đợi nhiều khi rất dài, đến nỗi quên phứt[2] đi. Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần. Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần

[1] Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết,... Văn của Nguyễn Ngọc Tư trong sáng, mộc mạc, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư được tập hợp trong một số cuốn sách tiêu biểu như: *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Không ai qua sông* (2016), *Biên sử nước* (2020),...

[2] *Quên phứt* (như *quên phắt*, *quên béng*): quên hẳn đi, không còn nhớ đến.

không biết người xưa có còn nhớ ta không. Rồi nó mừng húm[1], khi nhận ra tôi chẳng quên được nó bao giờ [...]. Cái chuông gió với những âm thanh mỏng manh trở thành thứ đồ chơi lãng nhách[2], chẳng thể hiện nổi sự hừng hực, dạt dào của nó – bây giờ lớn thành một dòng gió, xấp xãi[3], cuống quýt xốc vào tấm tôn bên chái[4] đông đã bị đứt đinh từ mùa trước. Cồn cào. Nồng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng. Ôi! Gió chướng[5].

Tôi thường đón gió chướng về với một tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang. Mừng đó rồi bực đó. Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy, lúc cầm cây chổi ra quét sân, đứng trong gió đầm đìa tôi cũng buồn, buồn muốn chết. Trời ơi, gió nầy là sắp hết năm đây, sắp già thêm một tuổi đây, mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vầy... Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rãi[6] ăn, gấp rãi nói, gấp rãi cười, gấp rãi khi ngày bắt đầu rụng xuống...

Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ dại. Khi gió bắt đầu hiu hiu se lạnh, đám con nít nhảy cà tưng[7], háo hức vỗ tay cười, vậy là gần được sắm quần áo, dép mới rồi (nhà nghèo, cả năm chỉ được dịp nầy chứ mấy). Gió chướng (và gió bấc[8]) với tôi là gió Tết, dù từ khi bắt đầu mùa gió đến Tết, mất gần ba tháng ròng. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát "Cấy rồi mùa qua sông cấy mướn. Ông trời ổng thổi ngọn chướng buồn cha chả là buồn..." rồi thở dài cái thượt "Ứ hự, lụi hụi mà hết năm...". Dường như tâm trạng má khác tôi, những sợi gió cứ như xốn xang vào nỗi nghèo túng, sợ không lo nổi một cái Tết tử tế cho cả nhà.

---

(1) *Mừng húm*: mừng rơn, mừng đến mức có cảm giác rộn ràng trong lòng.
(2) *Lãng nhách*: rất chán và tẻ nhạt.
(3) *Xấp xãi*: vội vàng, gấp rút.
(4) *Chái*: gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hồi theo lối kiến trúc dân gian.
(5) *Gió chướng*: tên người dân Nam Bộ dùng để gọi gió mùa đông bắc. Khi thổi mạnh, gió chướng đưa nước mặn thâm nhập sâu vào các con sông, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất.
(6) *Gấp rãi* (như *gấp rút*): hết sức khẩn trương để có thể xong trong khoảng thời gian ngắn nhất.
(7) *Nhảy cà tưng*: nhảy cẳng lên.
(8) *Gió bấc*: gió mùa đông bắc.

Má, tánh[1] lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa. Mùi rơm thơm rần rụa thổi ngang đồng, nỗi buồn lo của má tan không thành tiếng, tan mau như sương. Đáng chờ đợi lắm, vì mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Gió thổi tạnh ráo những đôi chân suốt một mùa đầm đìa trên đồng bãi. Liếp[2] mía đặt từ hồi tháng Hai, tháng Ba, đợi gió mới chịu già, nước ngọt và trĩu, cầm khúc mía trên tay, nghe nặng trịch. Vú sữa chín cây lúc lỉu, căng bóng, [...] nửa đêm dơi ăn rớt lịch bịch ngoài hè. Còn dưa hấu nữa, ui chao...

[...] Gió chướng với tôi, một đứa bấp bỏm[3] văn chương, nó "gợi" khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ "gió chướng", ngay lập tức tôi sẽ chết giấc[4] trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lũ lượt hiện ra, những nùi rơm[5] vướng oằn nhánh me, giồng[6] bạc hà cháy lá, con nước rong linh đinh[7] lém[8] bờ sông, má đứng rê lúa[9], trấu bay xà quần[10] về cuối gió, vài buồng cau quả lứa thắp lửa trên cao, tiếng chày quết bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngại ngái lơi lơi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.

Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?

(Nguyễn Ngọc Tư, *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 7 – 10)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Gió chướng được tác giả miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh nào?
2. Hãy chỉ ra những biểu hiện của tâm trạng "lộn xộn, ngổn ngang" ở nhân vật "tôi" khi gió chướng về. Theo em, lí do nào khiến nhân vật "tôi" luôn mong ngóng, chờ đợi gió chướng?
3. Vì sao tác giả khẳng định "mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch"?

---

[1] *Tánh*: tính.
[2] *Liếp*: luống.
[3] *Bấp bỏm* (như *bập bõm*): biết một cách không chắc chắn và không đầy đủ, chỗ được chỗ không.
[4] *Chết giấc*: ở đây có nghĩa là lặng đi vì xúc động mạnh.
[5] *Nùi rơm*: rơm bị kết thành từng búi (nghĩa trong văn bản).
[6] *Giồng*: dải đất phù sa nổi cao lên, thường ở ven sông.
[7] *Con nước rong linh đinh*: dòng nước lớn, lênh đênh, nay đây mai đó vô định.
[8] *Lém*: mấp mé (nghĩa trong văn bản).
[9] *Rê lúa*: làm sạch thóc bằng cách cầm nghiêng miệng thúng cho thóc rơi từ trên cao xuống trước gió để những hạt lép và bụi bẩn bay đi.
[10] *Xà quần*: luẩn quẩn, loanh quanh, di chuyển thành vòng tròn nhiều lần xung quanh một chỗ.

4. Câu văn cuối cùng của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì?

5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1 Em có nhận xét gì về cách dùng từ *gặp* trong nhan đề bài thơ *Gặp lá cơm nếp*?

2 Nêu cách hiểu của em về cụm từ *thơm suốt đường con* trong khổ thơ sau:

Mẹ ở đâu, chiều nay
Nhặt lá về đun bếp
Phải mẹ thổi cơm nếp
Mà thơm suốt đường con.

3 Ta thường gặp những cụm từ như *mùi vị thức ăn*, *mùi vị trái chín*, *mùi vị của nước giải khát*,... Nghĩa của *mùi vị* trong những trường hợp đó có giống với nghĩa của *mùi vị* trong cụm từ *mùi vị quê hương* hay không? Vì sao?

4 Nêu nhận xét về cách kết hợp giữa các từ trong hai dòng thơ *Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương*. Theo em, hiệu quả của cách kết hợp đó là gì?

BIỆN PHÁP TU TỪ

5 Chỉ ra các biện pháp tu từ trong những câu sau và nêu tác dụng:

a. *Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rãi ăn, gấp rãi nói, gấp rãi cười, gấp rãi khi ngày bắt đầu rụng xuống.*

b. *Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không.*

6 Trong những câu sau, biện pháp tu từ nhân hoá mang lại hiệu quả gì?

a. *Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơi lơi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.*

b. *Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Viết

A. Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Thế giới xung quanh ta thật đẹp và có biết bao điều thú vị khiến ta mong muốn được lưu giữ lại. Những bức tranh, bức ảnh, bản nhạc, trang văn và cả những vần thơ có thể giúp ta thực hiện điều đó. Ở phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ bốn chữ và năm chữ, nhận biết những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Xác định đề tài và cảm xúc*

Em có thể chọn bất cứ đề tài nào mà em yêu thích như nhà trường, gia đình, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... và ghi lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng được nói đến. Đó có thể là yêu mến, xúc động, lưu luyến, bâng khuâng, nhớ nhung, biết ơn, tự hào,...

b. *Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc*

– Sau khi đã xác định được đề tài và tình cảm, cảm xúc, em hãy tìm hình ảnh để thể hiện cảm xúc đó. Ví dụ, nếu định viết về một vẻ đẹp của thiên nhiên, em có thể dùng hình ảnh bông hoa, chiếc lá, giọt sương, áng mây,... để gửi gắm cảm xúc của mình. Nếu có cảm xúc bâng khuâng, lưu luyến khi về nghỉ hè, chia tay thầy cô, bạn bè, mái trường, em có thể dùng hình ảnh hoa phượng rơi, chiếc trống trường nằm yên, sân trường vắng,... để thể hiện cảm xúc.

– Tiếp theo, em hãy liên tưởng, tưởng tượng, kết nối sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ với nhau và với con người để mạch cảm xúc, suy nghĩ được thể hiện và phát triển một cách tự nhiên. Chẳng hạn miêu tả hình ảnh áng mây, em có thể triển khai cảm xúc theo hướng tả *cảnh mây bay* (mây xuất hiện khi nào, ở đâu, mây màu gì, có hình thù như thế nào, bay lửng lơ chậm chạp hay bay nhanh hối hả; những sự vật, hiện tượng thiên nhiên xung quanh như mặt trời, mặt trăng, những vì sao, ánh sáng,... có đặc điểm ra sao); hoặc tưởng tượng về hành trình "du lịch" của áng mây (mây bay về đâu, gặp gỡ những ai, trò chuyện những gì, "cuộc đời" của mây kết thúc thế nào,...).

– Thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mình về sự vật, hiện tượng đó, chẳng hạn niềm xúc động trước sự mong manh của áng mây trước gió, suy ngẫm về vòng tuần hoàn của các hiện tượng thiên nhiên,...

c. *Tập gieo vần*

Chọn thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ và tìm vần thích hợp. Để tập gieo vần, em hãy tìm những tiếng thích hợp cho những chỗ trống trong các dòng thơ sau đây:

– Vần liền:

Ai là bạn gió
Mà gió đi tìm
Bay theo cánh ...
Lùa trong tán lá

Gió nhớ bạn ...
Nên gõ cửa hoài.

(*Theo* Ngân Hà, *Bạn của gió*)

– Vần cách:

Nhà trẻ con đã quen
Không còn hờn khóc nữa
Nhưng cứ độ tan tầm
Con lại ra đứng ...
Mong mẹ và mong bố
Mắt nhìn về phố đông
Ôi tấm lòng thơ nhỏ
Đã thuộc giờ ngóng ...

Thành phố rộng mênh ...
Bao la chiều gió thổi
Ở cuối con đường kia
Có con đang đứng ...

(*Theo* Lưu Quang Vũ, *Buổi chiều đón con*)

– Vần hỗn hợp:

Mặt trời thổi lửa
Sông biển bốc hơi
Hơi bay cao vút
Thành mây lưng ...

Mây hồng nhẹ trôi
Mây xanh đằm thắm
Dịu dàng mây ...
Thần thơ mây vàng

Mây đen lang ...
Thân mình nặng trĩu
Gió trêu tí xíu
Đã vội khóc oà.

(*Theo* Hoàng Lựu, *Mây khóc*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 VIẾT BÀI

– Suy nghĩ về đề tài mà em đã chọn: hình dung trong tâm trí các hình ảnh nổi bật, từng để lại cho em ấn tượng sâu đậm; xác định tình cảm, cảm xúc của em về đối tượng; lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với hình ảnh và tình cảm, cảm xúc.

– Quyết định chọn thể thơ và viết một hoặc hai dòng thơ đầu tiên có bốn hoặc năm tiếng diễn tả ấn tượng, cảm xúc nổi bật của em về đối tượng. Chú ý phần vần ở những tiếng cuối để tiếp tục gieo vần chân ở những dòng sau. Có thể ngắt nhịp linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ.

– Những dòng tiếp theo có thể triển khai cụ thể hơn, chẳng hạn miêu tả chi tiết các đặc điểm của đối tượng, kể về đối tượng; có thể diễn đạt dưới hình thức tâm tình, trò chuyện với đối tượng,...

– Sử dụng những từ ngữ biểu đạt cảm xúc; sử dụng từ láy và những biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ,...

– Có thể kết thúc bài thơ theo nhiều cách khác nhau: tạo những dòng thơ có hình ảnh ấn tượng, nêu cảm nghĩ của mình về sự vật, hiện tượng,... để tạo dư âm trong người đọc.

3 CHỈNH SỬA

Sau khi đã hoàn thành, em hãy đọc lại thật kĩ bài thơ. Hãy kiểm tra xem bài thơ em vừa làm đã đáp ứng được các yêu cầu chung của bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ chưa. Có thể theo gợi ý sau:

Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Hình thức nghệ thuật	Số tiếng trong mỗi dòng thơ: bốn tiếng hoặc năm tiếng
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp)
	Nhịp thơ phù hợp với tình cảm, cảm xúc
	Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc
	Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm
Nội dung	Tình cảm, cảm xúc của em
	Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ

B. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Ở lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một đoạn văn như thế.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:

- Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.
- Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.
- Khái quát được cảm xúc về bài thơ.

Phân tích bài viết tham khảo

Đồng dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính

Đồng dao mùa xuân của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm kể lại câu chuyện về một người lính đã anh dũng chiến đấu và vĩnh viễn nằm lại dưới những tán rừng đại ngàn trên dãy Trường Sơn hùng vĩ, sau một trận chiến ác liệt. Câu chuyện làm rung động sâu xa tâm hồn người đọc, được kể dưới hình thức đồng dao bốn chữ nên dễ thuộc, dễ nhớ. Qua lời kể ngắn gọn, những chi tiết miêu tả chọn lọc, đầy ấn tượng, hình ảnh người lính hiện lên mộc mạc, gần gũi mà cao đẹp. Anh còn rất trẻ, "còn mê thả diều" như bao thiếu niên ở mọi làng quê. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường chiến đấu và anh dũng hi sinh trên chiến trường ác liệt. Sự hi sinh của anh được nhà thơ miêu tả rất xúc động với tất cả niềm thương yêu, xót xa, thành kính. Trong tâm tưởng của đồng đội, của nhân dân, người lính còn sống mãi. Anh vĩnh viễn ở lại nơi núi rừng Trường Sơn với hình ảnh thật bình dị: *Ba lô con cóc/ Tấm áo màu xanh/ Làn da sốt rét/ Cái cười hiền lành* và cũng thật khiêm nhường: *Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rực rỡ/ Màu hoa đại ngàn/ Mắt như suối biếc/ Vai đầy núi non*... Biện pháp tu từ so sánh "mắt như suối biếc" và ẩn dụ "vai đầy núi non" thể hiện niềm tin của nhà thơ rằng hình ảnh người lính đã vĩnh viễn hoà vào núi non, sông suối thiêng liêng. Anh ra đi để hoa nở rực rỡ giữa đại ngàn, làm nên mùa xuân cho đất nước. Những dòng thơ bốn chữ ngắn gọn với các chi tiết giàu tính tạo hình đã chạm khắc sắc nét hình tượng người lính trong kí ức của "nhân gian". Bài thơ về người lính được tác giả thể hiện như một "khúc đồng dao" thấm đượm cảm xúc tự hào, ngợi ca, chứa chan lòng biết ơn thế hệ cha anh đã dâng hiến tuổi xanh, kết thành "mùa xuân" cho đất nước.

(Nhóm biên soạn)

Giới thiệu bài thơ và tác giả.

Nêu ấn tượng, cảm xúc chung về nét đặc sắc nổi bật nhất của bài thơ.

Diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Khái quát cảm xúc về bài thơ.

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Chia sẻ cảm xúc của bản thân về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, giúp người đọc cảm nhận được cái hay của bài thơ.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người mong muốn cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài thơ.

a. *Lựa chọn bài thơ*

Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về những đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... Điều quan trọng là bài thơ ấy để lại trong em nhiều ấn tượng.

b. *Tìm ý*

Em hãy thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:

– Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.

ngữvănmcs.com

– Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) của bài thơ.

– Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.

c. *Lập dàn ý*

Sau khi đã tìm được các ý, em hãy lập dàn ý theo gợi ý sau:

Dàn ý

– *Mở đoạn*: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

– *Thân đoạn*: Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

– *Kết đoạn*: Khái quát cảm xúc về bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 VIẾT BÀI

Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:

– Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.

– Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn, sử dụng các từ ngữ liên kết.

– Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...).

– Trình bày đúng hình thức đoạn văn: viết lùi đầu dòng chữ đầu tiên của đoạn văn, chữ cái đầu phải được viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm câu.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.	Nếu còn thiếu, hãy bổ sung.
Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.	Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh.
Khái quát được cảm xúc về bài thơ.	Đọc lại câu văn cuối đoạn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc)

Ở phần Đọc, hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và *Gặp lá cơm nếp* hẳn đã gợi cho em những suy nghĩ về người lính, về tình yêu đất nước, về sự hoà quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương,... Trong phần Nói và nghe dưới đây, em sẽ chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc để phát triển kĩ năng nói của bản thân. Sự hấp dẫn và thuyết phục trong cách trình bày, tinh thần cầu thị khi tiếp thu ý kiến nhận xét của người nghe, cách trao đổi với bạn trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau,... là những điều em cần rèn luyện thường xuyên.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Trước hết, em cần dựa vào các tác phẩm văn học đã đọc kết hợp với chính trải nghiệm của bản thân và thông tin từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để chọn một nội dung phù hợp.

Mục đích nói

Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề em nói.

Chẳng hạn, ngoài chủ đề về người lính, về tình yêu đất nước, về sự hòa quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương, em cũng có thể nói về lòng biết ơn đối với những người đang hằng ngày cống hiến cho xã hội một cách thầm lặng, về những đổi thay của cuộc sống hôm nay,...

– Sưu tầm tranh ảnh, bài hát, bài thơ, đoạn phim ngắn,... để minh hoạ cho bài nói.

– Lập đề cương cho bài nói. Chẳng hạn, nếu em chọn trình bày suy nghĩ về hình ảnh người lính thì các ý chính có thể là: vẻ đẹp của người lính, những biểu hiện cụ thể của vẻ đẹp ấy, tình cảm của em dành cho người lính,...

+ Giới thiệu về người lính (người lính nói chung hay người lính ở một binh chủng, đơn vị cụ thể), ấn tượng chung của em về người lính đó.

+ Nêu cụ thể những việc làm, hành động của người lính đã để lại ấn tượng đậm nét cho em (cần chú ý dựng lại được bối cảnh thời gian, không gian của các việc làm, hành động đó).

+ Nêu những suy nghĩ của em về việc làm của người lính, rút ra bài học từ thái độ sống và tinh thần xả thân vì nhân dân của người lính.

b. *Tập luyện*

Để bài nói đạt kết quả tốt, em hãy tập luyện trước khi trình bày.

– Em có thể tập nói một mình để tự điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu nói sao cho phù hợp. Em cũng có thể tập nói trước bạn bè, người thân và nhờ họ góp ý.

– Điều chỉnh dung lượng bài nói sao cho phù hợp với thời gian quy định.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Trình bày đầy đủ, mạch lạc những nội dung đã chuẩn bị.

– Kết hợp trình bày bài nói với việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ minh hoạ,...

– Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm phù hợp với nội dung nói; thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe.

– Trình bày bài nói trong thời gian quy định.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Người nghe	Người nói
Nhận xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành, tinh thần xây dựng. Có thể trao đổi về một số nội dung như: • Bài nói đã thể hiện rõ suy nghĩ của người nói về vấn đề đời sống chưa? • Nội dung bài nói có thuyết phục không? • Người nói đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) phù hợp với nội dung trình bày chưa? • Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ,...) trong khi trình bày thế nào?	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc. • Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân*, *Gặp lá cơm nếp*.

Bài thơ	Nội dung chính	Đặc điểm nghệ thuật				
		Thể thơ	Vần	Nhịp	Hình ảnh	Biện pháp tu từ

2. Nhà thơ Thế Lữ từng viết: "Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu" (*Cây đàn muôn điệu*). Qua những văn bản thơ được học trong bài này, theo em, người đọc có thể nghe được những điệu đàn nào của tâm hồn con người?

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...
- Vẻ đẹp của sông Thương khi chiều buông.
- Cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ về sông Thương, về quê hương quan họ,...

Chiều sông Thương

HỮU THỈNH[1]

Đi suốt cả ngày thu
vẫn chưa về tới ngõ
dừng dằng hoa Quan họ
nở tím bên sông Thương

nước vẫn nước đôi dòng
chiều vẫn chiều lưỡi hái
những gì sông muốn nói
cánh buồm đang hát lên

đám mây trên Việt Yên
rủ bóng về Bố Hạ
lúa cúi mình giấu quả
ruộng bời con gió xanh

nước màu đang chảy ngoan
giữa lòng mương máng nổi
mạ đã thò lá mới
trên lớp bùn sếnh sang[2]

cho sắc mặt mùa màng
đất quê mình thịnh vượng
những gì ta gửi gắm
sắp vàng hoe bốn bên

hạt phù sa rất quen
sao mà như cổ tích
mấy cô coi máy nước
mắt dài như dao cau

ôi con sông màu nâu
ôi con sông màu biếc
dâng cho mùa sắp gặt
bồi cho mùa phôi thai

nắng thu đang trải đầy
đã trăng non múi bưởi
bên cầu con nghé đợi
cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh, *Tiếng hát trong rừng*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 34 – 36)

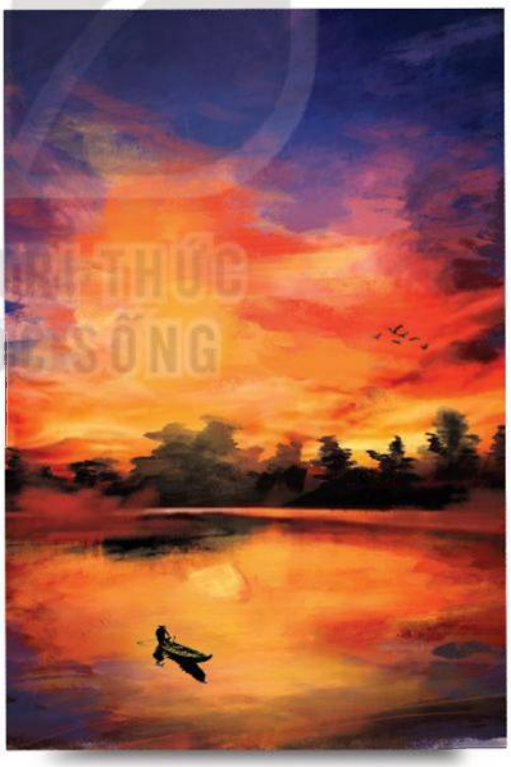

[1] Hữu Thỉnh sinh năm 1942, quê ở Vĩnh Phúc. Thơ Hữu Thỉnh thể hiện tình cảm sâu lắng, thiết tha và sự gắn bó với đất nước, con người, cảnh sắc Việt Nam; ngôn ngữ thơ giản dị mà tinh tế. Tác phẩm chính: *Đường tới thành phố* (1979), *Thương lượng với thời gian* (2005), *Tiếng hát trong rừng* (2015),...

[2] *Sếnh sang*: láng mướt, mịn màng.

BÀI 3

CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

Tình yêu thương là câu trả lời cho mọi thứ.

Ray Brát-bơ-ry (Ray Bradbury)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Như cây cối khi bắt rễ vào đất sẽ xanh tươi, đơm hoa kết trái, con người có cội nguồn yêu thương làm điểm tựa sẽ hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thành.
- Đọc hiểu các tác phẩm truyện và một văn bản kết nối về chủ đề trong bài học này, em sẽ có thêm cơ hội để khám phá và cảm nhận một cách sâu sắc hơn về những nguồn mạch yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.
- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.
- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.
- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thay đổi kiểu người kể chuyện

- Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.

Số từ và phó từ

- Số từ là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.
- Phó từ là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (trích), Nguyễn Ngọc Thuần

VĂN BẢN 2. *Người thầy đầu tiên* (trích), Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (Chingiz Aitmatov)

VĂN BẢN 3. *Quê hương*, Tế Hanh

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Kể tên một số loài hoa em biết. Em có thể "nhận ra" các loài hoa ấy bằng những cách nào?

2. Theo em, nhan đề *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* gợi điều gì thú vị?

ĐỌC VĂN BẢN

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ[1]

Trích, NGUYỄN NGỌC THUẦN

Theo dõi

Những chi tiết trong lời kể về bố của nhân vật "tôi".

Nhà tôi có khu vườn rất rộng. Bố trồng nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa. Bố hay bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một. Bố nói:

– Đố con hoa gì?

Tôi luôn nói sai. Nhưng bố nói không sao cả, dần dần tôi sẽ nói đúng. Những buổi chiều tôi hay nhắm mắt sờ những bông hoa rồi tập đoán. Tôi đoán được hai loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương. Bố cười khà khà khen tiến bộ lắm! Một hôm khác, tôi đoán được ba loại hoa. Bố nói:

– Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi!

Theo dõi

Lời nói, cử chỉ, hành động của các nhân vật.

Và đúng như vậy, không bao lâu, tôi đã đoán được hết vườn hoa. Từ trong nhà ra ngoài vườn, tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó. Tôi cũng đã thuộc khu vườn. Tôi có thể vừa nhắm mắt vừa đi mà không chạm vào vật gì. Những lúc rảnh rỗi, bố hay đứng trong vườn rồi đố tôi tìm ra bố. Bố nói:

– Bố thấy con hé mắt!

[1] *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* gồm những câu chuyện ngắn được kể bằng lời của nhân vật Dũng – một cậu bé mười tuổi có tâm hồn trong sáng, tinh tế. Cậu bé kể về những trải nghiệm, những vui buồn trong cuộc sống hằng ngày. Qua cái nhìn trong trẻo, ấm áp của trẻ thơ, cả một thế giới hiện lên vừa gần gũi, thân thương vừa phong phú, bí ẩn, đầy sức cuốn hút.

Tôi cãi lại:

– Không! Con không có hé mắt. Con biết chỗ cây hoàng lan mà!

– Thật không? – Bố giả vờ nghi ngờ.

Trò chơi này không chỉ diễn ra ngoài vườn mà còn trong nhà. Bố hay giấu cục kẹo đâu đó rồi đố tôi, và lần nào tôi cũng tìm thấy. Bố còn đố khi tôi nhắm mắt, bố đứng cách tôi bao xa.

Lúc đầu tôi luôn đoán sai nhưng sau thì đúng dần. Mỗi lần như thế, bố đều lấy thước ra đo đàng hoàng.

Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền[1], tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân. Trò chơi này làm chú Hùng ngạc nhiên lắm. Chú cứ hay nghi ngờ rằng không thể được, cháu đã ăn gian. Cháu hé mắt. Thế là tôi lặp lại trò chơi cho đến khi chú phải thốt lên:

– Thật không thể tin nổi, cháu có *con mắt thần!*

Trò chơi này, tôi có một kỉ niệm đáng nhớ. Sau nhà tôi có một con sông nhỏ. Những ngày nghỉ bố hay dẫn tôi ra đó tắm. Bố tôi bơi giỏi lắm. Bố có thể lặn một hơi dài đến mấy phút. Hôm đó, khi cả nhà đang ăn cơm thì bỗng nghe một tiếng hét lớn. Sau đó hoàn toàn im lặng. Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:

– Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!

Mẹ tôi chồm dậy:

– Chết rồi, ngoài bờ sông!

Bố quăng chén[2] cơm rồi băng vườn chạy ra... Tôi và mẹ chạy theo, quả nhiên đúng như vậy. Dưới cái lụp xoáy, một thằng bé chới với chỉ còn lòi ngón chân.

Nó là thằng Tí, con bà Sáu. Nhân buổi trưa, nó trốn ra bờ sông vọc nước, không ngờ trượt chân té[3] xuống. Bố tôi ẵm nó về nhà. Bụng nó đầy nước, bố phải nắm ngược hai chân dốc xuống như làm xiếc. Sau đó cả xóm mới hay tin chạy ra. Người ta bu quanh tôi, hỏi đủ chuyện. Bà Sáu còn cảm ơn tôi. Bà khóc. Bà nói không có tôi, thằng Tí con bà sẽ chết. Nhiều người không tin rằng tôi có thể lắng nghe âm thanh tài tình như vậy bèn thử tài, thật *may phước* lần nào tôi cũng đoán trúng. Họ hỏi làm sao biết hay vậy. Bố nháy mắt và chúng tôi cười ồ. Tôi biết đó là một bí mật, không thể tiết lộ! Một bí mật

Suy luận

Vì sao nhân vật "tôi" có thể giúp bố cứu được bạn Tí?

[1] *Mền*: chăn.
[2] *Chén*: bát.
[3] *Té*: ngã.

giữa bố và tôi. Nhưng tôi đã hứa, tôi sẽ chỉ cho thằng Tí bí mật này. Nó là bạn thân của tôi mà. Tôi thấy tên nó đẹp hơn mọi tên, khi đọc lên, âm thanh cứ du dương như một bài hát.

Ở trường tôi hay gọi nó:

– Tí, Tí!

Nó hỏi:

– Cái gì?

Tôi mỉm cười:

– Chẳng có gì!

Nó ngạc nhiên lắm. Nó không hề biết rằng tôi đang nghe âm thanh từ cái tên của nó.

Suy luận

Vì sao nhân vật "tôi" thích gọi tên bạn Tí và bố?

Bố tôi nói, mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu.

Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.

[...] Thằng Tí hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất *đã*. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

Tôi nói:

– Sao bố kính trọng nó quá vậy?

Bố cười xoà:

– Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước *món quà*. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó. – Bố còn nói thêm. – Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà của bố.

Theo dõi

Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật "tôi" khi nghe bố giảng giải về những món quà.

Tôi đi nhẹ ra vườn. Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn. Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

– A! Món quà của *tui*[1] đây rồi. Ôi cái món quà này *bự* quá!

[1] *Tui*: tôi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bố lại nghĩ ra trò chơi khác. Thay vì chạm vào hoa, bây giờ tôi chỉ ngửi rồi gọi tên nó. Bố đưa bông hoa trước mũi tôi rồi nói, hoa gì? Trò chơi cứ được diễn ra liên tục cho đến hồi tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa.

Đêm, tôi mở cửa sổ và nói:

– Hoa hồng đang nở kìa bố ơi!

Bố không tin, xách đèn ra soi và đúng vậy. Những bông hoa cứ đem hương đến cửa sổ như báo cho tôi biết từng mùa. Hoa gì nở sớm, hoa gì nở muộn. Tôi còn phân biệt cùng một lúc *những* hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!

nguyanthcs.com

Bạn hãy tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ. Bạn sẽ giả vờ hỏi:

– Ai đó? Có phải là người *khách lạ* không?

– Không. Tôi là khách quen! – Người đó trả lời.

Bạn sẽ nói:

– Khách quen sao tui không biết vậy cà[1]? Tui nghe bước chân lạ lắm.

– Đó là tại vì tui đang hồi hộp. Tui thấy khu vườn nở nhiều hoa quá.

– Hoa hồng và mào gà phải không?

– Ôi! Sao anh biết hay quá vậy?

[1] *Vậy cà*: như *vậy nhỉ*, là những từ chêm vào cuối câu để biểu thị sự ngạc nhiên về điều gì đó.

Bạn sẽ nói to lên:

– Tại vì tôi có *con mắt thần*.

– Con mắt thần nằm ở đâu vậy?

– Nằm ở *mũi* tui.

Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Bạn hãy thử đi rồi sẽ thấy, khu vườn sẽ lớn lên rất nhiều. Những bông hoa thơm hơn và khi nhắm mắt, bạn vẫn nhìn thấy nó. Không chỉ vậy, bạn còn thấy nguyên cả khu vườn. Bạn có thể nhìn thấy bông hồng ngay trong đêm tối. Đêm bạn nằm, đắp chăn kín người nhưng bạn vẫn có thể *đi dạo*. Bạn sẽ không bao giờ lạc trong bất cứ một khu vườn nào, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho bạn, một lối đi an toàn và thơm ngát.

Theo dõi

Điều bí mật nhân vật "tôi" muốn chia sẻ là gì?

Và lúc đó, bạn sẽ tiếc lắm nếu thế giới này vắng đi những bông hoa. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao trong khu vườn không có người *dẫn lối*? Người ta sẽ ngạc nhiên hỏi lại, người dẫn lối nào? Bạn sẽ từ từ nói, đó là NHỮNG BÔNG HOA...

Những bông hoa chính là người *đưa đường*!

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 41 – 49)

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Ngọc Thuần sinh năm 1972 ở Bình Thuận. Ông là cây bút chuyên sáng tác cho trẻ em. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần mang đến một thế giới trong trẻo, tươi mới, ấm áp, đầy chất thơ. Ở đó, có bao nhiêu sợi tơ của niềm yêu thương, trìu mến kết nối tâm hồn mỗi chúng ta với thiên nhiên, với con người, cuộc sống. Nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần được độc giả rất yêu thích: *Một thiên nằm mộng* (2001), *Trên đồi cao chăn bầy thiên sứ* (2003), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (2004),...

Em có biết?

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ đã giành được giải thưởng Pi-tơ Pen (Peter Pan) – giải thưởng của Uỷ ban Quốc tế về sách dành cho thiếu nhi tại Thuỵ Điển năm 2008 và được dịch ra nhiều thứ tiếng (Anh, Thuỵ Điển, Thái Lan, Hàn Quốc,...).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhân vật "tôi" đã được bố dạy cho cách "nhìn" đặc biệt như thế nào để nhận ra những bông hoa trong vườn?
2. Nhân vật người bố chủ yếu được miêu tả qua lời kể của nhân vật nào? Việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?
3. Nêu cảm nhận về tính cách của nhân vật người bố. Chỉ ra một số chi tiết khiến em có những cảm nhận đó.
4. Vì sao nhân vật "tôi" có thể biết chính xác tiếng kêu cứu của bạn Tí vang lên từ đâu? Chi tiết này có mối liên hệ với chi tiết nào trước đó?
5. Liệt kê những chi tiết tiêu biểu miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật "tôi" về bố và bạn Tí. Những chi tiết đó cho thấy đặc điểm tính cách nào của nhân vật "tôi"?
6. Khi "vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ", nhân vật "tôi" đã phát hiện được những "bí mật" gì? Theo em, những "bí mật" ấy mang lại điều gì cho cuộc sống hằng ngày của nhân vật?
7. Em có đồng tình với những điều nhân vật người bố nói về các "món quà" không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một "món quà" em đặc biệt yêu thích.

Thực hành tiếng Việt

SỐ TỪ

1 Tìm số từ trong các câu sau:

a. *Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới.*

b. *Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay.*

c. *Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!*

2 Tìm số từ chỉ số lượng ước chừng trong các câu dưới đây:

a. *Bố có thể lặn một hơi dài đến mấy phút.*

b. *Tôi còn về vài ngày nữa là khác.*

c. *Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi.*

Tìm thêm ba số từ chỉ số lượng ước chừng khác và đặt câu với mỗi từ.

Nhận biết số từ

Số từ có thể được phân chia thành hai nhóm:

- Số từ chỉ số lượng gồm các số từ chỉ số lượng xác định (*một, hai, ba,...*) và số từ chỉ số lượng ước chừng (*vài, dăm, mươi, dăm bảy, ba bốn,...*). Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ.

Ví dụ:

(1) *Tôi đoán được **hai** loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương.*

Số từ *hai* trước danh từ *loại* chỉ số lượng xác định.

(2) *Chúng tôi gặp nhau và nói **dăm ba** câu chuyện.*

3 Trong câu: "*Nó là thằng Tí, con bà Sáu.*", từ *Sáu* có phải là số từ không? Vì sao từ này được viết hoa?

4 Trong câu: "*Bụng nó đầy nước, bố phải nằm ngược hai chân dốc xuống như làm xiếc.*", có số từ *hai* kết hợp với *chân* (*hai chân*). Trong tiếng Việt, bên cạnh *hai chân* còn có *đôi chân*. Hãy tìm thêm những trường hợp tương tự và cho biết sự khác nhau về nghĩa giữa cụm từ có số từ *hai* và cụm từ có danh từ đơn vị *đôi* có ý nghĩa số lượng trong mỗi trường hợp.

5 Có những từ vốn chỉ số lượng xác định nhưng trong một số trường hợp lại mang nghĩa biểu trưng, ước lệ, không xác định. Ví dụ: *trăm mưu nghìn kế*. *Trăm*, *nghìn* là số từ chỉ số lượng xác định nhưng ở đây lại biểu trưng cho ý nghĩa "rất nhiều". Hãy tìm ba thành ngữ có số từ được dùng theo cách như vậy.

6 Dựa vào câu "*Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ.*", hãy đặt ba câu có cấu trúc tương tự (*Mỗi ... là một ...*).

Số từ *dăm ba* trước danh từ *câu chuyện* chỉ số lượng ước chừng.

- Số từ chỉ thứ tự đứng sau danh từ, chỉ thứ tự của sự vật. Số từ chỉ thứ tự thường đi sau các danh từ *thứ*, *hạng*, *loại*, *số*.

Ví dụ: *Tôi ngồi bàn thứ **nhất**.*

Số từ *nhất* kết hợp với từ *thứ* (*thứ nhất*) đứng sau danh từ *bàn* chỉ số thứ tự của sự vật.

Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng như: *đôi, chục, tá,...* Những danh từ này có thể kết hợp với số từ ở trước và các từ *ấy, này,...* ở sau (*ba đôi ấy, hai chục này,...*) còn số từ thì không.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy kể ngắn gọn về một thầy, cô giáo mà em đặc biệt yêu quý.

ĐỌC VĂN BẢN

Người thầy đầu tiên[1]

Trích, TRIN-GHI-DƠ AI-TƠ-MA-TỐP

(1)

Mùa thu năm ngoái tôi nhận được một bức điện từ làng tôi gửi đến. Bà con trong làng mời tôi về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng.

Nhận biết

Người kể chuyện ở đây là ai?

[1] *Người thầy đầu tiên* là truyện vừa, lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan (Kyrgyzstan) vào những năm đầu thế kỉ XX. Nhân vật chính là An-tư-nai (Altynai), một cô bé mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn,... Thầy Đuy-sen (Dyuishen) đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ; hết lòng bảo vệ và giúp An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Đuy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bặt tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người hoạ sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen như một hành động chuộc lỗi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tôi lập tức quyết định về làng, vì làm sao tôi có thể ngồi nhà trong một ngày vui của quê hương như thế được. Tôi còn về trước vài ngày nữa là khác. Tôi định bụng về sẽ dạo quanh, ngắm cảnh và vẽ ít bức kí hoạ[1]. Trong số những người được mời về dự hoá ra có cả bà viện sĩ Xu-lai-ma-nô-va (Sulaimanova). Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi thẳng lên Mát-xcơ-va (Moskva).

[...] Thế là bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va ra đi. Tôi trở lại thành phố và mấy hôm sau bỗng nhận được thư của bà. Bà cho biết là sẽ ở lại Mát-xcơ-va lâu hơn dự định và viết:

"Tuy có rất nhiều công việc quan trọng và khẩn cấp, tôi cũng đã quyết định gác hết lại và viết lá thư này cho anh... Nếu anh thấy điều tôi viết đây đáng được chú ý thì tôi khẩn khoản xin anh nghĩ xem làm thế nào cho mọi người cùng biết câu chuyện tôi sẽ kể. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này." [...]

Tôi đã mang nặng trong lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.

(2)

[...] Có lần, mang những túi đựng đầy ki-giắc[2] nhặt ở chân núi mé trên làng trở về, chúng tôi vòng vào trường xem thử thầy giáo đang làm gì ở đấy.

Theo dõi

Sự thay đổi nhân vật người kể chuyện.

[...] Lúc chúng tôi đặt các bao ki-giắc xuống đất để nghỉ một lát, Đuy-sen từ trong cửa bước ra, người bê bết đất. Trông thấy chúng tôi, anh ngẩn người ra một lát, nhưng rồi lại mỉm cười niềm nở, lấy tay quệt mồ hôi trên mặt.

– Đi đâu về thế các em gái?

Chúng tôi ngồi cạnh những bao ki-giắc thẹn thò nhìn nhau, Đuy-sen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

– Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Thầy vừa đắp lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem! Giờ chỉ còn phải trữ sẵn củi để sưởi trong mùa đông nữa thôi, nhưng không sao, chung quanh thiếu gì củi khô. Dưới nền nhà ta sẽ trải rơm thật nhiều, thế là có thể bắt đầu học được rồi. Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?

---

[1] *Kí hoạ*: vẽ nhanh nhằm ghi lại những nét chính của đối tượng và cảm xúc của người vẽ.
[2] *Ki-giắc*: phân bò, phân ngựa khô dùng làm chất đốt.

Tôi lớn hơn các bạn gái khác nên đánh bạo trả lời:

– Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi.

– Sao thím em lại không cho, thế nào cũng cho chứ. Vậy tên em là gì?

– An-tư-nai. – Tôi vừa đáp vừa lấy tay che chỗ gấu váy thủng để hở một mảng đầu gối.

Theo dõi

Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

– An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không? – Đuy-sen mỉm cười hiền từ khiến tôi thấy lòng ấm hẳn lại.

– Thế em con ai?

Tôi lặng thinh; tôi vốn không thích có ai thương hại tôi.

– Chị ấy mồ côi ạ, chị ấy ở với chú thím. – Mấy đứa bạn tôi đỡ lời.

– Thế này nhé – Đuy-sen lại mỉm cười nói với tôi – An-tư-nai ạ, em sẽ dẫn các em khác đi học được chứ?

– Thưa chú được ạ.

– Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.

– Không, chúng em phải về nhà đây. – Chúng tôi rụt rè nói.

– Thôi được, các em chạy về nhà đi. Khi nào đến học các em sẽ xem sau vậy. Giờ chưa tối, thầy đi lấy ra khô lần nữa đã.

Cầm lấy chiếc liềm và sợi dây, Đuy-sen bước ra đồng. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng. [...]

(3)

Tiết trời đã sắp sang đông.

Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt cóng cả chân. Khổ nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phải phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối. Lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Theo dõi

Những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Đuy-sen.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, tôi thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thật. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người ta đã cười thầy Đuy-sen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ,

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghễu nghện trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Đuy-sen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn cười nắc lên và huých tay tên đi bên cạnh nói:

– Đứa thì cõng, đứa thì bế, trông đã hay chưa!

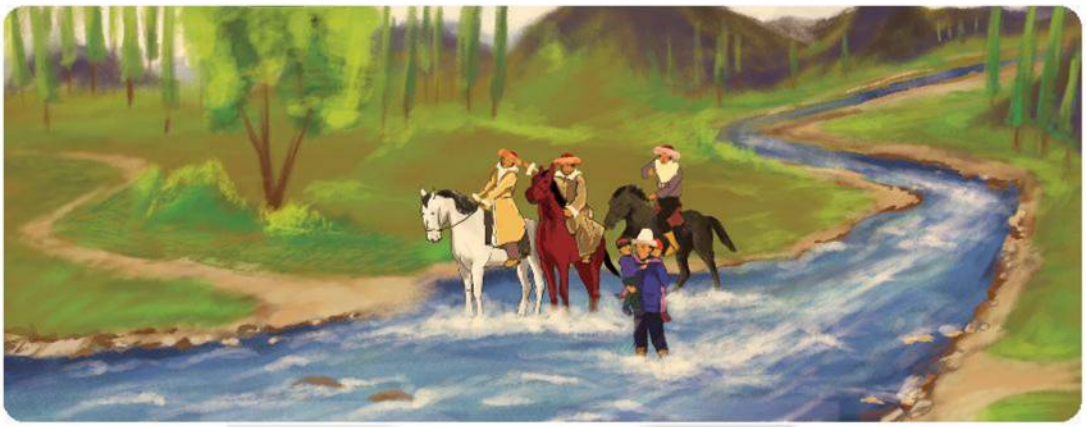

[...] Rồi họ quất cho ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung toé lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt láo xược của họ: "Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế! Các người ngu lắm, các người tồi lắm.".

Theo dõi

Suy nghĩ, cảm xúc của An-tư-nai về mọi người, về thầy Đuy-sen.

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi?

Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Đuy-sen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thường là thầy nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.

Thầy Đuy-sen có cố gắng bao nhiêu cũng chưa kiếm đủ gỗ để bắc một chiếc cầu nhỏ qua suối. Có lần ở trường về, sau khi đã đưa hết các em nhỏ sang, tôi cùng với thầy Đuy-sen dừng lại bên bờ suối. Chúng tôi quyết định lấy đá và những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối để bước qua cho khỏi bị ướt chân.

[...] Hôm chúng tôi xếp đá qua dòng nước, tuyết đã phủ đầy trên mặt đất và nước buốt đến chết cóng đi được. Tôi không tưởng được thầy Đuy-sen làm thế nào chịu nổi – vì thầy đi chân không, làm không ngơi tay. Tôi chật vật đặt chân xuống suối, tưởng chừng như dòng suối rải đầy than hồng nóng bỏng. Bỗng dưng đến giữa suối tôi bị chuột rút ở chân, người co rúm lại. Tôi không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng lên được nữa và từ từ

Hình dung

Hình ảnh thầy Đuy-sen trong kí ức của An-tư-nai.

ngã xuống nước. Thầy Đuy-sen lẳng tảng đá đi, nhảy ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lót chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đấy. Thầy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.

Thầy Đuy-sen khẽ nói:

– An-tư-nai, em ngồi đây cho ấm, đừng xuống nữa. Một mình thầy làm cũng đủ...

Cuối cùng khi những chỗ đặt chân xếp đã xong, Đuy-sen vừa xỏ chân vào ủng, vừa nhìn nét mặt ỉu xìu, tái mét của tôi và mỉm cười hỏi:

– Thế nào, cô em giúp việc, đã đỡ rét chưa? Khoác cái áo choàng lên, thế... thế! – Thầy yên lặng một lát rồi hỏi:

– An-tư-nai, lần ấy có phải em trút lại ki-giắc ở trường không?

– Vâng ạ. – Tôi đáp.

Thầy hơi nhếch mép mỉm cười, như thể tự nhủ: "Mình đoán đúng mà!".

Tôi còn nhớ lúc ấy máu dồn lên má tôi nóng ran: như vậy nghĩa là thầy đã biết và chưa quên một điều tưởng như nhỏ mọn ấy. Tôi sung sướng quá, lịm cả người đi và Đuy-sen cũng hiểu niềm hân hoan của tôi.

– Dòng suối trong trẻo của thầy – thầy âu yếm nhìn tôi nói – em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào.

Đuy-sen bước nhanh lên bờ.

Và giờ đây tôi mường tượng thấy thầy đang đứng trước mặt tôi, như lúc bấy giờ thầy đã đứng giữa dòng suối đá đang réo lên ầm ầm, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít đang bị gió thổi cuốn qua các ngọn núi.

Thầy nghĩ gì khi ấy? Có thể thầy đang mơ tưởng cho tôi ra một thành phố lớn học thật chăng? Còn tôi, lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuy-sen, tôi thầm nghĩ: "Ước gì thầy là anh ruột của tôi! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột tôi!".

Theo dõi

Tình cảm của An-tư-nai và các học trò dành cho thầy Đuy-sen.

Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. Còn có cái gì khác bắt chúng tôi ngày nào cũng đi xa, leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết như vậy được nữa? Chúng tôi tự nguyện

đến trường, không ai phải xua chúng tôi đến cả. Không ai có thể buộc chúng tôi phải chịu cóng trong căn nhà kho lạnh lẽo. Tuy ngồi trong nhà, mà mỗi khi thở ra là hơi giá bám trắng xoá cả mặt mũi, tay chân, quần áo. Chúng tôi chỉ đám thay phiên nhau đứng sưởi cạnh lò, còn tất cả đành ngồi tại chỗ nghe thầy Đuy-sen giảng bài.

(4)

Nhận biết

Người kể chuyện ở phần (4) là ai?

[...] Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh[1] xanh nhạt đang sáng dần tôi nhìn kĩ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công. Những bức vẽ ấy nhiều lắm. Tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói về toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm ra cái chính... Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi chỉ mới là một ý đồ.

Suy luận

Người kể chuyện băn khoăn, trăn trở về điều gì?

Tuy vậy tôi vẫn muốn nói với các bạn về tác phẩm dở dang của tôi. Tôi muốn hỏi ý kiến các bạn. Chắc các bạn cũng đã đoán ra rằng bức tranh của tôi dành cho Người thầy đầu tiên của làng chúng tôi. [...] Tôi không thể không vẽ bức tranh này, nhưng sao tôi thấy băn khoăn, lo lắng quá! Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: Tại sao số phận lại trớ trêu đặt cây bút vẽ vào tay tôi làm gì? Thật là một cuộc sống khổ ải! Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng. Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tư-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo.

Hay là vẽ bức tranh đề là "Người thầy đầu tiên". Đó có thể là lúc Đuy-sen bế trẻ con qua con suối và cạnh đấy, trên những con ngựa no nê hung dữ, những con người đần độn, mũ lông cáo đỏ đi qua đang chế giễu ông...

Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi An-tư-nai lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, *Gia-mi-li-a* (*Jaymilya*) – *Truyện núi đồi và thảo nguyên*, Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiến *dịch*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019, tr. 351 – 442)

[1] *Lê minh*: bình minh, ban mai.

SAU KHI ĐỌC

Trin-ghi-đơ Ai-tơ-ma-tốp (1928 – 2008) là nhà văn người Cư-rơ-gư-đơ-xtan. Tác phẩm của Ai-tơ-ma-tốp chủ yếu viết về cuộc sống khắc nghiệt mà cũng rất giàu chất thơ ở quê hương ông. Ở đó, có núi đồi, thảo nguyên hoang sơ, hùng vĩ; có những con người mạnh mẽ, can đảm, tâm hồn phóng khoáng,... Lối viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc; có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện. Nhiều tác phẩm nổi tiếng của ông đã được dịch sang tiếng Việt: *Gia-mi-li-a* (1958), *Cây phong non trùm khăn đỏ* (1961), *Người thầy đầu tiên* (1962), *Con tàu trắng* (1970), *Và một ngày dài hơn thế kỉ* (1980),...

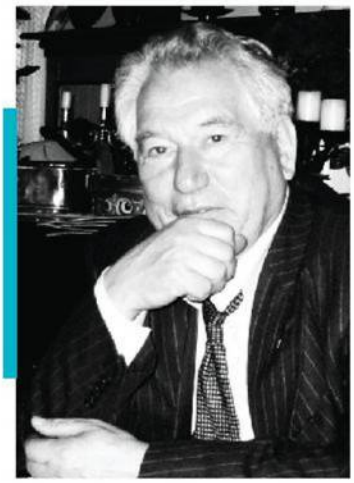

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định người kể chuyện và ngôi kể trong từng phần của đoạn trích.
2. Các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích có mối quan hệ như thế nào?
3. Qua cuộc trò chuyện giữa các bạn nhỏ và thầy Đuy-sen ở phần (2), em hình dung như thế nào về hoàn cảnh sống của An-tư-nai?
4. Em hãy đọc kĩ phần (3) của đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

   a. Hình ảnh thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật nào?

   b. Những chi tiết tiêu biểu nào được nhà văn sử dụng để khắc hoạ nhân vật thầy Đuy-sen?

   c. Khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen.
5. An-tư-nai đã dành cho thầy Đuy-sen tình cảm như thế nào? Nhờ "người thầy đầu tiên" ấy, cuộc đời An-tư-nai đã thay đổi ra sao?
6. Ở phần (4), nhân vật người hoạ sĩ đã có những ý tưởng gì cho bức tranh vẽ thầy Đuy-sen? Em ủng hộ ý tưởng nào của hoạ sĩ?
7. Theo em, cách nhà văn thay đổi kiểu người kể chuyện ở các phần trong đoạn trích có tác dụng gì?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản *Người thầy đầu tiên* bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành tiếng Việt

PHÓ TỪ

1 Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong các câu sau:

a. *Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.*

b. *Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối.*

c. *Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.*

tailieuvanthes.com

2 Tìm phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì.

a. *Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.*

b. *Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?*

c. *Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng.*

d. *An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?*

3 Trong phần (4) của văn bản *Người thầy đầu tiên*, phó từ *hãy* được lặp lại nhiều lần. Cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này.

Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tư-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo.

[...] Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi An-tư-nai lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy-sen hoặc An-tư-nai, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 3 phó từ.

Nhận biết phó từ

Phó từ được phân chia thành hai nhóm:

- Phó từ đi kèm danh từ: Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật. Đó là các từ: *những, các, mọi, mỗi, từng,...*

Ví dụ: ***Những*** *bức vẽ ấy nhiều lắm.*

Phó từ *những* trước danh từ *bức vẽ* chỉ số lượng.

- Phó từ đi kèm động từ, tính từ: Phó từ làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ, kết quả,...).

Ví dụ:

(1) ***Hãy*** *nhìn tôi đây!*

Phó từ *hãy* trước động từ *nhìn* chỉ sự cầu khiến, mệnh lệnh.

(2) *Em thông minh* ***lắm***.

Phó từ *lắm* sau tính từ *thông minh* chỉ mức độ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Quê hương

TẾ HANH

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã[1]
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang[2].
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe[3]",
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 167)

[1] *Tuấn mã*: con ngựa khoẻ, đẹp.
[2] *Trường giang*: sông dài.
[3] *Ghe*: loại thuyền nhỏ và hẹp, lớn hơn xuồng.

SAU KHI ĐỌC

Tế Hanh (1921 – 2009) quê ở một làng chài ven biển thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Con người, cuộc sống của làng chài quê hương đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm của ông. Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người nhờ cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng. Nhiều tập thơ của ông đã có được sức sống vượt thời gian: *Hoa niên* (1945), *Lòng miền Nam* (1956), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Câu chuyện quê hương* (1973),...

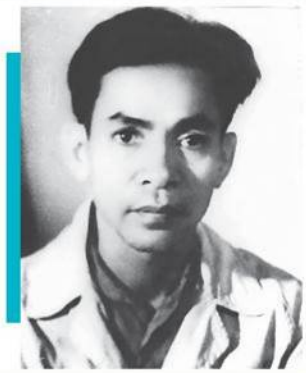

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tìm trong bài thơ những chi tiết có thể giúp em nhận biết quê hương của tác giả là một làng chài ven biển.

2. Chỉ ra hiệu quả của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh con thuyền lúc ra khơi.

3. Em hãy chọn phân tích một số từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ sau:

Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

4. Đọc bài thơ, em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của con người và cuộc sống nơi làng chài?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Viết

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

Trong các bài học vừa qua, em đã được "làm quen" với nhiều nhân vật văn học thú vị. Đó là các bạn nhỏ với tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*),... và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), người thầy (*Người thầy đầu tiên*),... hết lòng yêu thương con trẻ. Những nhân vật ấy chắc hẳn đã mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng. Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật em yêu thích.

Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học:

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.
- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.
- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.
- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

Phân tích bài viết tham khảo

Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!

Con mèo ấy tên là Gióc-ba, một nhân vật trong tác phẩm *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Trong thiên đồng thoại nổi tiếng thế giới này, tác giả đã sáng tạo thành công nhiều nhân vật là loài vật: Đại Tá, Bốn Biển, Anh-xtanh, Mét-thiu,... Nhưng với tôi, Gióc-ba luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất.

Giới thiệu nhân vật.

Nhân vật Gióc-ba bắt đầu xuất hiện từ chương 2 và lập tức gây chú ý với dáng vẻ bề ngoài rất khác biệt: "Con mèo mun to đùng, mập ú", bộ lông đen óng như than "đen từ đầu tới chân, trừ một túm lông trắng dưới cằm". Ngay trong "màn" giới thiệu, đặc điểm ngoại hình này đã được tác giả nhắc lại tới mười lần, khiến người đọc dễ có ấn tượng về một chú mèo lười béo ú, xấu xí và với nhiều "con người" thì mèo đen còn "mang tới điềm xấu".

Chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

Ấn tượng ban đầu ấy cứ tan biến dần, dù ngoại hình của Gióc-ba không hề thay đổi, lúc nào cũng là con mèo mun mập ú, to đùng, đen như cục nhựa đường. Cuộc gặp gỡ bất ngờ và những lời hứa với hải âu mẹ Ken-ga; hành trình nuôi dưỡng hải âu con Lắc-ki đã trở thành "cơ hội" để Gióc-ba bộc lộ những nét tính cách đẹp đẽ, quý giá. Đó là sự quả quyết, dũng mãnh khi Gióc-ba trừng trị hai tên mèo hoang láo xược và lũ chuột gian xảo; khi Gióc-ba sẵn sàng tấn công cả con đười ươi to xác, độc ác để bảo vệ Lắc-ki. Những lúc ấy, Gióc-ba nhanh như chim cắt, bộ lông đen tuyền xù lên, đôi mắt màu vàng sáng quắc, bộ vuốt sắc nhọn trở thành vũ khí lợi hại. Đó là lòng tự trọng khi Gióc-ba vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để thực hiện tất cả những lời hứa của mình: không ăn quả trứng, ấp trứng, nuôi lớn hải âu con và dạy cho nó biết bay! Đặc biệt, qua cách miêu tả của nhà văn, Gióc-ba hiện lên như một

con người có trái tim nhân hậu và tâm hồn sâu sắc. Gióc-ba hết lòng cứu giúp Ken-ga; kiên nhẫn ấp trứng vì xót thương hải âu mẹ bất hạnh. Chú mèo mun to đùng, mập ú chăm sóc hải âu con chu đáo như một người mẹ: tìm kiếm thức ăn, mớm mồi; trông nom, dỗ dành, bảo vệ; tôn trọng mọi cảm xúc, mong muốn của con,... Rất muốn thực hiện lời hứa dạy Lắc-ki bay nhưng Gióc-ba không hề thúc giục mà kiên nhẫn chờ đợi đến lúc hải âu con sẵn sàng. Không chỉ thế, Gióc-ba chấp nhận "liều chết" phá bỏ cấm kị của loài mèo để giúp Lắc-ki được sống cuộc đời của chính mình. Dù biết khi bay được, Lắc-ki sẽ không còn ở cùng bầy mèo nữa, Gióc-ba vẫn nỗ lực phi thường để hải âu con có được niềm hạnh phúc tung cánh giữa bầu trời. Mười bảy lần Lắc-ki thất bại, Gióc-ba vẫn tin tưởng, động viên: "Con sẽ bay. Cả bầu trời kia thuộc về con!". Để rồi khi Lắc-ki bay vút vào khoảng không bao la, con mèo mun to đùng ngồi lặng, dõi theo mãi "cho tới lúc nó không biết những giọt nước mưa hay nước mắt đã phủ mờ đôi mắt". Mèo Gióc-ba đã dành cho hải âu Lắc-ki tình yêu thương vô hạn.

Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

Nhân vật Gióc-ba được Lu-i Xe-pun-ve-da khắc hoạ qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ và qua mối quan hệ với những nhân vật khác (cậu chủ nhỏ, các bác mèo thông thái, Lắc-ki, thi sĩ,...). Nghệ thuật nhân hoá tài tình khiến Gióc-ba hiện lên rất sống động, mang tính cách con người mà vẫn không mất đi những đặc điểm của một chú mèo đáng yêu. Tác giả đã sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện rất đặc sắc như: Gióc-ba ấp trứng bằng thân hình mập ú; bắt nuôi mớm cho hải âu con và dùng răng tha nó chạy khỏi nơi nguy hiểm; trò chuyện với thi sĩ bằng nhiều thứ tiếng;... Lối kể chuyện vừa giàu cảm xúc vừa hài hước, tươi vui cũng tạo nên sức hấp dẫn rất lớn. Ví dụ, chi tiết miêu tả tâm trạng Gióc-ba khi nghe thấy hải âu con chiêm chiếp gọi mình bằng "má": "Nó biết là lông của mình đen óng như than, nhưng dường như nỗi xúc động và xấu hổ đã khiến nó ngượng hồng lựng cả người" đã diễn tả được niềm yêu thương, cảm động và cả tình cảnh "trớ trêu" của chú mèo mun to đùng.

Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

Sáng tạo nhân vật Gióc-ba, nhà văn còn mượn "tiếng chim lời thú" để gửi gắm nhiều bài học dành cho con người: sự trân trọng lời hứa; sức mạnh kì diệu của tình yêu thương; tinh thần bảo vệ kẻ yếu; sống can đảm, giàu khát vọng: "Chỉ những kẻ thực sự dám thì mới có thể bay!". Trong đó, bài học sâu sắc và xúc động hơn cả là biết tôn trọng sự khác biệt và học cách yêu thương những gì "không giống chúng ta". Bởi vì: "Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn".

Tình yêu lớn lao và đáng tự hào ấy được thể hiện ngay trong hình ảnh: "con mèo dịu dàng liếm đầu con hải âu và con chim duỗi một cánh vắt ngang lưng con mèo".

Vị trí đặc biệt của Gióc-ba đã được khẳng định ngay trong nhan đề tác phẩm *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*. Chú mèo mun to đùng, mập ú đã mang lại cho thiên truyện vẻ đẹp hồn nhiên, tươi tắn, trí tuệ. Gióc-ba tử tế, hào hiệp, cao thượng của bến cảng Hăm-bơ (Hamburg) hoàn toàn xứng đáng với lời ca ngợi của "cô con gái" hải âu: "Má là con mèo tuyệt vời nhất thế giới"!

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của em về một nhân vật văn học.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tác phẩm, nhân vật văn học.

a. *Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học*

Lựa chọn nhân vật em yêu thích trong một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc. Em có thể liệt kê danh sách nhân vật yêu thích và lựa chọn nhân vật em ấn tượng nhất.

b. *Tìm ý*

Để tìm ý cho bài viết, em cần tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật và đưa ra những suy luận về đặc điểm nhân vật đó.

– Khi tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật, em cần chú ý:

+ Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật.

Ví dụ: Nhân vật thầy Đuy-sen được người kể chuyện giới thiệu là một người có tấm lòng nhân từ và ý nghĩ tốt lành.

Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.

(Trin-ghi-đơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*)

+ Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua:

• Các chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,...). Các chi tiết này cũng có thể hé lộ tính cách của nhân vật.

Ví dụ: Nhân vật Dế Mèn tỏ ra rất tự tin và tự hào về ngoại hình của mình.

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. [...] *Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ, soi gương được và rất ưa nhìn.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

• Các chi tiết miêu tả hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh.

Ví dụ: Nhân vật người bố rất tinh tế, biết trân trọng những món quà người khác dành tặng cho mình, thể hiện qua hành động ăn những trái ổi mà Tí mang cho.

Thằng Tí hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. *Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.*

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

• Ngôn ngữ của nhân vật: lời nói của nhân vật (đối thoại, độc thoại).

Ví dụ: Lời nói của thầy Đuy-sen cho thấy thầy là người quan tâm đến các em nhỏ và muốn các em được tới trường.

Chúng tôi ngồi cạnh những bao ki-giắc thẹn thò nhìn nhau, Đuy-sen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

– Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Thầy vừa đắp lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem!

(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*)

• Thế giới nội tâm: những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

Ví dụ: Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật "tôi" về khu vườn giúp người đọc hình dung đây là một cậu bé có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên.

Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn.

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

• Mối quan hệ với các nhân vật khác: thái độ, lời nói, hành động của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm.

Ví dụ: Lời nói của nhân vật "tôi" với bố đã giúp người đọc cảm nhận được tình yêu thương của em dành cho bố.

Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

– A! Món quà của tui *đây rồi. Ôi cái món quà này* bự *quá!*

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

– Để xác định được đặc điểm nhân vật, hãy kết nối thông tin về nhân vật trong tác phẩm với hiểu biết và trải nghiệm của em bằng cách đặt ra những câu hỏi:

+ Nhà văn đã miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của nhân vật như thế nào? Trong cuộc sống, những người có đặc điểm như vậy thường có tính cách như thế nào?

+ Nhà văn miêu tả thế giới nội tâm nhân vật như thế nào? Những người có cảm xúc, suy nghĩ như vậy thường có đặc điểm gì?

+ Nhà văn đã viết gì về mối quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm? Trong cuộc sống, những người có các mối quan hệ như vậy thường có tính cách như thế nào?

Em hãy thực hành tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật (tự chọn) trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* hoặc *Người thầy đầu tiên* bằng việc hoàn thành bảng dưới đây (làm vào vở):

Hồ sơ nhân vật: ...

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm	Suy luận của em về nhân vật
Ngoại hình		
Hành động		
Ngôn ngữ		
Nội tâm		
Mối quan hệ với các nhân vật khác		
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật		

c. *Lập dàn ý*

Hãy sắp xếp các thông tin và ý tưởng của phần tìm ý thành một dàn ý. Khi lập dàn ý, em cần tập trung vào một số đặc điểm nổi bật của nhân vật.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

– *Thân bài*: Phân tích đặc điểm của nhân vật (chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn,...).

+ Ý 1

+ Ý 2

+ Ý 3

+ ...

– *Kết bài*: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

– Để những nhận xét về nhân vật thuyết phục và có giá trị, cần dựa trên những sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.

– Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.

– Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Rà soát, chỉnh sửa bài viết của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.	Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật em sẽ phân tích.
Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.	Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung. Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn trong tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung.
Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.	Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm.
Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.	Đánh dấu câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết câu, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)

Nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng (con người, loài vật, đồ vật, cây cối,...), nhưng đều được nhà văn sáng tạo nên để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động đến tình cảm và nhận thức của người đọc. Với em, vấn đề đời sống nào gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm đã đọc được coi là gần gũi và thú vị nhất? Hãy trao đổi cùng các bạn ý kiến của em về vấn đề này.

1 TRƯỚC KHI NÓI

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề em trình bày.

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Lựa chọn một vấn đề đời sống có ý nghĩa được gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm mà em đã đọc.

Tham khảo một số đề tài sau:

+ Các vấn đề được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*): sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương, niềm tin vào cuộc sống, vẻ đẹp của lòng can đảm, tôn trọng sự khác biệt,...

+ Các vấn đề được gợi ra từ nhân vật Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*); An, Cò (*Đi lấy mật*); nhân vật "tôi", người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*): tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...

Ngoài những đề tài gợi ý trên, em cũng có thể tự tìm thêm một vấn đề đời sống khác được gợi ra từ một nhân vật văn học mà em yêu thích. Những vấn đề này có thể được thể hiện qua những chi tiết cụ thể như một câu nói, một hành vi ứng xử, một suy nghĩ của nhân vật trong truyện.

– Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

+ Tìm ý tưởng cho bài trình bày từ chính những chi tiết trong văn bản truyện được chọn.

+ Tìm thêm thông tin liên quan đến vấn đề đời sống em muốn trình bày từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn trao đổi.

– Lập đề cương cho bài nói. Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày như: vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học, ý kiến của em về vấn đề đó, bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.

Ví dụ: Sự trân trọng lời hứa được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*). Em có thể tìm ý cho nội dung trao đổi bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Nhân vật mèo Gióc-ba đã gợi ra vấn đề về sự trân trọng lời hứa như thế nào? (Câu chuyện mở ra với tình huống vô cùng xúc động: Chú mèo Gióc-ba tình cờ chứng kiến cái chết của chim hải âu mẹ đáng thương. Gióc-ba đã hứa với hải âu mẹ rằng sẽ không ăn quả trứng, chăm lo cho quả trứng đến khi chim non ra đời và dạy hải âu con bay. Bằng tình thương yêu lớn lao và lòng vị tha, Gióc-ba đã nỗ lực thực hiện được tất cả những lời hứa với hải âu mẹ.)

+ Trân trọng lời hứa là gì? Tại sao cần phải trân trọng lời hứa? (Việc giữ lời hứa thể hiện trách nhiệm, uy tín, lòng tự trọng của mỗi người; sự tôn trọng đối với người khác. Người giữ lời hứa sẽ được mọi người tin tưởng...). Em có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc từ sách báo về ý nghĩa của việc trân trọng lời hứa trong cuộc sống.

+ Bài học em rút ra từ câu chuyện trân trọng lời hứa của mèo Gióc-ba là gì?

– Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

nguyanthcs.com

b. *Tập luyện*

– Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.

+ Tập nói một mình để nắm chắc nội dung trình bày. Nếu có thể, hãy tập luyện với người nghe cụ thể để tự tin hơn khi nói trước nhiều người. Mặt khác, người nghe sẽ trao đổi, góp ý cho em để em rút kinh nghiệm và hoàn thiện bài nói.

+ Quản lí thời gian khi nói để bảo đảm thời gian khi trình bày chính thức.

– Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói. Hiểu được việc trình bày của mình được người nghe đánh giá như thế nào sẽ giúp em tập luyện tốt hơn. Bài nói của em có thể được đánh giá trên một số yêu cầu như:

+ Giới thiệu được vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học.

+ Thể hiện ý kiến của người nói về vấn đề được trao đổi.

+ Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Nói rõ và truyền cảm.

+ Sử dụng phù hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...).

+ Mở đầu và kết thúc bài nói hợp lí. Có thể tạo sự chú ý với người nghe bằng cách mở đầu theo cách riêng của em như kể một câu chuyện ngắn, dẫn một câu nói nổi tiếng, nêu một kết quả khảo sát hay nghiên cứu,...

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Với tư cách người nói, em cần lưu ý:

– Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị.

– Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống.

– Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe.

Với tư cách người nghe, em cần lưu ý:

– Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn.

– Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói.

– Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: • Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận. • Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói. • Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. • Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và ghi lại một chi tiết mà em cho là tiêu biểu, đáng nhớ nhất về từng nhân vật trong các văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Người thầy đầu tiên*. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn.

Văn bản	Nhân vật	Chi tiết tiêu biểu	Lí do lựa chọn
Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ	Nhân vật "tôi"		
	Nhân vật người bố		
Người thầy đầu tiên	Nhân vật thầy Đuy-sen		
	Nhân vật An-tư-nai		

2. Chọn một nhân vật văn học em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả sử dụng để miêu tả nhân vật (kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin như gợi ý).

Hồ sơ nhân vật:...

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm
Ngoại hình	
Hành động	
Ngôn ngữ	
Nội tâm	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật	

b. Từ bảng đã hoàn thành, hãy chỉ ra đặc điểm của nhân vật.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài và ngôi kể.
- Những cảm xúc, suy nghĩ về mẹ của nhân vật Hồng khi phải xa cách và khi được gặp mẹ.
- Nhân vật người cô qua suy nghĩ của nhân vật Hồng.
- Bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trong lòng mẹ

Trích *Những ngày thơ ấu*[1], NGUYÊN HỒNG

[...] Gần đến ngày giỗ đầu thầy[2] tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta nhắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

[1] *Những ngày thơ ấu* là tác phẩm mang tính tự truyện của Nguyên Hồng. Tác phẩm gồm 9 chương, kể về thời thơ ấu bất hạnh của nhân vật Hồng: cha mất sớm, mẹ đi xứ khác kiếm sống, bé Hồng phải sống nhờ những người họ hàng không có tình yêu thương. Dù luôn phải nghe những lời gièm pha đầy ác ý của họ hàng; phải chịu đựng cuộc sống cô đơn, tủi nhục, Hồng vẫn luôn mong nhớ, yêu thương người mẹ của mình. Đoạn trích *Trong lòng mẹ* là chương 4 của tác phẩm.

[2] *Thầy*: từ dùng để gọi bố ở một số vùng quê miền Bắc.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

– Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực[1]. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:

– Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

– Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu?

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất; lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng:

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm [...]

Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:

– Sao cô biết mợ con có con?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che…

[1] *Tha hương cầu thực*: một biến thể của *tha phương cầu thực*, chỉ việc đi làm ăn, kiếm sống ở nơi xa lạ.

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục[1] đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai tôi, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị:

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới[2] mãi được sao?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp:

– Mấy lại rằm tháng Tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?

Nhưng đến ngày giỗ thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:

– Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chứng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi níu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

– Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn

[1] *Cổ tục*: tục lệ cũ.
[2] *Bán xới*: bỏ quê hương, xứ sở mà đi.

và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:

– Mày dại quá! Vào Thanh Hoá đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ.

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...

(*Tuyển tập Nguyên Hồng*, tập hai, Phan Cự Đệ *sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 214 – 217)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một số truyện viết về trải nghiệm tuổi thơ và những tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người; một số bài thơ bốn chữ, năm chữ viết về tình yêu con người, thiên nhiên, đất nước. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin và ý tưởng cơ bản mà em thu nhận được từ văn bản.

2. Trao đổi với các bạn về:

– Nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản.

– Một nhân vật với những đặc điểm tính cách nổi bật trong một truyện kể; tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

– Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ như cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...

3. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ em yêu thích.

BÀI 4 GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC

Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu...

Tạ Hữu Yên

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Đất nước Việt Nam với non sông tươi đẹp, truyền thống lịch sử hào hùng, con người thân thiện, nghĩa tình,... luôn là niềm yêu mến, tự hào của mỗi chúng ta. Dù sống ở miền Nam hay miền Bắc, miền núi hay miền xuôi, giai điệu đất nước vẫn luôn ngân vang trong trái tim ta.

- Tình yêu đất nước là nguồn cảm hứng dạt dào tạo nên những tác phẩm lay động lòng người của văn học Việt Nam từ xưa tới nay. Em đã được học một số tác phẩm như vậy ở các lớp dưới. Đến bài học này, em sẽ tiếp tục được lắng nghe, cảm nhận những cung bậc khác nhau của tình cảm thiêng liêng đó qua những bài thơ trữ tình hiện đại và một văn bản thuộc thể loại khác có cùng chủ đề.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.
- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tình cảm, cảm xúc trong thơ

- Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.

- Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình.

Hình ảnh trong thơ

Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ.

Nhịp thơ

Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân bố trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ.

Ngữ cảnh

Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải

VĂN BẢN 2. *Gò Me* (trích), Hoàng Tố Nguyên

VĂN BẢN 3. *Bài thơ "Đường núi" của Nguyễn Đình Thi*, Vũ Quần Phương

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Mùa xuân trong cảm nhận của em có gì đáng nhớ?
2. Hãy đọc một vài đoạn thơ mà em yêu thích viết về mùa xuân.

ĐỌC VĂN BẢN

Mùa xuân nho nhỏ

THANH HẢI

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi, con chim chiền chiện[1]
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

Hình dung
Những màu sắc, âm thanh được gợi lên trong khổ thơ.

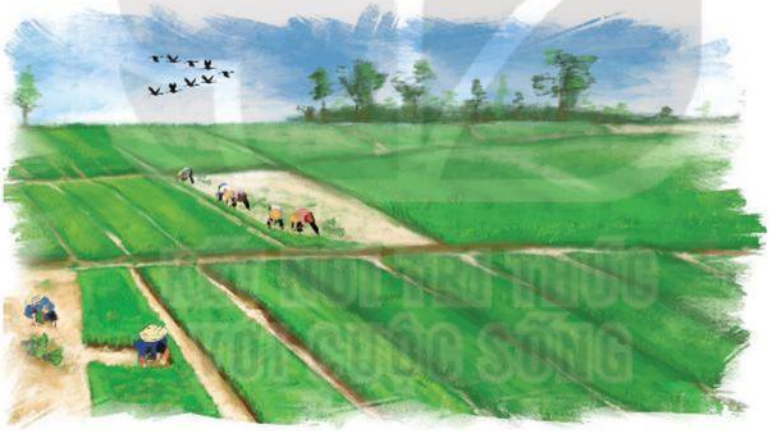

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy bên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...

Hình dung
Vẻ đẹp mùa xuân qua hình ảnh "lộc".

Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

[1] *Chiền chiện*: còn có tên là *sơn ca*, một loài chim nhỏ hơn chim sẻ, thường ở ruộng, bãi quang đãng, khi hót thường bay vút lên cao.

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Mùa xuân – ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình[1]
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền[2] đất Huế.

(Nguyễn Đức Nam (Chủ biên), *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1987, tr. 317 – 318)

Liên tưởng

Hình ảnh con chim, cành hoa, nốt trầm, mùa xuân nho nhỏ.

SAU KHI ĐỌC

- **Thanh Hải** (1930 – 1980) quê ở Thừa Thiên – Huế. Trong thời kì đất nước còn bị chia cắt, ông đã viết nhiều bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, khát vọng thống nhất đất nước. Sáng tác của Thanh Hải được tập hợp trong các tập thơ: *Những đồng chí trung kiên* (1962), *Huế mùa xuân* (tập 1 – 1970, tập 2 – 1975), *Dấu võng Trường Sơn* (1977), *Mưa xuân đất này* (1982), *Thơ Thanh Hải* (1982),... Thơ ông được yêu mến rộng rãi một phần quan trọng nhờ giọng điệu mộc mạc, chân thành và hình thức giản dị, giàu tính dân tộc.

- *Mùa xuân nho nhỏ* có thể xem là bài thơ tiêu biểu nhất của Thanh Hải, được viết vào tháng 11 năm 1980, khi nhà thơ nằm trên giường bệnh, một tháng trước khi qua đời.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong khổ thơ đầu, nhà thơ miêu tả mùa xuân qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì về mùa xuân?
2. Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ: *Ơi, con chim chiền chiện/ Hót chi mà vang trời/ Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng*?

[1] *Nam ai, Nam bình*: hai điệu ca Huế nổi tiếng. Điệu *Nam ai* giai điệu buồn thương, còn điệu *Nam bình* thì dịu dàng, triu mến.
[2] *Phách tiền*: *phách* là nhạc khí dân tộc thường làm bằng đoạn tre cứng, dùng để gõ nhịp cho lời ca, đàn tranh, đàn tam thập lục,... *Phách tiền* là phách có đính thêm cọc tiền đồng.

3. Hình ảnh người cầm súng, người ra đồng gợi cho em nghĩ đến ai? Vì sao khi nói về mùa xuân của đất nước, nhà thơ lại nhắc đến hình ảnh người cầm súng và người ra đồng?

4. Hãy chỉ ra đặc điểm về cách gieo vần và ngắt nhịp trong khổ thơ sau:

Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

5. Theo em, vì sao tác giả muốn làm "con chim", "một cành hoa", "một nốt trầm"? Liên hệ với hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, em có cảm nhận gì về ước nguyện mà nhà thơ muốn gửi gắm qua những hình ảnh này?

6. Trong phần đầu bài thơ, tác giả xưng "tôi" nhưng sang phần sau lại xưng "ta". Theo em, việc thay đổi cách xưng hô như thế có ý nghĩa gì?

7. Sau khi đọc và tìm hiểu bài thơ, em có nhận xét gì về cách dùng từ trong nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ*? Nhan đề đó gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?

ngữvăn thcs.com

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

Thực hành tiếng Việt

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ TRONG NGỮ CẢNH

1 Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những dòng thơ sau:

a. *Mùa xuân người cầm súng*
__Lộc__ giắt đầy bên lưng
Mùa xuân người ra đồng
__Lộc__ trải dài nương mạ.

b. *Đất nước như vì sao*
Cứ __đi__ lên phía trước.

c. *Ta __làm__ con chim hót*
Ta __làm__ một cành hoa.

Nhận biết nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh

Đọc hai dòng thơ sau, chú ý nghĩa của từ *thơm*:

Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)

Khi đọc (nghe) chỉ một từ *thơm* thôi thì ta không thể biết được người viết (nói) muốn dùng nghĩa nào của từ này. Thế nhưng, từng nghĩa một của từ *thơm* sẽ được xác định nếu ta đặt nó trong ngữ cảnh, xem xét trong sự kết hợp với các từ bên cạnh. Từ *thơm* trong *thị thơm* có nghĩa là có mùi hương dễ chịu còn từ *thơm* trong *người thơm* lại mang nghĩa là phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi.

2 Từ *giọt* trong đoạn thơ sau có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho là giọt sương, người cho là giọt mưa xuân và có người cho là "giọt âm thanh" tiếng chim. Theo em, trong ngữ cảnh này, có thể chọn cách hiểu nào? Vì sao?

Ơi, con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

BIỆN PHÁP TU TỪ

3 Theo em, trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*, biện pháp tu từ nào có vị trí nổi bật nhất? Hãy cho biết tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em biết những bài thơ nào viết về miền đất Nam Bộ? Hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn thơ mà em yêu thích.

2. Chia sẻ những điều em biết về vẻ đẹp của miền đất này.

ĐỌC VĂN BẢN

Gò Me[1]

Trích, HOÀNG TỐ NGUYÊN[2]

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Quê tôi đó: mặt trông ra bể
Đốm hải đăng tắt, loé đêm đêm
Con đê cát đỏ cỏ viền
Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.
Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát
Lúa nàng keo[3] chói rực mặt trời
Ao làng trăng tắm, mây bơi
Nước trong như nước mắt người tôi yêu

Hình dung
Ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me.

[1] *Gò Me*: một địa danh nổi tiếng thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ngày nay.
[2] Hoàng Tố Nguyên (1929 – 1975) quê ở Gò Công, Tiền Giang. Thơ Hoàng Tố Nguyên đậm chất Nam Bộ, thể hiện tình yêu và lòng nhớ thương quê hương da diết của một người con Nam Bộ đang sống trên đất Bắc. Một số tập thơ tiêu biểu của ông: *Từ nhớ đến thương* (1950), *Đất nước* (1956), *Gò Me* (1957), *Quê chung* (1962), *Gởi chiến trường chống Mỹ* (1966),...
[3] *Lúa nàng keo*: một giống lúa cổ truyền thơm ngon đặc biệt, được người dân miền Tây Nam Bộ trồng và gìn giữ từ hàng trăm năm.

Quê tôi sớm sớm chiều chiều
Lao xao vườn mía
Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ
Những chị, những em má núng đồng tiền[1]
Nọc cấy[2], tay tròn, nghiêng nón làm duyên

Hình dung
Những chi tiết miêu tả các cô gái Gò Me.

Véo von điệu hát cổ truyền
(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe):
"– Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ[3] gái Gò Me
Không vì sắc lịch[4], mà chỉ vì mê giọng hò..."
Ôi, thuở ấu thơ
Cắt cỏ, chăn bò
Gối đầu lên áo
Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo
Lòng nghe theo bướm, theo chim
Me non cong vắt lưỡi liềm
Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.
[...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa
Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng
Tiếng ai vút đầu bông lúa chín
Gió dìu vương xao xuyến bờ tre.

Hình dung
Những chi tiết miêu tả thiên nhiên Gò Me.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

[1] *Núng đồng tiền* (như *lúm đồng tiền*): chỗ hơi lõm thường hiện ra ở má, tạo nên nét duyên dáng, đáng yêu trên khuôn mặt.
[2] *Nọc cấy*: dụng cụ lao động được làm bằng gỗ, có đầu nhọn, dùng để chọc lỗ xuống đất và gieo mầm lúa vào lỗ.
[3] *Luỵ*: kiên nhẫn chiều theo ý người khác để đạt được mục đích mình mong muốn.
[4] *Sắc lịch*: nhan sắc và sự thanh lịch (nghĩa trong văn bản).

"– Hò ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me
Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò!..."
Chị tôi má đỏ, thẹn thò
Giã me bên trã[1] canh chua ngọt ngào.

(Hoàng Tố Nguyên, *Từ nhớ đến thương*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1977, tr. 12 – 16)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Qua nỗi nhớ của nhà thơ – một người con phải sống xa quê – cảnh sắc Gò Me hiện lên như thế nào?
2. Hình ảnh người dân Gò Me được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?
3. Nhớ đến Gò Me, tác giả nhớ da diết điệu hò quê hương. Việc nhà thơ hai lần dẫn lại câu hò gợi cho em suy nghĩ gì?
4. Bài thơ *Gò Me* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.
6. Nhà thơ lấy tên một vùng đất làm nhan đề bài thơ. Hãy kể tên một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc cũng có cách đặt nhan đề tương tự.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ từ *Ôi, thuở ấu thơ* đến *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ*.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1 Giải thích nghĩa của từ *thở* được dùng trong dòng thơ *Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ*. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ *thở* trong ngữ cảnh này với từ *thở* trong câu: *Em bé thở đều đều khi ngủ say*.

2 Tìm các từ láy trong bài thơ. Chọn một từ để giải thích nghĩa và nêu tác dụng của việc dùng từ láy đó.

DẤU CÂU

3 Cho biết công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu ngoặc kép trong bài thơ *Gò Me*.

[1] *Trã*: nồi đất miệng rộng và nông, thường dùng để kho, nấu thức ăn.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4 Chỉ ra các biện pháp tu từ trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng của chúng:

a. *Ao làng trăng tắm, mây bơi*
Nước trong như nước mắt người tôi yêu.

b. *Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo.*

c. *Me non cong vắt lưỡi liềm*
Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.

d. *Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe.*

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Đường núi

Nguyễn Đình Thi

Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm
Ngây ngất sương mây
Lối mòn không dấu chân
Gió nổi
Đâu đây tiếng suối rì rào
Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Dải áo chàm bay múa
Tiếng ai hát trên nương
Bờ tre đang reo ánh lửa
Mái nhà sàn toả khói xanh
Hươu gào xa văng vẳng
Một mảnh trăng dốc ngả chập chùng
Bước chân bóng động nghiêng bờ núi.

1948

Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi

VŨ QUẦN PHƯƠNG[1]

Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết. Có chữ nào nói sự say đắm của lòng người đâu. Không nói nhưng ta nghe được trong nhịp điệu của câu thơ, trong cái nhìn *ngất ngây* với sương mây, *rì rào* với tiếng suối. Và đây hãy lắng nghe cả hình ảnh lẫn âm điệu câu thơ. Trong hình ảnh có tiếng reo vui lặng thầm:

Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả

[1] Vũ Quần Phương sinh năm 1940, quê ở Nam Định. Ông là nhà thơ, nhà phê bình văn học. Các tác phẩm chính: *Hoa trong cây* (1977), *Vầng trăng trong xe bò* (1988), *Vết thời gian* (1996), *Bình thơ* (2012),...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Dải áo chàm bay múa

Tiếng ai hát trên nương

Ruộng lúa rung rinh chiều, dải áo chàm bay múa, và tiếng hát vang xa… Tác giả không reo thành lời, nhưng cảnh sắc reo trong mắt anh.

Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vần bị bỏ rơi. Chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu câu thơ lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả. Thử lưu ý hai câu 6 xen giữa các câu thơ 5 chữ:

Bờ tre đang reo ánh lửa

Mái nhà sàn toả khói xanh

Đấy là hình ảnh làm ấm lòng tác giả nhất. Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người những ánh lửa bếp chiều, những tia khói xanh trên mái lá. Hai câu thơ kết dài tới 7 âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí.

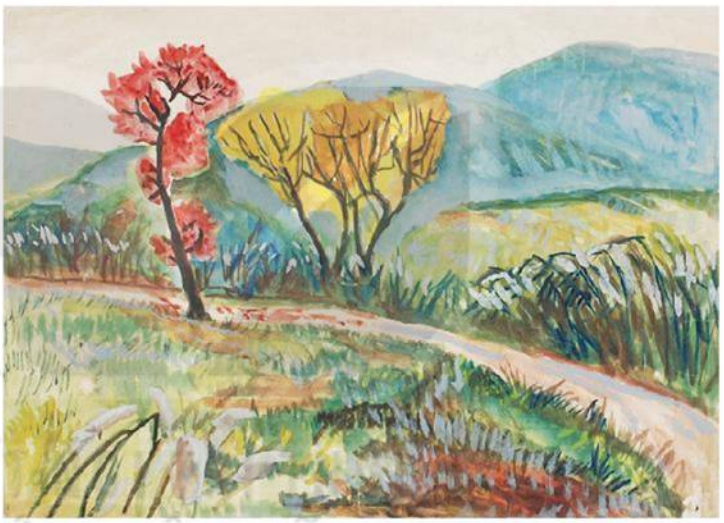

Đường lên biên giới,
tranh bột màu của Quang Dũng

Cảnh trong bài thơ này chỉ được vẽ trong vài nét có tính cách gợi hơn là tả. Có khi hai ba cảnh trên các bình diện khác nhau hiện trong một câu thơ. Tốc độ chuyển cảnh rất nhanh. Người đọc không thấy mạch liền của cảnh nhưng lại có mạch liền của cảm xúc. Nội dung của bài thơ nằm cả ở bên ngoài các dòng chữ. Nếu tóm tắt bài thơ chỉ thấy một buổi chiều vùng núi, có lối mòn, có bản nhỏ, khói bếp, gió nổi trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,… cái làm chúng ta xúc động lại là cái từ trường cảm xúc thu hút, sắp xếp các hình ảnh đó với nhau. Ấy là tình cảm yêu say đắm đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình. Ấy là ánh nhìn rọi vào đâu cũng thấy rung rinh, xao xuyến, bay múa, ca hát. Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả. Đường vắng mà lòng vui. Đi một mình mà lòng như ca hát.

(Nhiều tác giả, *Thơ hay có lời bình 100 bài*, Vân Long *tuyển chọn*,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr. 79 – 81)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu cảm nhận chung của em về bài thơ *Đường núi* trước và sau khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương.

2. Bài bình thơ gây được ấn tượng như thế nào đối với em? Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải suy nghĩ sâu hơn về bài thơ đã đọc?

3. Người bình thơ đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ như thế nào? Theo em, sự đồng cảm này có ý nghĩa gì?

4. Theo em, vì sao Vũ Quần Phương lại khẳng định: "Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả."?

5. Nếu được phép bổ sung cho bài viết của Vũ Quần Phương, em sẽ bổ sung những gì?

Viết

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

Có nhiều con người, sự việc xung quanh để lại cho ta những tình cảm, ấn tượng sâu sắc. Tình cảm đó cứ lớn dần trong ta, làm cho ta sống sâu sắc hơn. Trong bài học này, em sẽ được luyện tập phát triển kĩ năng viết bài văn biểu cảm bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của mình về những con người hoặc sự việc như vậy.

Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc:

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.
- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.
- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.
- Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.

Phân tích bài viết tham khảo

Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay. Em đã được biết nhiều tấm gương có tấm lòng nhân hậu, với lối sống nghĩa tình mà một trong số đó là bà Nguyễn Thị Nhung ở quận Đống Đa, Hà Nội – người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện. Lần đầu tiên được đọc bài viết về bà in trên mục *Người Việt tử tế* của báo *Lao động*, em đã thực sự xúc động trước nhân cách cao đẹp ấy.

Giới thiệu đối tượng biểu cảm.

Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu về đối tượng.

Bà Nhung hiện đang sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu và hằng ngày, người phụ nữ 57 tuổi ấy vẫn tần tảo với việc bán hàng ở chợ. Mặc dù điều kiện sống cũng không dư dả gì nhưng bà vẫn luôn cố hết sức mình để chia sẻ, đem lại niềm vui cho những mảnh đời cơ cực bởi bà luôn tâm niệm: "Với tôi, cuộc sống phải biết sẻ chia, cho đi thì mới thật sự ý nghĩa và đáng để sống". Suốt 30 năm qua, bà Nhung đã mở rộng vòng tay cưu mang, nuôi dưỡng và dạy dỗ những đứa trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Trong số 13 người con được bà nhận nuôi, có 2 người bị tự kỉ. Thế nhưng, bằng tấm lòng yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc hết mực của mình, bà đã dần dần giúp cả hai đứa con có một cuộc sống như bao người bình thường khác. Họ vẫn ngày ngày theo bà buôn bán làm ăn. Với những người con đó, bà là một người mẹ tuyệt vời, người mẹ không có công sinh nhưng có công dưỡng, người đã mang lại hạnh phúc, niềm vui cho cuộc đời họ. Ngoài việc nhận nuôi những đứa trẻ bất hạnh, bà Nhung còn nhiệt tình tham gia các hoạt động thiện nguyện khác để giúp ích cho đời. Tuy đã có tuổi nhưng bà không quản ngại khó khăn, lặn lội đến những vùng sâu, vùng xa trao quà cho người dân miền núi. Bà đã tham gia vào nhóm thiện nguyện "Mùa thu và những người bạn" để giúp đỡ những bệnh nhân nghèo, bất hạnh ở các bệnh viện Hà Nội. Hằng tháng, bà quyên góp gạo để nhóm nấu cháo phát cho bệnh nhân. Vào mỗi dịp cuối tuần, bà thường dậy từ 3 giờ sáng để chuẩn bị những suất cháo đem tới bệnh viện. Nhìn nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt phúc hậu của bà khi tận tay trao những suất cháo cho bệnh nhân, có lẽ không ai không cảm thấy ấm áp và xúc động.

Nêu những đặc điểm nổi bật khiến đối tượng để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.

Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.

Em rất cảm phục và kính trọng bà – người phụ nữ tuy không thân quen nhưng với em lại rất đỗi gần gũi, ấm áp. Với những việc làm ý nghĩa của mình cho cộng đồng,

bà Nguyễn Thị Nhung đã góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp, nhân văn hơn. Và bà đã vinh dự được nhận danh hiệu *Người tốt, việc tốt* do Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội trao tặng. Nhưng có lẽ phần thưởng lớn nhất đối với bà chính là tình cảm yêu mến, quý trọng của mọi người. Nhiều người gọi bà là "bà tiên giữa đời thường".

Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của người viết đối với đối tượng được nói tới.

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Lựa chọn đối tượng biểu cảm là con người hoặc sự việc để lại cho em những tình cảm, ấn tượng sâu sắc.

Người đó có thể là người thân trong gia đình, bạn bè, hàng xóm, người làm việc ở trường hoặc người mà em biết qua sách báo.

Mục đích viết

Bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của em đối với đối tượng được nói tới và khơi gợi sự đồng cảm, chia sẻ của người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm tới tình cảm, suy nghĩ mà em bày tỏ trong bài văn.

Sự việc đó có thể xảy ra với bản thân em hoặc em là người chứng kiến hay được biết qua sách báo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. *Tìm ý*

Sau khi lựa chọn được người hoặc sự việc để bày tỏ tình cảm, suy nghĩ, hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

– Người đó là ai? Sự việc đó là gì?

– Người hoặc sự việc đó có những đặc điểm nào nổi bật?

– Em có ấn tượng, suy nghĩ gì đối với người hoặc sự việc đó?

– Chi tiết nào gắn với người hoặc sự việc đó khiến em không thể quên?

c. *Lập dàn ý*

Hãy sắp xếp các ý mà em tìm được thành một dàn ý. Dưới đây là một gợi ý:

Dàn ý

– *Mở bài*:

+ Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.

+ Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó.

– *Thân bài*:

+ Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc.

+ Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó.

– *Kết bài*: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc được nói tới.

2 VIẾT BÀI

Chú ý bám sát dàn ý. Trong quá trình viết, em cần lưu ý:

– Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho mình.

– Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, giàu cảm xúc; vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ,... để tăng sự hấp dẫn cho bài viết.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Sau khi hoàn thành, hãy rà soát bài văn theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được người hoặc sự việc mà em muốn bộc lộ tình cảm, cảm xúc.	Nếu chưa có, hãy bổ sung thông tin cho lời giới thiệu để người đọc có được hình dung ban đầu về người hoặc sự việc.
Nêu được đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em.	Nếu chưa có hoặc chưa đủ, hãy bổ sung nội dung để người đọc hiểu rõ những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc đã để lại ấn tượng sâu đậm trong em.
Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc đó. Chú ý sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.	Đánh dấu những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc về người hoặc sự việc được nói tới. Nếu chưa có hoặc chưa đủ, cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

Trong phần Viết ở trên, em đã có dịp chia sẻ tình cảm, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc. Chắc hẳn, con người hoặc sự việc mà em lựa chọn để viết đã có tác động đến cuộc sống của nhiều người, để lại cho em những ấn tượng sâu sắc. Trong phần này,

em sẽ thực hành trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Đây cũng là vấn đề được xã hội quan tâm và có những quan niệm khác nhau. Với tư cách người nói, em hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề được bàn sao cho lan toả được tới người nghe. Với tư cách người nghe, em hãy chú ý lắng nghe, tôn trọng người nói, ghi nhận những suy nghĩ của người nói.

1 TRƯỚC KHI NÓI

Mục đích nói

Chia sẻ với người nghe ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm tác động đến suy nghĩ, cảm xúc và hành động của người nghe.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề em nói.

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Viết ra giấy các ý chính của bài nói thành dạng đề cương. Có thể tham khảo một số gợi ý sau:

+ Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về bản chất và vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

+ Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu: đóng góp tiền và vật phẩm, tham gia hoạt động cứu trợ,... Đối tượng được giúp đỡ có thể là người gặp nạn vì thiên tai hay dịch bệnh, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, trẻ mồ côi,...

+ Nhấn mạnh một số ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện: thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta; giúp cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn có cuộc sống tốt đẹp hơn; lan toả nghĩa cử cao đẹp tới cộng đồng, góp phần giúp cho xã hội ngày càng trở nên nhân văn, tốt đẹp;...

– Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những câu quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:

+ Câu giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

+ Những từ ngữ thể hiện thái độ, tình cảm của em trước những hành động, việc làm cụ thể của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng,...

+ Những câu nhấn mạnh ý nghĩa nhân văn của các hoạt động thiện nguyện...

– Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài hát,... liên quan đến các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (nếu có).

b. *Tập luyện*

Để nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trên lớp. Em có thể tập luyện trước bạn bè, người thân, lắng nghe góp ý của họ để rút kinh nghiệm nhằm hoàn thiện bài nói. Em cũng có thể đứng trước gương và tập nói một mình.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày, em cần lưu ý:

– Đi vào trọng tâm vấn đề là trình bày, chia sẻ với người nghe suy nghĩ của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Các ý trong bài nói cần được trình bày mạch lạc, sáng rõ.

nguyantbes.com

– Trình bày bài nói theo các ý đã chuẩn bị. Mở đầu, nên giới thiệu rõ ràng, mạch lạc để người nghe nắm bắt được suy nghĩ của em về vấn đề cần trình bày. Ở phần nội dung chính, cần chú ý tập trung vào việc trình bày một số hoạt động tiêu biểu để làm nổi bật ý nghĩa của hoạt động thiện nguyện nói chung, không nên sa đà vào việc liệt kê quá nhiều những hành động cụ thể. Kết thúc bài nói, cần khẳng định lại tầm quan trọng của các hoạt động thiện nguyện đồng thời có thể liên hệ để rút ra bài học cho bản thân.

– Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói phù hợp với nội dung bài nói.

– Sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp; thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Sự nổi bật của vấn đề được trình bày. • Sự phù hợp của các lí lẽ, bằng chứng được sử dụng. • Những điều khiến em xúc động hoặc có ấn tượng sâu sắc trong bài trình bày của bạn. • Sự phù hợp của việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày. • Một vài điểm có thể bổ sung để phần trình bày trở nên hoàn thiện hơn.	Lắng nghe từng ý kiến phản hồi của người nghe với tinh thần cầu thị: • Cảm ơn sự đồng cảm của bạn và có thể chia sẻ thêm lí do khiến em chọn nói về những điều này. • Trao đổi lại các ý kiến phản biện, bảo vệ ý kiến của em nếu thấy cần thiết; tiếp thu những ý kiến góp ý mà em thấy hợp lí.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:

	Mùa xuân nho nhỏ	*Gò Me*
Tình cảm, cảm xúc của tác giả		
Biện pháp tu từ nổi bật		
Hình ảnh đặc sắc		

2. Tìm đọc thêm một số bài thơ viết về đất nước Việt Nam. Nhận xét về nét độc đáo của một bài thơ mà em yêu thích (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Ngôn ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Vẻ đẹp riêng của vùng đất biên cương trong cảm nhận của nhà thơ.
- Tình cảm với quê hương đất nước mà bài thơ gợi lên trong em.

Chiều biên giới

LÒ NGÂN SỦN[1]

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa hoa đào nở
Khi mùa sở ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùi toả ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chăng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thầm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông.

Chiều biên giới em ơi
Đôi ta cùng chiến hào
Gần nhau thêm bền chí
Tình yêu là vũ khí
Giữ đất trời quê hương.

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

Hoàng Liên Sơn, 1980

(*Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 55 – 56)

[1] Lò Ngân Sủn (1945 – 2013) quê ở Lào Cai. Thơ Lò Ngân Sủn trong sáng, mộc mạc, giản dị, thể hiện một tâm hồn tinh tế, tha thiết yêu thương. Ông để lại nhiều tập thơ trong đó có một số tập tiêu biểu như: *Chiều biên giới* (1989), *Những người con của núi* (1990), *Đám cưới* (1992), *Dòng sông mây* (1995), *Lều nương* (1996), *Bữa tình yêu* (2005),...

BÀI 5 MÀU SẮC TRĂM MIỀN

Tôi yêu cuộc đời, yêu hành tinh tôi ở
Yêu đến từng góc nhỏ khắp gần xa.

Ra-xun Gam-da-tốp

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Mỗi vùng miền có thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh thế giới muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng. Cho dù đó là nơi gần gũi hay xa lạ, hãy đón nhận nó bằng trái tim ấm áp và nụ cười thân thiện, bởi đó là cuộc sống đa dạng, phong phú mà con người tạo ra trên ngôi nhà chung – Trái Đất.
- Trong bài học này, những trang tuỳ bút, tản văn (kết hợp với một văn bản thông tin) sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.
- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.
- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tuỳ bút

Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí. Điểm tựa của tuỳ bút là cái tôi của tác giả. Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình. Tuỳ bút thiên về tính trữ tình; có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận. Bố cục bài tuỳ bút khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định. Tuỳ bút không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh. Ngôn từ của tuỳ bút giàu hình ảnh, giàu chất thơ.

Tản văn

Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình. Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu[1],... Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

Văn bản tường trình

Văn bản tường trình là một loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, có nội dung trình bày về một vụ việc đang cần được xem xét, làm rõ và giải quyết.

Người viết tường trình là người có liên quan đến vụ việc, có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực theo phạm vi quan sát, nhận thức của mình cho cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc đó.

Ngôn ngữ vùng miền

Ngôn ngữ vùng miền (phương ngữ) là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng. Mỗi phương ngữ có những đặc điểm riêng về ngữ âm, thể hiện qua cách phát âm của người dân mỗi địa phương. Đặc biệt, trong mỗi phương ngữ bao giờ cũng có một số từ ngữ không có nghĩa tương đương trong ngôn ngữ toàn dân như *nhút* (phương ngữ Trung), *chôm chôm* (phương ngữ Nam) hoặc có nghĩa tương đương nhưng có hình thức ngữ âm khác biệt như *cá quả, lợn, ngã* (phương ngữ Bắc), *cá tràu, heo, bổ* (phương ngữ Trung), *cá lóc, heo, té* (phương ngữ Nam).

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (trích), Vũ Bằng

VĂN BẢN 2. *Chuyện cơm hến*, Hoàng Phủ Ngọc Tường

VĂN BẢN 3. *Hội lồng tồng*, Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ

[1] *Khảo cứu*: tra xét, tìm tòi, đây chỉ một hình thức nghiên cứu về đối tượng dựa trên sự khảo sát, tìm hiểu, đối chiếu sách vở, tài liệu một cách công phu.

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em biết những bài hát hay bức tranh, bức ảnh nào về mùa xuân? Hãy chia sẻ cùng các bạn.

2. Em thích nhất điều gì ở mùa xuân quê em?

ĐỌC VĂN BẢN

Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt

Trích, VŨ BẰNG

Kết nối

Có phải "ai cũng chuộng mùa xuân" không?

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng triu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non[1] đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son[2] nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Hình dung

Những loài cây sắp trổ lá đơm hoa vào mùa xuân.

Ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đấy là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngậm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần[3] và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Hình dung

Không gian đặc trưng của mùa xuân ở miền Bắc.

Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu[4], gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình[5] của cô gái đẹp như thơ mộng...

[1] *Non*: núi (thường xuất hiện trong các từ ghép: *núi non, non sông, non nước*,...).
[2] *Còn son*: còn trẻ, chưa có con cái.
[3] *Đôi mày ai như trăng mới in ngần*: đôi lông mày cong, đẹp như ngấn trăng non đầu tháng, lấy ý từ câu thơ của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: *Mày ai trăng mới in ngần*.
[4] *Mưa riêu riêu*: mưa phùn, hạt nhỏ, đều, kéo dài.
[5] *Huê tình*: tình yêu trai gái.

Người yêu cảnh, vào những lúc đất trời mang mang[1] như vậy, khoác một cái áo lông, [...] mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ[2] êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!

Chợ hoa đào, tranh lụa của Lương Xuân Nhị

[...] Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc[3] của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương[4] đứng cạnh.

Theo dõi

Chú ý những cảm giác của tác giả trong mùa xuân.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng "sống" lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng[5] mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong[6], cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác.

Hình dung

Bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp thời điểm sau rằm tháng Giêng.

(1) *Mang mang*: mơ hồ, mờ ảo, không phân định các đối tượng một cách rõ ràng (nghĩa trong văn bản).
(2) *Giang hồ*: sông hồ; đây chỉ sở thích du ngoạn nay đây mai đó một cách tự do, phóng túng.
(3) *Lộc*: sừng non mới nhú.
(4) *Uyên ương*: loài chim sống ở vùng nước, con đực và con cái luôn cặp kè bên nhau; đây chỉ đôi lứa gắn bó.
(5) *Ra ràng*: (chim non) vừa mới đủ lông đủ cánh, bắt đầu bay ra khỏi tổ; đây được dùng để chỉ con bướm mới ra khỏi kén.
(6) *Nhuỵ vẫn còn phong*: nhuỵ hoa vẫn còn chụm lại, chưa tách nở ra.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm[1], mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều[2] treo ở trước bàn thờ ông vải[3] đã hạ xuống từ hôm "hoá vàng"[4] và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

[...] Đêm xanh biêng biếc, tuy có mưa dây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ: mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối Chạp.

Hình dung

Khung cảnh đêm trăng tháng Giêng.

[...] Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ Mười Hai*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1999, tr. 5 – 12)

SAU KHI ĐỌC

- **Vũ Bằng** (1913 – 1984) sinh ra ở Hà Nội. Ông là nhà văn, nhà báo, có sở trường về truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí. Tuỳ bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ, hướng vào biểu hiện thế giới nội tâm phong phú. Văn Vũ Bằng tràn đầy cảm xúc, biểu thị những cảm giác tinh tế. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Miếng ngon Hà Nội* (1960), *Món lạ miền Nam* (1969), *Thương nhớ Mười Hai* (1972),...
- *Thương nhớ Mười Hai* được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc. Niềm thương nhớ quê hương, gia đình da diết được thể hiện qua sự hồi tưởng về cảnh sắc thiên nhiên, phố xá, cuộc sống hằng ngày mang vẻ đẹp và bản sắc văn hoá của Hà Nội. *Thương nhớ Mười Hai* có 13 bài tuỳ bút, gồm 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài về Tết. Bài *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên của tập tuỳ bút.

[1] *Nồm*: trạng thái thời tiết ẩm và ẩm ướt ở miền Bắc vào quãng cuối đông đầu xuân.
[2] *Màn điều*: tấm vải đỏ che trước bàn thờ.
[3] *Ông vải*: tổ tiên.
[4] *Hoá vàng*: đốt vàng mã. Theo tục lệ, ngày hoá vàng là ngày kết thúc việc cúng lễ dịp Tết. Những đồ vàng mã thờ dịp Tết được đem đốt.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Mạch cảm xúc của tác giả được khơi dậy qua sự hồi tưởng về không gian. Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình.
2. Trong cái rét ngọt đầu xuân, sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy như thế nào?
3. Nêu nhận xét của em về cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến.
4. Tác giả đã triển khai bài tuỳ bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ "ai cũng chuộng mùa xuân" như thế nào?
5. Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*. Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?
6. Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tuỳ bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.

Thực hành tiếng Việt

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

DẤU CÂU

1 Đọc hai câu văn sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:

a. *Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…*

b. *Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.*

(1) Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong các câu văn trên.

(2) Theo em, nếu không có các cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của những câu văn trên sẽ thay đổi như thế nào?

BIỆN PHÁP TU TỪ

2 Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh trong các câu sau. Cho biết điểm tương đồng giữa các đối tượng được so sánh với nhau trong mỗi trường hợp và nêu ý nghĩa của sự tương đồng đó:

a. *Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.*

b. *Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.*

3 Hãy chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:

a. *Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời?*

b. *Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa.*

4 Đọc câu văn sau và thực hiện các yêu cầu:

*Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; **ai cấm được** trai thương gái, **ai cấm được** mẹ yêu con, **ai cấm được** cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.*

a. Chỉ ra biện pháp tu từ ở những cụm từ in đậm trong câu văn trên.

b. Biện pháp tu từ đó còn được thể hiện ở những từ ngữ nào khác trong câu?

c. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

5 Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau và cho biết cách so sánh trong câu này có gì khác so với cách so sánh trong những câu văn ở bài tập 2:

Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

VĂN BẢN 2

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Mỗi vùng miền trên thế giới đều có những nét riêng trong phong cách ẩm thực. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vấn đề này.

2. Nếu được yêu cầu giới thiệu về một món ăn đặc sản ở quê em, em sẽ chọn món nào?

ĐỌC VĂN BẢN

Chuyện cơm hến

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời, phải nếm đủ vị mặn, lạt[1], chua, cay, ngọt, bùi, không chê vị nào; lại còn tỏ ra thích thú với hai vị mà thiên hạ đều sợ, là cay và đắng. [...] Người Huế thích dùng mướp đắng lúc

Theo dõi

Chú ý nét riêng trong khẩu vị của người Huế.

[1] *Lạt*: nhạt.

còn xanh; nấu canh phải duống[1] nồi nước sôi xuống để thả mướp vào mới đảm bảo là đắng, lại còn bóp mướp sống làm món nộm, đắng một cách tuyệt vời! Có hôm tàu dừng ở ga Lăng Cô, thấy nấm tràm[2] bán rẻ như cho không tôi bèn hí hửng mua luôn một rổ làm quà cho chú bạn tôi ở Đà Nẵng, gọi là đặc sản xứ Huế. Cháo nấm tràm nấu ra ngon đến thế, nhưng chỉ có đám dân Huế sì sụp vừa húp vừa khen, còn bạn nhậu người Quảng đều né hết, vì đắng không chịu nổi. Hoá ra chỉ cách nhau cái đèo Hải Vân thôi mà cách ăn uống của người Huế lạ đời đến thế!

Cồn Hến,
ảnh của Lê Huy Hoàng Hải

Nhưng lạ nhất là thói ăn cay, đến nỗi chính tôi cũng không hiểu sao mình lại ăn cay "tài" đến như vậy. Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng "sướng miệng": cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... [...] Có thể nói rằng người Huế bắt đầu thực đơn hằng ngày bằng một tô bún bò "cay dễ sợ", tiếp theo là một ngày cay "túi mắt túi mũi" để kết thúc với tiếng rao "Ai ăn chè?", một chén ngọt lịm trước khi ngủ.

Suy luận

Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó?

Tôi xin giới thiệu một ngày "Hạnh phúc trời hành" của dân Huế tui, bắt đầu bằng món cơm hến[3]. Những món ăn Huế như bún bò, cháo lòng,... bây giờ trở thành phổ biến khắp nơi (dù đã mất đi bản chất cay của nó) chỉ món cơm hến này là không nơi nào có. Hà Nội, Sài Gòn cũng có vài ba quán Huế có cả cơm hến, tôi đã thử xem, đều toàn là nghêu[4] xắt[5] nhỏ, đâu phải là hến. Vậy thì cơm hến là gì?

Trước hết, nói về cơm. Người Việt mình ăn cơm kiểu nào cũng phải nóng, duy chỉ cơm hến nhất thiết phải là cơm nguội. Hình như người Huế muốn bày tỏ

(1) *Duống*: đưa xuống (trong câu này có nghĩa là bắc nồi nước sôi xuống rồi mới thả mướp đắng vào).
(2) *Nấm tràm*: loại nấm mọc từ cây tràm, có nhiều ở vùng Thừa Thiên – Huế, có vị đắng.
(3) *Hến*: động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, sống ở vùng nước lợ hoặc nước ngọt.
(4) *Nghêu*: động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, thường sống ở vùng nước mặn ven biển.
(5) *Xắt*: thái.

một quan niệm rằng trên đời chẳng có một vật gì đáng phải bỏ đi, nên bày ra món cá lẹp[1] kẹp rau mưng[2], và món cơm nguội với những con hến nhỏ lăn tăn làm sốt ruột người chế biến món ăn, gọi là cơm hến. Sau này ở Huế người ta còn bày thêm món bún hến, dùng bún thay cơm nguội. Tôi rất ghét những lối cải tiến tạp nhạm như vậy. Bún đã có bún bò, ai có giang sơn ấy, việc gì phải cướp bản quyền sáng chế của người khác. Vả lại, người Huế (Huế xưa, không phải bây giờ) rất kiên định trong "lập trường ăn uống" của mình. Tôi nghĩ rằng trong vấn đề khẩu vị, tính bảo thủ là một yếu tố văn hoá hết sức quan trọng, để bảo toàn di sản. Với tôi, một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hoá, cứ phải giống y như ngày xưa, và mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những "đồ giả"!

Theo dõi

Chú ý câu văn nêu ý kiến riêng của tác giả về món ăn đặc sản.

Xin tiếp tục chuyện cơm hến. Hến ở Huế ngon nhất là hến cồn, do đó cái cồn nổi chiếm vị trí "Tả Thanh Long[3]" rất mực quan trọng trong Dịch lí[4] của kiến trúc kinh thành, dân chỉ gọi nôm na là Cồn Hến. Đáy sông quanh cồn có một lớp bùn sâu, là môi sinh màu mỡ của loài hến. Điều lạ là con hến, dù không có tay chân, nhưng khi thời tiết thay đổi làm dòng nước chảy mạnh có thể lặn sâu xuống đáy bùn để khỏi bị nước cuốn đi. Dân cồn làm nghề xúc hến mỗi năm đều có lễ cúng hến vào tháng Bảy, trên những con đò cỏ xí rộn ràng, tiếng trống vang lừng, người ta luộc hến xong đem ra sông đãi trong những chiếc rổ lớn, tách vỏ, lấy riêng mặt hến[5] đem đong chén bán cho những người làm cơm hến.

Mặt hến này là vị chủ của cơm hến, xào kèm theo bún tàu (miến), măng khô và thịt heo thái chỉ. Món thứ ba trong cơm hến là rau sống. Chỉ một nhúm thôi, nhưng rau sống này làm bằng thân chuối hoặc bắp chuối xắt mỏng như sợi tơ, trộn lẫn với môn bạc hà[6], khế và rau thơm thái nhỏ, giá chần (trụng[7] sơ qua nước sôi), có khi còn điểm thêm những cánh bông vạn thọ vàng, nhìn tươi mắt và có thêm mùi thơm riêng.

Theo dõi

Chú ý các nguyên liệu làm cơm hến.

Nước luộc hến được rút ra từ chiếc nồi bung bốc khói nghi ngút, bằng chiếc gáo làm bằng sọ dừa xinh xắn, cho vào một cái tô đã gồm đủ cơm nguội, hến xào, rau sống và được gia thêm đủ vị đồ màu. Nước hến có giã thêm gừng màu trắng đừng đục. Vâng, mê nhất cái màu đừng đục ấy, ăn cơm hến mà chê nước đục là... dại!

---

(1) *Cá lẹp*: loài cá nhỏ, thân mỏng, xương mềm, thịt nhão vì nhiều mỡ, sống ở vùng nước mặn hoặc nước lợ ven biển.
(2) *Rau mưng*: lá non của cây lộc vừng, có vị hơi chát, đắng, thoảng chút chua, thường được người dân miền Trung hái ăn kèm với cá lẹp nướng.
(3) *Tả thanh long*: rồng xanh ở bên trái. Theo quan niệm phong thuỷ xưa, thế đất nhấp nhô phía bên trái của nhà ở hay cung điện (từ phía trong nhìn ra) là thế tả thanh long, rất được chú ý trong việc chọn đất xây dựng.
(4) *Dịch lí*: bộ môn nghiên cứu về nguyên tắc biến đổi của vạn vật, vũ trụ theo cái nhìn bao quát nhất.
(5) *Mặt hến*: ruột hến hay toàn bộ phần thân bên trong lớp vỏ cứng của con hến.
(6) *Môn bạc hà*: có nơi gọi là (cây) dọc mùng.
(7) *Trụng*: nhúng.

Bộ đồ màu của cơm hến là nhiêu khê[1] nhất thiên hạ. Đây là bản liệt kê các món gia vị mà tôi từng quan sát được ở một gánh cơm hến, chắc có thể coi là "lí tưởng", như sau:

1. Ớt tương
2. Ớt màu, ớt dầm nước mắm
3. Ruốc[2] sống
4. Bánh tráng nướng bóp vụn
5. Muối rang
6. Hạt đậu phụng[3] rang mỡ, giã hơi thô thô
7. Mè[4] rang
8. Da heo rang giòn
9. Mỡ và tóp mỡ
10. Vị tinh[5].

Tất cả được đựng trong những thẩu[6], những vịm[7] bày trên một cái trẹc[8], o[9] bán cơm hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù u[10] nhỏ xíu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít...

Hương vị bát ngát suốt đời người của tô cơm hến là mùi ruốc thơm dậy tận óc, và vị cay đến trào nước mắt. Người "máu" cơm hến vẫn chưa vừa lòng với vị cay sẵn có, còn đòi thêm một trái ớt tươi để cắn kêu cái rốp! Nước mắt đầm đìa, mồ hôi ròng ròng nhỏ giọt vào tô cơm thế mà cứ sì sụp, xuýt xoa kêu "ngon, ngon"; đi xa nhớ lại thèm đứt sợi tóc, ở nước ngoài về bay ra Huế để ăn cho được một tô cơm hến lấy làm hả hê, thế đấy, chao ôi là Huế!

Tôi nhớ lần ấy, chiều mưa râm ri cỡ tháng Mười một, tôi ngồi ăn cơm hến ở nhà Bửu Ý ở đường Hàng Me. Tôi vừa đi Tây về, suốt hai tuần ở cung Đại hội các nhà văn, bữa ăn nào cũng toàn thịt, bơ, phó mát,... đến nỗi tôi thất kinh[11], nhiều ngày chỉ mang một mớ trái cây về phòng ăn trừ bữa. Nhiều tuần lễ không có một hột cơm

---

[1] *Nhiêu khê*: lôi thôi, phức tạp (trong văn bản này chỉ sự cầu kì, cần nhiều thứ nguyên liệu để làm ra bát cơm hến).
[2] *Ruốc*: loài giáp xác, họ tôm, sống ở vùng nước lợ hoặc nước mặn (trong văn bản này, từ *ruốc* chỉ loại mắm làm từ con ruốc).
[3] *Đậu phụng*: lạc, một loài cây thuộc họ đậu, hạt thường có màu hồng nhạt, giàu chất đạm, chất béo.
[4] *Mè*: vừng, một loài cây có hạt nhỏ, màu đen hoặc nâu vàng, giàu chất đạm, chất béo.
[5] *Vị tinh*: bột ngọt.
[6] *Thẩu*: (*thẩu*, do cách phát âm mà thành *thẩu*) dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to gần bằng hoặc bằng thân, làm bằng nhựa, sành sứ, thuỷ tinh,...
[7] *Vịm*: (thường gọi là *liễn*) đồ bằng sành sứ có nắp đậy, dùng để đựng thức ăn.
[8] *Trẹc*: (*trẹt*) cái mẹt, đồ đan kín bằng tre nứa, lòng nông, hình dáng và kích thước hơi giống cái mâm.
[9] *O*: cô.
[10] *Gáo mù u*: gáo làm bằng vỏ quả mù u, giống gáo dừa nhưng nhỏ hơn.
[11] *Thất kinh*: sợ đến mức mất tinh thần.

trong bụng, nghe tiếng rao cơm hến tôi thấy xúc động tận chân răng. Đây là lần đầu tiên tôi ăn một tô cơm hến "bằng tất cả tâm hồn". Thấy chị bán hàng phải cho quá nhiều thứ trong một bát cơm nhỏ, công phu thế mà chỉ bán có năm trăm đồng bạc, tôi lấy làm ái ngại hỏi chị:

– Lời lãi bao nhiêu mà chị phải kĩ đến thế. Chỉ cần ba bốn thứ, vừa vừa thôi, có đỡ mất công không?

Chị nhìn tôi với đôi mắt giận dỗi khác lạ:

– Nói như cậu thì… còn chi là Huế!

Chị gánh hàng đi, dáng gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ, chiếc nón cời[1] và tiếng rao lanh lảnh. Hồi nãy tôi đã đếm và biết gánh cơm trên vai chị có tất cả mười bốn vị. Bây giờ tôi mới phát hiện thêm vị thứ mười lăm, là lửa. Vâng, một bếp lửa chắt chiu, ấp ủ đi trong mưa suốt mùa đông, bền bỉ theo bước chân người…

Theo dõi

Chú ý vị thứ mười lăm của cơm hến.

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Huế – Di tích và con người*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2001, tr. 44 – 50)

SAU KHI ĐỌC

Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế. Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội. Một số tác phẩm chính của Hoàng Phủ Ngọc Tường: *Rất nhiều ánh lửa* (1979), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (1984), *Huế – Di tích và con người* (2001), *Miền cỏ thơm* (2007),…

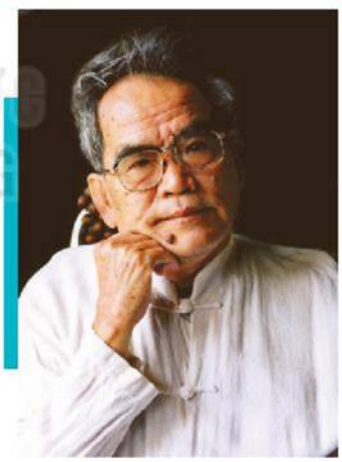

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Những chi tiết nào cho thấy cơm hến là món ăn bình dân?

2. Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế?

3. *Chuyện cơm hến* có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến?

[1] *Nón cời*: nón cũ.

4. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng "một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hoá"?

5. Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ bản sắc văn hoá của cư dân bản địa?

6. Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn *Chuyện cơm hến* giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc.

7. Em cảm nhận như thế nào về cái tôi tác giả được thể hiện trong *Chuyện cơm hến*?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.

Thực hành tiếng Việt

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

1 Trong câu văn sau, những từ ngữ nào có thể được xem là từ ngữ địa phương? Vì sao?

Tất cả được đựng trong những thẩu, những vỉm bày trên một cái trẹc, o bán cơm hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù u nhỏ xíu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít...

2 Liệt kê một số từ ngữ địa phương được dùng trong văn bản *Chuyện cơm hến*. Những từ ngữ đó có nghĩa tương đương với những từ ngữ nào được dùng ở địa phương em hoặc trong từ ngữ toàn dân?

3 Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong *Chuyện cơm hến*.

4 Nêu một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật (người, cây cối, con vật, đồ vật,...) ở các vùng miền mà em biết và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng.

Nhận biết từ ngữ địa phương

- Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Từ ngữ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng.
- Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.

Ví dụ về từ ngữ địa phương:

Địa phương	Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân (tương ứng)
Một số nơi ở miền Bắc	*u*	*mẹ*
Miền Trung	*mô*	*đâu*
Miền Nam	*tía*	*bố*

- Trong tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng nhằm tạo sắc thái địa phương cho sự việc, nhân vật hoặc được dùng như một phương tiện tu từ. Trong các văn bản khoa học, hành chính,... không được dùng từ ngữ địa phương (trừ khi có lí do đặc biệt). Trong giao tiếp thông thường, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với những người nói cùng phương ngữ với mình.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Hội lồng tồng

TRẦN QUỐC VƯỢNG – LÊ VĂN HẢO – DƯƠNG TẤT TỪ

Vùng Việt Bắc[1] mở hội lồng tồng từ sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh. *Lồng tồng* tiếng Tày – Nùng có nghĩa là "xuống đồng". Thần thành hoàng của đồng bào Tày – Nùng cũng tức là thần nông. Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường. Có nhiều truyền thuyết khác nhau về hội lồng tồng ở từng địa phương.

[...] Trong những ngày hội lồng tồng cầu mùa, vui xuân, dân làng mang cỗ đến cúng thần nông. Hội lồng tồng cũng là dịp trưng bày những sản phẩm nông nghiệp của dân làng như gà thiến béo, lợn quay, các thứ bánh trái,... Sản phẩm được trình bày sao cho thật đẹp mắt. Sau khi cúng tế, người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, bánh chưng hay bánh lá ngải, xôi nhuộm lá cẩm, uống rượu nếp, rượu mác mật,... Trong những trò chơi dân gian làm cho hội lồng tồng rộn rịp có đánh vật, kéo co, thi bắn, đua thuyền, biểu diễn võ dân tộc,... nhưng hấp dẫn nhất là tung còn, múa sư tử và "lượn[2] lồng tồng".

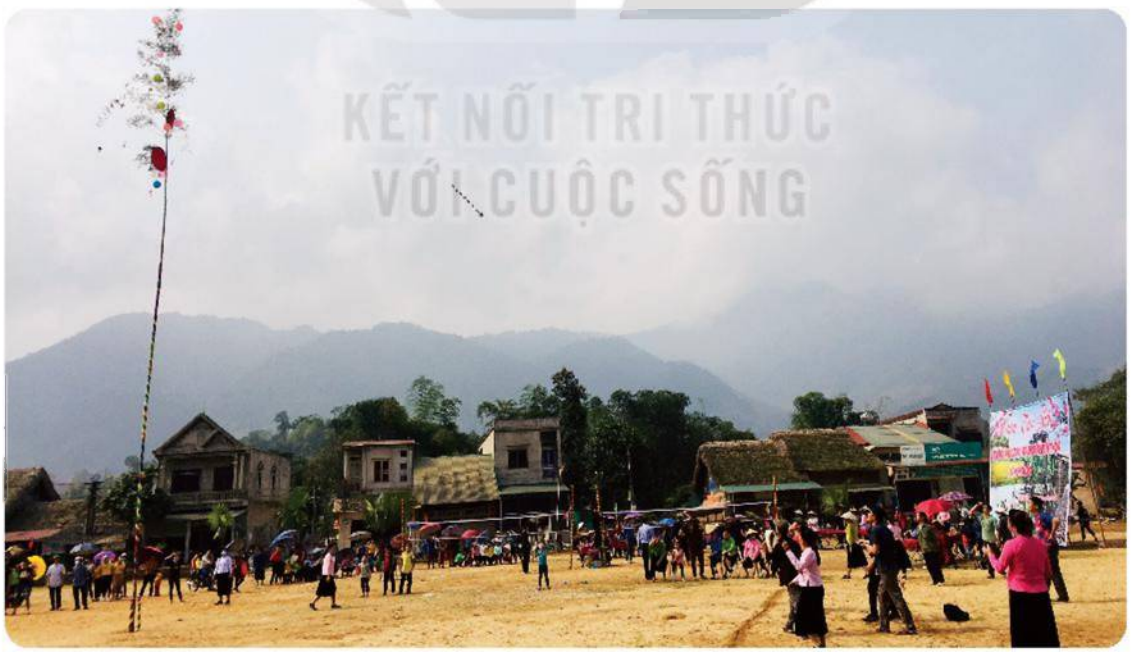
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Ném còn, ảnh của Lê Thanh Cường

[1] *Việt Bắc*: vùng đồi núi phía bắc nước ta, gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.
[2] *Lượn*: lối hát đối đáp giữa trai và gái của dân tộc Tày.

Trò chơi ném còn có dụng cụ chính là một chiếc còn. Đó là một túi vải màu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10 cm, trong đổ cát, đuôi dài hơn 1 m bằng vải ngũ sắc. Giữa đồng người ta dựng một cây mai cao vút, đóng giá như kiểu cột cờ để có thể dựng lên hạ xuống được. Trên đỉnh chót người ta uốn ngọn cây mai thành một vòng tròn, dán giấy trắng, trong có điểm hồng tâm. Thanh niên gái trai chia làm hai bên thi nhau nhằm chiếc vòng giấy ấy mà tung còn. Người nào nhanh tay bắt được còn của đối phương tung đến mới được ném. Người ném trúng thủng vòng giấy thì được thưởng, nếu ném thủng hồng tâm thì được giải thưởng to hơn. Ném trúng rồi, người ta hạ cột vá lại vòng giấy và cuộc vui tiếp tục.

Múa sư tử được đồng bào Tày – Nùng, nhất là thanh niên ưa thích vì nó phù hợp với tinh thần thượng võ vốn có của họ. Múa sư tử là dịp rèn luyện thân thể, giúp cho thanh niên có được một vài môn võ nghệ để tự vệ, chống giặc cướp, giặc ngoại xâm khi cần.

Múa sư tử thực chất là một điệu múa võ. Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn múa sư tử đùa nghịch vờn nhau với đười ươi và hai khỉ. Đười ươi và khỉ tìm đủ mọi cách để trêu chọc sư tử. Con thú dữ lúc phát khùng lên nhe răng ra định ngoạm đầu đười ươi và khỉ, nhưng lũ này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình.

Trong hội lồng tồng, theo tục lệ, con sư tử nào đến trước giữ vai trò đàn anh, có quyền chủ trì các buổi biểu diễn; con đến sau phải đeo vào cằm con đến trước một miếng vải đỏ gọi là "quả hồng" để thừa nhận quyền đàn anh. Trường hợp tranh chấp người ta tổ chức một cuộc đấu miếng giữa hai con sư tử. Con nào quật ngã đối phương sẽ được nhận vai trò đàn anh; trường hợp này mỗi bên đều chọn một tay quyền thuật giỏi, một thầy dạy võ, để múa sư tử đọ tài với đối phương[1].

Nhân dịp hội lồng tồng, thanh niên gái trai tụ họp thành những đám hát lượn, hát đối đáp những bài "lượn lồng tồng" để cầu mùa màng, chúc mừng dân làng được mọi sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.

Mở đầu cho buổi hát lượn là những lời đón chào xuân:

Mở bài khai khẩu ước chào xuân

Nghe tiếng nhà người đầy ái ân

Nghe tiếng nhà người đầy xuân sắc

Sĩ tử xin chào kết cỗ nhân!

Để cầu mùa và chúc mừng nhau, gái trai hát:

---

[1] Tham khảo từ tài liệu của Lã Văn Lô, *Hội múa sư tử của đồng bào Tày, Nùng*, tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 6, tháng 6/ 1971, tr. 52 – 53.

Năm mới tới mùa màng sung túc

Không một người khổ cực gian nan

Trai gái được an nhàn thanh thoả

Chăm lo việc cấy lúa chăn tằm...

Buổi hát lượn trong hội lồng tồng thường có hai phần. Phần "lượn tuồng" gồm những bài hát cổ điển mà gái trai phải học thuộc lòng để hát kể cho nhau nghe về những cảnh đẹp của quê hương mường bản, những câu chuyện mượn trong cổ tích, truyền thuyết, những cảnh sinh hoạt sản xuất trong bốn mùa, mười hai tháng,... Những bài hát đó giúp họ khơi gợi và gửi gắm tình yêu. [...]

Sau phần "lượn tuồng" là phần "lượn sương". "Lượn sương" thường sáng tác tại chỗ theo cảm hứng để gái trai đặt vấn đề yêu đương và trực tiếp thổ lộ tình cảm với nhau:

Thương hoa sói nhớ hoa nhài

Hoa sói người duyên lắm sắc tài

Ước sao ngắt vài bông về cắm vườn cảnh nhà ta

Để đi sớm về trưa ngắm bóng ai...

Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, của tình yêu, của ca hát. Gái trai trẩy hội lồng tồng, hát lượn lồng tồng nhiệt tình ca ngợi mùa xuân, thiết tha yêu mến mùa xuân, luyến tiếc xuân, sợ mùa xuân và tuổi trẻ qua nhanh. [...]

Ở nhiều địa phương cuộc hát lượn lồng tồng giữa gái trai có thể kéo dài đến bốn năm đêm liền mà vốn thơ ca và tình cảm vẫn chưa cạn. Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.

(*Theo* Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1976, tr. 167 – 173)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tóm tắt các ý chính của văn bản *Hội lồng tồng* bằng sơ đồ (chú ý thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức, vùng miền có lễ hội, phần cúng tế – lễ, phần vui chơi – hội).

2. Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan gì với tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông?

3. Văn bản miêu tả những hoạt động nào của cư dân trong phần hội? Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng nào của con người?

4. Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức hội lồng tồng?

5. *Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.*

Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?

Viết

Viết văn bản tường trình

Tường trình là một loại văn bản thông tin được dùng rất phổ biến trong đời sống. Nhiều khi chúng ta phải viết, đọc hay xử lí các văn bản tường trình về một vụ việc nào đó, nhằm giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đề đáng tiếc nảy sinh. Do vậy, biết cách viết văn bản tường trình đúng thể thức là điều mà mọi người đều phải quan tâm.

Thể thức của văn bản tường trình:

- Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).
- Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).
- Tên văn bản tường trình ghi chính giữa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *Về việc...*
- Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi*.
- Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên; chức danh; chức vụ; đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là...* hoặc *Tôi là...*
- Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.
- Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.
- Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên.

  Lưu ý: Nếu bản tường trình được viết tay, chú ý chừa lề hợp lí; không viết sát mép giấy bên trái, bên phải; không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá rộng. Nếu bản tường trình được đánh máy, cần dùng khổ giấy A4; phông chữ tiếng Việt Times New Roman; cỡ chữ thường là 13 – 14; lề trang cách mép trên và mép dưới 20 – 25 mm, cách mép trái 30 – 35 mm, cách mép phải 15 – 20 mm,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phân tích bản tường trình tham khảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quốc hiệu và tiêu ngữ.

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020

Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc vi phạm nội quy nơi tham quan

Tên văn bản tường trình.

Kính gửi: Cô Lâm Thanh H., giáo viên chủ nhiệm lớp 7C

Người yêu cầu viết bản tường trình đồng thời là người nhận.

Em là Trương Khánh Ng., học sinh Trường THCS Nguyễn Du, xin phép tường trình với cô một việc như sau:

Tên người viết tường trình.

Sáng 22 tháng 9 năm 2020, lớp 7C tổ chức đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học. Em đã tham gia buổi tham quan cùng với lớp. Quy định của bảo tàng là không được sờ vào hiện vật. Nhưng do em muốn có một bức ảnh chụp bên bộ quần áo dân tộc Dao nên đã bước qua dây chắn vào khu vực cấm và sờ tay vào hiện vật, làm hỏng một chi tiết trên trang phục. Nhân viên bảo vệ đã phát hiện và lập biên bản. Điều này đã ảnh hưởng đến buổi tham quan của lớp.

Nội dung tường trình (thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân, hậu quả, người chịu trách nhiệm).

Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được các cô bác ở bảo tàng, nhà trường, cô và các bạn tha lỗi. Em xin hứa không bao giờ tái phạm và sẽ luôn chấp hành nghiêm mọi nội quy, quy định nơi công cộng.

Cam đoan và cam kết.

Người viết tường trình

(Kí tên)

Kí tên hoàn tất bản tường trình.

Trương Khánh Ng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Cung cấp thông tin một cách trung thực về vụ việc mà mình có liên quan.

Người đọc

Người yêu cầu làm bản tường trình, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và những người quan tâm đến vụ việc.

– Nếu định tường trình về một vụ việc có thật trong đời sống mà bản thân em có liên quan, cần hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và còn nhớ rõ.

– Nếu vụ việc được tường trình chỉ mang tính chất giả định, trước hết em hãy chú ý đến tư cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt các câu hỏi: *Em là người đại diện hay chỉ tường trình với tư cách cá nhân? Em khởi xướng, tham gia vụ việc hay chỉ là người làm chứng?* Không thể viết tường trình khi chưa xác định rõ mối liên quan trực tiếp của em đối với vụ việc.

nguyenthcs.com

– Để xác định được những thông tin cụ thể cho bản tường trình, em có thể nghĩ đến những vụ việc thường xảy ra sau đây: *mất xe đạp nơi gửi xe của trường; làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao; khởi xướng một cuộc dã ngoại với sự tham gia của nhiều bạn trong lớp khi chưa xin phép gia đình, thầy, cô chủ nhiệm và nhà trường; chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học;...*

2 VIẾT BẢN TƯỜNG TRÌNH

– Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. Chú ý chừa khoảng cách rộng hơn giữa dòng ghi nơi, ngày tháng làm bản tường trình với những thông tin ngay phía trên và tiếp dưới đó.

– Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc. Khi viết dòng này, cũng chú ý chừa khoảng cách trên, dưới hợp lí như khi viết dòng ghi địa điểm, thời gian làm bản tường trình ở trên.

– Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.

– Xưng danh với đầy đủ họ tên.

– Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại. Đặc biệt, cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc.

– Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình. Mẫu câu thường dùng: *Tôi xin cam đoan nội dung trình bày trên là trung thực; Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều mình đã viết;...*

– Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.

– Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.

3 CHỈNH SỬA BẢN TƯỜNG TRÌNH

Dựa vào phần *Thể thức của văn bản tường trình* để tự rà soát và chỉnh sửa:

Nội dung rà soát	Hướng chỉnh sửa
Tên văn bản đã phản ánh đúng nội dung chính được tường trình chưa?	Nếu chưa thì phải sửa lại cho phù hợp.
Sự việc tường trình đã đầy đủ, cụ thể chưa?	Nếu thấy chi tiết nào thừa thì lược bỏ, chi tiết nào thiếu thì bổ sung. Cần sắp xếp các chi tiết theo một trình tự hợp lí.
Tư cách, vai trò của bản thân trong vụ việc đã được xác định rõ ràng chưa?	Nếu chưa, cần sửa lại để làm rõ: bản thân là người gây hậu quả hay chịu hậu quả, là người phải chịu trách nhiệm hay chỉ là người làm chứng.
Có chỗ nào diễn đạt như văn nói không?	Loại bỏ những từ địa phương, những từ mang tính chất khẩu ngữ, những tiếng lóng (nếu có).
Hình thức bản tường trình đã được trình bày đúng quy cách chưa?	Chỉnh sửa theo thể thức của văn bản tường trình đã giới thiệu và bản tường trình tham khảo ở trên.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

Ở phần Đọc, em đã được học các văn bản nói về những nét đẹp riêng của các vùng miền. Những nét đẹp đó gắn với đời sống sinh hoạt của người dân, thể hiện những giá trị văn hoá lâu đời của mỗi địa phương nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, những nét đẹp đó liệu có còn hiện diện và có ý nghĩa đối với cuộc sống của chúng ta ngày nay hay không? Trong những bài học trước, em đã được làm quen với cách trình bày ý kiến về các vấn đề trong đời sống. Tiếp nối nội dung nói và nghe đó, ở bài học này, em sẽ tập trình bày ý kiến riêng của mình về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Văn hoá truyền thống là vấn đề được nhiều người quan tâm. Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang từng bước hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, văn hoá truyền thống có nhiều cơ hội

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống nhằm thể hiện thái độ sống tích cực, có trách nhiệm và thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn hoá truyền thống.

nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức. Để trình bày ý kiến về vấn đề này, em cần chuẩn bị kĩ nội dung nói dựa trên trải nghiệm của chính mình và thông tin từ những tài liệu thu thập được.

– Gợi ý một số vấn đề em có thể chuẩn bị để trình bày ý kiến của mình: thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại; việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống trong đời sống sinh hoạt hằng ngày; giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống; sức hấp dẫn của các di tích lịch sử – văn hoá truyền thống đối với du khách; giá trị của các làng nghề truyền thống đối với phát triển kinh tế và văn hoá; sức cuốn hút của đặc sản địa phương; vai trò kết nối tình thân của những món ăn truyền thống địa phương;...

– Trên cơ sở tìm hiểu toàn diện về vấn đề được lựa chọn và xác định ý kiến của mình về vấn đề đó, em cần hình dung trước những ý kiến phản bác có thể có để xây dựng bài nói có chiều sâu, bao quát được nhiều tình huống thực tế.

– Nếu bài nói có đề cập đến giải pháp bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống, cần chú ý tới tính cụ thể, thiết thực, khả thi của những kế hoạch, hoạt động mà mình đề xuất. Tránh nêu giải pháp một cách chung chung khiến người nghe khó hình dung được kế hoạch hoạt động phải bắt đầu như thế nào.

– Lập đề cương cho bài nói. Gợi ý mẫu đề cương:

- Vấn đề em trình bày:.....
- Lí do em trình bày về vấn đề này:.....
- Những thông tin đáng quan tâm về vấn đề (nội dung thông tin và nguồn thông tin):.....
- Những hình ảnh mà em chia sẻ (trình chiếu):.....
- Ý kiến của em về vấn đề được bàn:.....
- Mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất:.....
- Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề:.....

b. *Tập luyện*

– Khi tập luyện một mình, có thể thực hiện qua hai bước: nhìn vào bản đề cương để nói và nói không cần sử dụng bản đề cương. Đặc biệt, cần chú ý kiểm soát thời gian trình bày bài nói theo quy định hoặc theo dự kiến của bản thân.

– Khi tập luyện theo nhóm, cần luân phiên vào vai người nói hoặc người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói và cách biểu đạt bằng nét mặt cùng các động tác hình thể. Đặc biệt, cần tập nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. *Mở đầu*

– Nêu vấn đề mà em muốn trình bày; nói khái quát lí do vì sao em chọn vấn đề đó.

– Có thể bắt đầu bằng một câu hỏi hoặc một hình ảnh, câu chuyện, tình huống,... để tạo không khí sinh động, hào hứng.

b. *Triển khai*

– Lần lượt trình bày các ý được chuẩn bị sẵn trong đề cương bài nói.

– Tránh quá tập trung vào một ý nào đó làm bố cục của bài nói bị mất cân đối, gây khó khăn cho việc đảm bảo thời gian nói theo quy định.

– Cần sử dụng ngôn ngữ nói tự nhiên (chỉ nên nhìn vào đề cương khi phải dẫn nguyên văn một ý kiến nào đó hay khi phải nêu các số liệu khó nhớ).

– Cần quan sát những phản ứng của người nghe để tập trung vào một khía cạnh nào đó của vấn đề đang được người nghe đặc biệt chú ý và có thể có ý kiến khác.

– Sử dụng cử chỉ, điệu bộ và biểu lộ cảm xúc phù hợp với nội dung trình bày.

– Các thao tác sử dụng bản trình chiếu (nếu có) phải được thực hiện gọn gàng, dứt khoát.

c. *Kết luận*

– Tóm lược nội dung đã trình bày.

– Hướng người nghe vào các hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Huy động trải nghiệm của bản thân để hiểu thấu đáo vấn đề được người nói đề cập. • Tập trung nhận xét, trao đổi về những ý chính của bài nói. • Nêu những ưu điểm nổi bật về nội dung và cách trình bày bài nói. • Nêu những điều em thấy chưa hợp lí trong nội dung và cách trình bày bài nói (chú ý nêu bằng chứng). • Bổ sung những nội dung cần thiết mà em cho là bài nói còn thiếu.	• Lắng nghe, tiếp thu mọi trao đổi với thái độ bình tĩnh và tinh thần cầu thị. • Giải thích ngắn gọn về một số vấn đề mà người nghe có thể hiểu nhầm hoặc băn khoăn. • Trao đổi về những đánh giá mà em cho là chưa thoả đáng, qua đó, củng cố thêm nội dung trình bày của mình (chú ý thể hiện thái độ nhã nhặn trong trao đổi). • Tự rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong việc chuẩn bị nội dung và trình bày bài nói.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* và *Chuyện cơm hến*:

	Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt	*Chuyện cơm hến*
Thể loại		
Những hình ảnh nổi bật		
Đặc điểm lời văn		
Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả		

2. Tìm đọc một số tuỳ bút và tản văn viết về các đề tài cảnh sắc, ẩm thực. Chọn trong số đó một tác phẩm mà em thích nhất và trả lời các câu hỏi sau:

a. Tác phẩm viết về vùng miền hay món ăn cụ thể nào?

b. Tác giả biểu lộ tình cảm, cảm xúc gì?

c. Những từ ngữ nào diễn tả tình cảm, cảm xúc của tác giả làm em xúc động?

d. Em thấy chi tiết nào thú vị nhất?

3. Tìm đọc một số văn bản viết về những nét văn hoá truyền thống ở các vùng miền trên đất nước Việt Nam hoặc nước ngoài.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những đặc điểm cho thấy văn bản thuộc thể loại tản văn.
- Vẻ đẹp của đất nước và con người I-ta-li-a[1] (Italia).
- Những cảm xúc của tác giả về đất nước và con người I-ta-li-a.

Những khuôn cửa dấu yêu

TRƯƠNG ANH NGỌC

Người Ý rất yêu cửa sổ, và thường chăm chút, trang trí chúng theo sở thích riêng. Những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống.

[1] I-ta-li-a: tên gọi của một quốc gia ở châu Âu (thường được người Việt dùng song song với tên quen thuộc có từ trước là *Ý*).

Bao giờ tôi cũng tần ngần rất lâu trước những ô cửa sổ đầy hoa suốt bốn mùa ấy trên đất Ý [...]. Những ô cửa sổ ấy có một sức thu hút kì lạ [...].

Có một ô cửa sổ tôi nhớ mãi. Cửa sổ ấy nằm trên tầng hai của một căn nhà cổ kính trên Bô-rờ-gô Pi-ô (Borgo Pio), một con phố đi bộ nhỏ chỉ cách toà thánh Va-ti-căng (Vatican) vài trăm mét. Nó rất ít khi đóng, kể cả khi chủ căn hộ không có nhà, và phủ quanh năm cạnh ô cửa nhỏ hình chữ nhật luôn là một biển lá thường xuân. Mùa xuân và hè, lá xanh mơn mởn lấp kín bức tường rêu phong, chỉ chừa lại một chút không gian cho những biển thông báo có lẽ đã nằm ở nơi này vài thập kỉ, cạnh đó dựng một chiếc xe đạp của ai đó đã lâu không đi, hoen rỉ và rầu rĩ. Mùa thu, lá cây chuyển màu. Bức tường trở thành một bức tranh màu vàng úa dưới nắng thu. Đầu đông, lá cây sang đỏ và héo dần. Dưới những cơn mưa và cái lạnh của Rô-ma (Roma), trông như chúng đang chết. Chỉ còn cái cửa sổ và ngọn đèn lắp kế bên như một người trí kỉ qua năm tháng là vẫn thế, không đổi, im lặng.

Đấy là góc phố ưa thích của tôi. Tôi đã đi qua đó bao lần, thỉnh thoảng lại ngồi bên quán ăn đối diện và lặng ngắm bức tường dây leo mỗi khi mùa sang. Khuôn cửa nhỏ cũ kĩ, nhìn có vẻ mệt mỏi nhưng vững chãi đã ở đó biết bao năm tháng, phía bên dưới đường là một vòi nước đã tồn tại ở đó ít nhất năm thế kỉ. Biết bao nhiêu người Rô-ma đã đi qua đây, bao nhiêu Giáo hoàng, Hồng y và những thế hệ người khác đã đặt chân lên nơi đây, dừng chân, khum tay hứng nước và uống ở cái vòi chảy suốt ngày đêm, cho thứ nước mát lạnh mà ông bạn già của tôi – chính là người chủ của căn hộ có chiếc cửa sổ chằng chịt cây thường xuân ấy – đã khẳng định rằng đấy là "nước thánh". Tiếng nước róc rách chảy từ đó càng làm cho khung cảnh trở nên lắng đọng và êm ả theo bốn mùa, trên một con phố cấm ô tô và từ lâu đã nổi tiếng là một trong những nơi đẹp nhất thủ đô I-ta-li-a, vốn chạy thẳng đến một bên hàng cột trứ danh mà Gian Lo-ren-dô Be-rơ-ni-ni (Gian Lorenzo Bernini) đã thiết kế, ôm lấy quảng trường San Pi-e-tơ-rô (San Pietro) mênh mông.

Căn hộ ấy buổi tối luôn sáng đèn. Cánh cửa mở hé và từ đó luôn phảng phất mùi pa-xta[1] cho bữa tối, tiếng dao dĩa lách cách dọn bàn, tiếng ai đó húng hắng ho, tiếng dép lệt sệt trên sàn, rồi một người lướt nhanh qua, bóng in trên trần nhà. Cửa sổ chỉ đóng những hôm quá lạnh, hoặc trời đổ mưa. Rồi có lần chính tôi cũng ở trong căn phòng nhỏ ấy vào một ngày giữa thu, nhoài người ra khung cửa sổ, giữa bốn bề thường xuân vây phủ, ngắm cuộc sống lặng lờ trôi phía dưới. Những bà xơ đi qua, bóng màu áo xám của dòng tu in trên nền gạch. Những khách du lịch rảo bước và chụp ảnh. Một đôi uyên ương hôn nhau ở góc phố. Ông bồi bàn già quen thuộc mà tôi yêu mến của quán An Pa-xê-tô (Al Passetto) gần đó đang đứng tựa cửa và hát một điều gì đó. Ở một ngõ nhỏ đỗ đầy xe hơi và xe gắn máy, đèn đường đã sáng. Bức tranh Đức mẹ Ma-ri-a (Maria) đã cũ lắm cũng được thắp sáng bởi một ngọn đèn nhỏ. Chúa,

[1] *Pa-xta*: mì ống.

Đức mẹ, những mảnh đời khác nhau của bao người cùng tồn tại trong một thành phố pha trộn cả nét mới và cổ kính, không tráng lệ mà thâm trầm, lãng mạn, chầm chậm trôi cùng với thời gian.

Trong cái thế giới bảng lảng ấy, những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống. Mà những cửa sổ như thế ở Rô-ma nói riêng và trên đất Ý nhiều lắm, không sao kể hết, mỗi chiếc có một vẻ đẹp riêng [...].

Tôi yêu bức tường có khuôn cửa xanh ở Bô-rờ-gô Pi-ô [...]. Yêu khu Tơ-ra-xtê-vê-rê (Trastevere) với những căn nhà liêu xiêu, tường vàng vọt, lở loét, đầy tranh vẽ, hè vương vãi những lá, những tờ rơi quảng cáo, những chiếc xe đạp hay ve-xpa nhợt nhạt vì thời gian dựa bên tường, nhưng lúc nào cũng ngự trị ở đó một cửa sổ ngạo nghễ với thời gian. Có cửa sổ đầy bụi bẩn, chẳng bao giờ mở ra. Có cái được gia cố bởi chấn song và lưới mắt cáo, nhưng người ta không quên lắp thêm vào đó một ăng-ten ti vi. Có những cửa sổ đã thành nơi hẹn hò của chim bồ câu. Lại có khuôn cửa lắp kính trong suốt, để người đi đường ngắm. Bên trong đó là một tiệm kem, một bếp của nhà hàng, thậm chí chỉ là một tiệm giặt ủi. Có cả những cửa kính đã vỡ từ nhiều năm nay, nhưng chủ quán cũng chẳng có ý định thay, như quán La Re-nen-la (La Rennella) nổi tiếng ở khu Tơ-ra-xtê-vê-rê. Bên trong tấm kính vỡ nhằng nhịt ấy là một cái bếp chật hẹp, vương vãi bột mì, pho mát, cà chua thái, bếp lò, ánh đèn vàng yếu ớt từ trên trần hắt xuống và những người thợ làm bánh lúi húi ở đó. Thứ pizza[1] ngon nổi tiếng của quán được sinh ra từ đấy.

Cửa sổ chính là tâm hồn của căn nhà mang nó, và thể hiện cả cá tính cũng như tâm hồn của người chủ. Tôi tin là thế [...]. Chỉ cần nhìn những khuôn cửa của những người không quen biết ấy, ta cũng có thể đoán được phần nào đấy họ là ai và tự nhiên thấy họ thật gần gũi với mình. Những cửa sổ đầy hoa là của những người yêu thiên nhiên và muốn đem vẻ đẹp của nó cho căn nhà của mình, từ đó biến nơi mà họ sống thành một điểm đáng yêu ở khu phố. [...] Những khuôn cửa treo các lá cờ của đội bóng lại là một tuyên ngôn về tình yêu bóng đá, là sự tự hào về đội bóng mà họ yêu mến. [...] Ở vùng rượu Chi-an-ti Cla-xi-co (Chianti Classico) của xứ Tô-xca-na (Toscana), cửa sổ đôi khi không được trang trí bằng hoa, mà bằng những chai rượu hoặc nút chai vang.

Có những khuôn cửa sổ và ban công không có hoa, mà chỉ có dây phơi. Những bà già vẫn thỉnh thoảng nhoài người phơi quần áo trên đó, hoặc đôi khi họ im lặng tựa cửa nhìn đời trôi dưới đường. Dưới nắng, chăn và quần áo phấp phới bay. Những cảnh ấy rất hay gặp ở miền Nam nước Ý, từ Na-pô-li (Napoli) cho đến Pa-le-rơ-mô (Palermo). [...] Xa Na-pô-li một chút, dọc con đường

[1] *Pizza*: một loại bánh dẹt, tròn được chế biến từ bột mì, nấm men, thường được xem là món ăn đặc trưng của ẩm thực I-ta-li-a.

A-man-phi (Amalfi) huyền thoại, hoa luôn nở đỏ hoặc tím trên những bức tường, những khuôn cửa, ban công, chìa ra cả phía biển. [...] Những cửa sổ đầy hoa mở ra phía biển để đón gió, đón nắng và gửi lại cho thế giới bên ngoài lòng yêu cuộc sống thiết tha từ những đôi mắt nhìn ra từ khuôn cửa ấy. [...]

Bạn cũng sẽ không thể hiểu được những căn nhà I-ta-li-a nếu bạn không muốn ngắm nhìn những khuôn cửa. [...] Đấy là tâm hồn của những ngôi nhà ta đã gặp trên những hành trình dọc ngang nước Ý. Ai biết được, sau những cửa sổ ấy, có ai đang nhìn ta và có những tâm hồn đồng điệu và tri kỉ ta đã kiếm tìm trong cả cuộc đời...

Một cửa sổ mùa xuân ở I-ta-li-a, ảnh của Trương Anh Ngọc

(Trương Anh Ngọc, *Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 75 – 80)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một số bài thơ, tuỳ bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước. Ghi vào nhật kí đọc sách những nội dung đáng chú ý của các văn bản mà em đã đọc.
2. Trao đổi với các bạn về:
   - Nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản.
   - Những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ.
   - Chất trữ tình, cái tôi của nhà văn và ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tuỳ bút hay tản văn.
3. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về tiếng Việt đã học trong học kì I.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Trong học kì I, em đã học các bài *Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước, Màu sắc trăm miền*. Hãy chọn mỗi bài một văn bản mà em xác định là tiêu biểu cho chủ đề và thể loại của bài học và lập bảng vào vở theo mẫu gợi ý sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

2. Em đã thực hành viết các kiểu bài tóm tắt văn bản; tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ; phân tích đặc điểm nhân vật; viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; viết văn bản tường trình. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:

a. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.

b. Tóm tắt một văn bản mà em đã đọc, đã học. Chọn một trong hai hình thức thể hiện sau:

– Tóm tắt văn bản theo hình thức đoạn văn.

– Tóm tắt văn bản bằng hình thức bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

3. Nêu những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kì vừa qua. Những nội dung này có liên quan như thế nào với những gì em đã đọc hoặc viết?

4. Tóm tắt kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong học kì I theo mẫu sau:

Bài	Kiến thức tiếng Việt
Bầu trời tuổi thơ	**Mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ:** Trạng ngữ trong câu có thể là từ hoặc cụm từ, nhờ mở rộng bằng cụm từ, trạng ngữ cung cấp thông tin cụ thể hơn về không gian, thời gian,... **Ví dụ:** *– Buổi sáng, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

	– *Buổi sáng mùa xuân, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.* Từ *mùa xuân* mở rộng cho từ *buổi sáng*, làm rõ hơn thời gian của sự việc được nêu trong câu.

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Sau khi đã ôn tập kiến thức về các thể loại văn bản và tiếng Việt; kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng trong các bài học của học kì I, em hãy thực hành trên lớp và ở nhà (làm vào vở) theo các phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a) Đọc văn bản

Rừng cháy

[...] Quanh co trong rừng, chẳng biết đâu là đâu, thế mà chỉ chừng một giờ sau tía nuôi tôi đã dắt tôi ra đúng chỗ cây tràm chúng tôi ngồi nghỉ ăn cơm chiều bữa trước...

Những ngày nắng ráo như hôm nay, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng. Những thân cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rũ phất phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn [...]. Mùi hương ngòn ngọt nhức đầu của những loại hoa rừng không tên tuổi đằm vào ánh nắng ban trưa, khiến con người dễ sinh buồn ngủ và sẵn sàng ngả lưng dưới một bóng cây nào đó, để cho cảm giác mệt mỏi chốn rừng trưa lơ mơ đưa mình vào một giấc ngủ chẳng đợi chờ...

Tôi đã ngủ một giấc dài như vậy, sau khi tía con chúng tôi đã lấy mật đầy vào hai thùng sắt tây. Cái gùi bé của tôi cũng vừa chất vun gọn những bánh sáp trắng muốt mà tôi đã tỉ mẩn vắt thành những cục tròn tròn như trứng ngỗng.

Tôi ngồi tựa lưng vào một thân cây lá rậm xùm xoà, lơ mơ nhìn những làn tơ nhện mỏng tang rung rung trong ánh nắng. Trong vắng lặng mệt mỏi của rừng đã xế chiều, mọi tiếng động chung quanh tôi đều nghe như không rõ rệt, đều bị nén lại, không một chút âm vang, một thứ vắng lặng mơ hồ rất khó tả. Tôi còn đang chăm chú nghe tiếng quạt cánh của một con ong vàng mà không thấy nó đâu, thì bỗng nghe tiếng động cơ gào rú chuyển động rung trời.

Ba chiếc tàu bay của giặc Pháp bay vút qua bên trên khu rừng chúng tôi đang lấy mật. Chúng bay rất thấp, là là trên ngọn cây, khi tôi vừa kịp nghe thì chúng đã tới rồi [...]. Lửa chớp chớp. Súng liên thanh nã đạn xuống rừng nghe inh tai chát óc.

Rồi hàng loạt bom nổ ầm ầm, chuyển động cả một vùng rừng ban nãy còn lặng phắc như tờ. Đất dưới chân tôi rung rinh như chực sụp xuống. [...]

– An ơi! Nằm xuống mau. Nó thả cái gì đen đen xuống kia. Nó thả... – Tía nuôi tôi chưa nói dứt câu, vội đẩy tôi nằm gí xuống cỏ. [...] Hai khuỷu tay tôi chống xuống đất đỡ bộ ngực lên, đầu cúi gằm xuống trước, tôi dán sát thân mình vào đất như con thằn lằn. Nếu có bom nổ gần cũng khỏi bị dội tức ngực vì sức chấn động. Phựt... Phựt... Phựt... Tiếng gì vậy? Sao không nghe tiếng nổ?

– Chắc là bom lép, đừng ngóc đầu dậy nghe con! – Tía nuôi tôi vừa bảo tôi như vậy, trong lúc tôi chưa kịp ngóc đầu lên thì bỗng nghe tía nuôi tôi hét một tiếng gọi: "An ơi!". Chưa bao giờ tôi nghe ông kêu to như vậy, một thứ tiếng kêu rụng rời, đầy khủng khiếp, kinh hoàng.

– Giặc đốt rừng, con ơi! – Tía nuôi tôi tay vớ chiếc nỏ, tay lôi tôi nhỏm dậy.

nguyanthcs.com

Một màn khói đen cuồn cuộn dựng lên trên dãy rừng dọc dài theo sông. [...] Tiếng động cơ vẫn gào rú khủng khiếp trên đầu chúng tôi. Chúng không bắn nữa... Chỉ nghe tiếng phựt... phựt... Lửa cháy khắp bốn phía rồi. [...]

– Làm sao khiêng hai thùng mật, tía ơi! – Tôi tiếc của, kêu lên.

– Chạy thoát thân đã! – Tía nuôi tôi vất cái nón đang đội trên đầu xuống, tay chỉ cầm chiếc nỏ lôi tôi chạy ngược hướng gió, nơi ngọn lửa bắt đầu tràn đến chúng tôi...

– Lửa dày ở đó... Đừng về phía đó, tía ơi!

– Thoát ra mau. Cố lên. May ra thì còn kịp...

[...] Hốt nhiên, tôi nghe có nhiều tiếng chân chạy dồn dập trên đất, như tiếng giày khua.

– Tía ơi, Tây đuổi sau lưng nhiều quá!

– Tây đâu mà Tây. Cứ chạy đi!

Mặc cho tía tôi quát, tôi vẫn cứ ngoái đầu trông lại. Trời ơi, không phải Tây. Trong khói mù nhô ra một con heo đầu đàn, cao gần bằng con bò, lông gáy dựng ngược, mũi ngước lên thở phì phì làm cho hai cái nanh dài chỗ khoé mép vươn ra như hai lưỡi dao găm. Rồi vun vút tràn đến một bầy heo rừng, con lớn con bé tranh nhau chạy, sống lưng nhấp nhô tràn tới như một đàn heo mực. Nai co giò phóng bay qua những lùm cây thấp. Hươu, chồn bông lau, cáo, mèo,... tất cả những con thú bốn chân trong rừng đều nhắm mắt nhắm mũi tranh nhau chạy...

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*, Sđd, tr. 172 – 175)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. *Đề tài chính được tác giả khai thác trong văn bản là gì?*

A. Thiên nhiên vùng rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp

B. Thiên nhiên và cuộc sống con người vùng rừng tràm Nam Bộ

C. Nạn cháy rừng và những nguy cơ về môi trường vùng rừng tràm Nam Bộ

D. Cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Câu 2. *Giữa người kể chuyện và các sự việc trong câu chuyện có mối quan hệ như thế nào?*

A. Người kể chuyện là người chứng kiến các sự việc đã xảy ra.

B. Người kể chuyện là một nhân vật trong tác phẩm.

C. Người kể chuyện vừa chứng kiến vừa trực tiếp tham gia vào sự việc.

D. Người kể chuyện được nghe kể lại từ lời một nhân vật khác.

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Nêu những chi tiết tiêu biểu giúp em nhận biết thời gian, không gian của các sự việc xảy ra trong câu chuyện.

Câu 2. Tóm tắt nội dung câu chuyện (khoảng 7 – 10 câu).

Câu 3. Các sự việc trong câu chuyện được kể theo trình tự nào?

Câu 4. Tìm những chi tiết tiêu biểu thể hiện tính cách của nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích đặc điểm nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. NÓI VÀ NGHE

Trình bày tóm tắt một văn bản truyện em tự tìm đọc có nội dung gần gũi với những văn bản đã học.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

a Đọc đoạn thơ

tôi yêu đất nước này áo rách
căn nhà dột phên không ngăn nổi gió
vẫn yêu nhau trong từng hơi thở
lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài
thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai
tôi yêu đất nước này như thế

như yêu cây cỏ ở trong vườn
như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
nuôi tôi thành người hôm nay
yêu một giọng hát hay
có bài mái đẩy thơm hoa đại
có sáu câu vọng cổ chứa chan
có ba ông táo thờ trong bếp

(Trần Vàng Sao, trích *Bài thơ của một người yêu nước mình*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020, tr. 35)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. *Cách trình bày các dòng thơ trong đoạn trích có gì đặc biệt?*

A. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy trong các dòng thơ

B. Không viết hoa tên riêng trong các dòng thơ

C. Không viết hoa tiếng mở đầu, không sử dụng dấu câu

D. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy cuối dòng thơ

Câu 2. *Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong từ ngữ in đậm sau đây: "tôi yêu đất nước này* ***áo rách****"?*

A. Nhân hoá

B. Hoán dụ

C. Ẩn dụ

D. So sánh

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Tình cảm của nhà thơ với đất nước được thể hiện đậm nét ở những từ ngữ, hình ảnh, dòng thơ nào?

Câu 2. Hình ảnh đất nước hiện lên như thế nào trong cảm nhận của nhà thơ?

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ "lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài".

Câu 4. Các dòng thơ "căn nhà dột phên không ngăn nổi gió/ vẫn yêu nhau trong từng hơi thở" gợi cho em những liên tưởng gì về đất nước, con người Việt Nam?

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) nêu cảm nhận của em về tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người được bộc lộ trong đoạn trích trên.

3. NÓI VÀ NGHE

Trình bày cảm xúc của em sau khi đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ yêu thích.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Trang
1	ẩn dụ	50, 51,134
2	bằng chứng	9, 31, 32, 75,...
3	biện pháp tu từ	38, 39, 42, 47,...
4	cái tôi (của tuỳ bút, tản văn)	105, 106, 115, 116,...
5	cảm xúc	10, 11, 15, 24,...
6	câu chuyện	9, 22, 30, 31,...
7	chất trữ tình	105, 109, 129
8	chi tiết tiêu biểu	9, 10, 24, 29,...
9	chủ đề	28, 33, 38, 57,...
10	cốt truyện	10, 33, 106
11	dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu)	110
12	dấu ngoặc đơn	95
13	đặc điểm nhân vật	57, 74, 75, 77,...
14	đề tài	9, 10, 16, 30,...
15	(biện pháp tu từ) điệp ngữ	42, 50, 101
16	hành động (của nhân vật)	9, 10, 24, 54,...
17	hình ảnh (trong sáng tác văn học)	26, 27, 38, 39,...
18	kiểu người kể chuyện	57, 58, 71, 87
19	lí lẽ	9, 31, 32, 82,...
20	lời người kể chuyện	9, 17, 57, 77,...
21	lời thoại	9, 57
22	miêu tả	10, 17, 19, 24,...
23	mục đích	28, 30, 52, 53,...
24	ngôn ngữ của các vùng miền	105
25	ngữ cảnh	88, 89, 92, 93,...
26	người kể chuyện ngôi thứ ba	57, 58, 71
27	người kể chuyện ngôi thứ nhất	57, 58
28	nhân vật	9, 10, 11, 14,...
29	nhịp (trong thơ)	38, 39, 40, 41,...
30	(biện pháp tu từ) nói giảm nói tránh	38, 39, 42
31	phó từ	57, 58, 72

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

32	(biện pháp tu từ) so sánh	27, 50, 51, 101,...
33	số từ	57, 58, 64, 65
34	sự kiện	10, 106
35	tản văn	44, 105, 106, 115,...
36	thành phần chính của câu	24, 25
37	thể loại	39, 44, 88, 97,...
38	thể thơ	44, 48, 50, 51,...
39	thông điệp	50, 105
40	thơ bốn chữ	38, 39, 48, 50,...
41	thơ năm chữ	39, 44
42	thơ trữ tình	88, 89
43	tính cách nhân vật	9, 10, 57, 71
44	tóm tắt (một văn bản)	9, 10, 22, 27,...
45	trạng ngữ	9, 10, 17, 18,...
46	truyện	9, 10, 16, 17,...
47	truyện kể	57, 58, 87
48	trữ tình	24, 88, 89, 105,...
49	tuỳ bút	105, 106, 109, 110,...
50	tư tưởng	10, 89, 106
51	văn bản	9, 10, 22, 27,...
52	văn bản tường trình	105, 106, 120, 121,...
53	văn biểu cảm	88, 98, 130
54	vần (thơ)	38, 39, 40, 41,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 2

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	cái tôi (của tuỳ bút, tản văn)	cá tính, sở thích, đặc điểm tư duy và cảm xúc, cách xử lí chất liệu nghệ thuật riêng của tác giả được thể hiện qua trang viết
2	chất trữ tình	một tính chất của sáng tác gắn liền với việc biểu lộ đậm nét cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ đầy màu sắc chủ quan của người viết trước các đối tượng khác nhau trong đời sống

3	hình ảnh (trong sáng tác văn học)	một phương tiện thể hiện cảm nhận, đánh giá về đời sống của nhà văn, mang hình thức cụ thể, trực quan, làm hiện hình sống động đối tượng mà người viết muốn nói tới
4	kiểu người kể chuyện	mô hình chung về một loại nhân vật đặc thù trong tác phẩm tự sự, đảm nhiệm chức năng kể lại toàn bộ câu chuyện làm nên nội dung chính của tác phẩm, hoặc từ góc nhìn của người tham dự, chứng kiến, trải nghiệm và chỉ bao quát được sự việc, con người ở mức độ hạn chế, hoặc từ góc nhìn của người vô hình nhưng nhìn thấy và biết tất cả mọi điều
5	ngôn ngữ của các vùng miền	biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng
6	ngữ cảnh	bối cảnh mà ở đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng, gồm bối cảnh trong văn bản và bối cảnh ngoài văn bản
7	người kể chuyện ngôi thứ ba	một kiểu người kể chuyện, tuy ẩn danh, náu mình và không tham dự vào câu chuyện được kể nhưng gần như biết hết mọi điều xảy ra
8	người kể chuyện ngôi thứ nhất	một kiểu người kể chuyện, xưng "tôi" hoặc dùng một đại từ khác có ý nghĩa tương đương để kể về câu chuyện với tư cách là người tham dự, chứng kiến hoặc được nghe thuật lại; có tầm bao quát hạn chế hơn so với người kể chuyện ngôi thứ ba
9	nhịp (trong thơ)	yếu tố cấu tạo cơ bản của thơ, có thể nhận biết qua hệ thống những điểm ngắt, điểm ngừng được phân bố trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ
10	nói giảm nói tránh	biện pháp tu từ làm giảm mức độ, quy mô, tính chất,... của đối tượng hoặc không nói trực tiếp điều muốn nói để tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự
11	phó từ	một từ loại phải luôn đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ
12	số từ	một từ loại gồm các từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật
13	tản văn	một thể loại văn xuôi có dung lượng nhỏ, chấm phá một vài nét về đời sống bằng bút pháp linh động, giàu sức gợi, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phương thức biểu hiện như tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, khảo cứu

14	thơ bốn chữ	một thể thơ không quy định độ dài của bài, mỗi dòng bốn chữ (tiếng), thường sử dụng vần chân và vần được gieo liên tiếp hoặc gián cách, thỉnh thoảng lại đổi vần; gần với đồng dao, thích hợp với việc dùng để kể chuyện
15	thơ năm chữ	một thể thơ truyền thống, mỗi dòng có năm chữ (tiếng), không hạn định số dòng trong bài, thường sử dụng vần chân gieo liên tiếp hoặc cách quãng, có thể đổi vần một cách linh hoạt; thích hợp cho việc thể hiện nội dung hoài niệm
16	thơ trữ tình	một loại thơ có nội dung chính là cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình; phân biệt với thơ tự sự
17	tính cách nhân vật	yếu tố có tính cốt lõi của một nhân vật văn học, được bộc lộ bền vững qua mọi suy nghĩ, việc làm, hành vi giao tiếp của nhân vật đó
18	tóm tắt (một văn bản)	tạo một văn bản mới tương đồng với văn bản gốc về nội dung nhưng có dung lượng nhỏ hơn nhiều và mang hình thức diễn đạt khác, dựa trên hai thao tác chính: giữ lại những yếu tố cốt lõi của sự việc, luận điểm, thông tin và lược bỏ những yếu tố được xem là phụ
19	tuỳ bút	một thể văn xuôi thuộc loại hình kí, giàu tính trữ tình, triết lí, lấy cái tôi của tác giả làm điểm tựa khi trình bày những ghi chép, miêu tả về con người, sự việc có thực theo một bố cục tự do, đầy ngẫu hứng
20	văn bản tường trình	loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, trình bày cô đọng về một vụ việc cần được xem xét, làm rõ và giải quyết mà người viết có liên quan
21	văn biểu cảm	loại văn bản ưu tiên việc thể hiện cảm xúc sâu đậm trước những sự vật, sự việc được miêu tả hay được kể tới
22	vần (thơ)	một yếu tố cấu tạo quan trọng của bài thơ, đảm bảo chức năng hoà thanh và liên kết, được nhận biết nhờ sự lặp lại của bộ phận vần trong những âm tiết khác nhau nằm ở một số vị trí nhất định trong chuỗi dòng thơ

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Nguyên ngữ	Phiên âm	Trang
1	Al Passetto	An Pa-xê-tô	127
2	Altynai Sulaimanova	An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va	66
3	Amalfi	A-man-phi	128
4	Borgo Pio	Bô-rờ-gô Pi-ô	127, 128
5	Chianti Classico	Chi-an-ti Cla-xi-co	128
6	Chingiz Aitmatov	Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp	58, 65, 70, 71
7	Dyuishen	Đuy-sen	65, 66, 67, 68, 69, 70, 71,...
8	Giacomo Leopardi	Gia-cô-mô Lê-ô-pác-đi	9
9	Gian Lorenzo Bernini	Gian Lo-ren-dô Be-rơ-ni-ni	127
10	Italia	I-ta-li-a	126, 127, 129
11	Jaymilya	Gia-mi-li-a	70, 71
12	Kuhonbutsu	Cư-hôn-bút-sư	34
13	Kuroyanagi Tetsuko	Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô	33, 34, 37
14	Kyrgyzstan	Cư-rơ-gư-dơ-xtan	65, 71
15	La Renella	La Re-nen-la	128
16	Maria	Ma-ri-a	127
17	Mexico	Mê-xi-cô	23
18	Moskva	Mát-xcơ-va	66, 70
19	Napoli	Na-pô-li	128
20	Palermo	Pa-le-rơ-mô	128
21	Peter Pan	Pi-tơ Pen	63
22	Ray Bradbury	Ray Brát-bơ-ry	57
23	Roma	Rô-ma	127, 128
24	San Pietro	San Pi-e-tơ-rô	127
25	Tokyo	Tô-ki-ô	33
26	Tomoe	Tô-mô-e	33, 34
27	Toscana	Tô-xca-na	128
28	Tottochan	Tốt-tô-chan	33, 34, 35, 36,...
29	Trastevere	Tơ-ra-xtê-vê-rê	128
30	Vatican	Va-ti-căng	127
31	Yamamoto Yasuaki	Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki	33, 34
32	Yasuakichan	Ya-sư-a-ki-chan	34, 35, 36, 37

ngữvănlớp6.com
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUỲ TRANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGÔ QUANG THẾ
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 7 – TẬP MỘT

Mã số: G1HH7V001H22
In ..... bản (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in: ..... Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 146-2022/CXBIPH/19-48/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2022.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2022.
Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-30718-7
Tập 2: 978-604-0-30719-4

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một
2. Ngữ văn 7, tập hai
3. Toán 7, tập một
4. Toán 7, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Lịch sử và Địa lí 7
8. Mĩ thuật 7
9. Âm nhạc 7
10. Giáo dục công dân 7
11. Tin học 7
12. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
13. Giáo dục thể chất 7
14. Tiếng Anh 7

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-30718-7

Bản in thử
SÁCH KHÔNG BÁN